

# Hướng dẫn Sử dụng



HP Laser 103 series  
HP Laser 107 series  
HP Laser 108 series



[www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100)

---

# Bản quyền và Giấy phép

© Bản quyền 2019 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm sao lại, chỉnh sửa hoặc dịch thuật mà không có sự cho phép trước bằng văn bản, trừ khi được cho phép theo luật bản quyền.

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Bảo hành duy nhất cho các sản phẩm và dịch vụ của HP được nêu trong các tuyên bố bảo hành rõ ràng đi kèm với các sản phẩm và dịch vụ đó. Không điều nào trong tài liệu này được hiểu là tạo nên bảo hành bổ sung. HP sẽ không chịu trách nhiệm đối với các lỗi kỹ thuật hoặc biên tập hoặc thiếu sót trong tài liệu này.

- Adobe®, Adobe Photoshop®, Acrobat®, và PostScript® là thương hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Apple và logo Apple là thương hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- OS X là thương hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- AirPrint là thương hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- iPad là thương hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- iPad, iPhone, iPod touch, Mac và Mac OS là các thương hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Microsoft® và Windows® là các thương hiệu đã đăng ký tại Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.
- Tất cả các thương hiệu hoặc tên sản phẩm khác là các thương hiệu của công ty hoặc tổ chức tương ứng của họ.

REV. 1.00

---

# Mục lục

---

<b>Giới thiệu</b>	Lợi ích chính	6
	Tính năng theo mẫu máy	7
	Cần biết	9
	Giới thiệu về hướng dẫn sử dụng này	10
	Thông tin an toàn	11
	Tổng quan về máy	17
	Tổng quan về bảng điều khiển	20
	Bật máy	21
Cài đặt phần mềm	22	
<hr/>		
<b>Học cách Sử dụng Cơ bản</b>	Cài đặt cơ bản của máy	24
	Phương tiện và khay	25
<hr/>		
<b>Sử dụng Máy Kết nối Mạng</b>	Thiết lập mạng	33
	Cài đặt trình điều khiển qua mạng	35
	Thiết lập mạng không dây	36
	Sử dụng HP Embedded Web Server	41
	Ứng dụng HP Smart	44
<hr/>		
<b>In</b>	In cơ bản	47
	Hủy tác vụ in	48
	Mở tùy chọn in	49
	Sử dụng cài đặt ưa thích	50
	Sử dụng trợ giúp	51
	Tính năng in	52
	Sử dụng HP Easy Printer Manager	57
	Sử dụng chương trình Printer Status	60
<hr/>		
<b>Bảo trì</b>	Đặt hàng vật tư và phụ kiện	63
	Vật tư có sẵn	64
	Bộ phận bảo trì có sẵn	65
	Bảo quản hộp mực	66
	Phân phối lại mực	68

	Thay hộp mực	69
	Làm sạch máy	70
<hr/>		
<b>Khắc phục sự cố</b>	Mẹo để tránh kẹt giấy	74
	Loại bỏ kẹt giấy	75
	Hiểu đèn LED	77
	Thông báo “Low Toner” hoặc “Very Low Toner” hiển thị trong báo cáo thông tin Vật tư	79
	Vấn đề khi nạp giấy vào	80
	Vấn đề kết nối nguồn và cáp	81
	Giải quyết vấn đề khác	82
	Giải quyết các sự cố mạng không dây	91
<hr/>		
<b>Phụ lục</b>	Thông số kỹ thuật chung	95
	Thông số kỹ thuật phương tiện in	96
	Yêu cầu hệ thống	98

---

# Giới thiệu

Chương này cung cấp thông tin bạn cần biết trước khi sử dụng máy.

• Lợi ích chính	6
• Tính năng theo mẫu máy	7
• Cần biết	9
• Giới thiệu về hướng dẫn sử dụng này	10
• Thông tin an toàn	11
• Tổng quan về máy	17
• Tổng quan về bảng điều khiển	20
• Bật máy	21
• Cài đặt phần mềm	22

---

# Lợi ích chính

## Thân thiện với môi trường

- Để tiết kiệm giấy, bạn có thể in nhiều trang trên một tờ giấy.
- Để tiết kiệm điện, máy này sẽ tự động tiết kiệm điện bằng cách giảm đáng kể mức tiêu thụ điện năng khi không sử dụng.
- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giấy tái chế để tiết kiệm năng lượng.

## Thuận tiện

- Nếu bạn có quyền truy cập Internet, bạn có thể nhận trợ giúp, ứng dụng hỗ trợ, trình điều khiển máy, hướng dẫn sử dụng và thông tin đặt hàng từ trang web HP ([www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100)).

## Một loạt các chức năng và hỗ trợ ứng dụng

- Hỗ trợ nhiều cỡ giấy khác nhau.
- In hình mờ: Bạn có thể tùy chỉnh tài liệu của mình bằng các từ, chẳng hạn như “Bí mật”.
- In áp phích: Văn bản và hình ảnh của mỗi trang trong tài liệu của bạn được phóng to và in trên nhiều tờ giấy và sau đó có thể được dán lại với nhau để tạo thành áp phích.

## Hỗ trợ nhiều phương thức cài đặt mạng không dây khác nhau



Mạng không dây có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy.

- Sử dụng nút **(|)**(**Không dây**)
  - Bạn có thể dễ dàng kết nối với mạng không dây bằng cách sử dụng nút **(|)**(**Không dây**) trên máy và điểm truy cập (bộ định tuyến không dây).
- Sử dụng cáp USB
  - Bạn có thể kết nối và thiết lập nhiều cài đặt mạng không dây khác nhau bằng cách sử dụng cáp USB.
- Sử dụng Wi-Fi Direct
  - Bạn có thể in một cách thuận tiện từ thiết bị di động bằng cách sử dụng tính năng Wi-Fi hoặc Wi-Fi Direct.

# Tính năng theo mẫu máy

Một số tính năng và hàng hóa tùy chọn có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy hoặc quốc gia.

## Hệ Điều hành

Mẫu máy/Số sản phẩm	HP Laser 107a HP Laser 107r HP Laser 108a HP Laser 103a	HP Laser 107w HP Laser 108w
Windows	•	•
Mac		
Linux	•	•

(•: Được hỗ trợ, Trống: Không được hỗ trợ)

## Phần mềm

Mẫu máy/Số sản phẩm	HP Laser 107a HP Laser 107r HP Laser 108a HP Laser 103a	HP Laser 107w HP Laser 108w
Trình điều khiển máy in	•	•
HP Easy Printer Manager	•	•
Tình trạng Máy in	•	•
HP Embedded Web Server		•

(•: Được hỗ trợ, Trống: Không được hỗ trợ)

## Tính năng đa dạng

Mẫu máy/Số sản phẩm	HP Laser 107a HP Laser 107r HP Laser 108a HP Laser 103a	HP Laser 107w HP Laser 108w
USB Tốc độ cao 2.0	●	●
Ethernet Giao diện Mạng 10/100 Base TX LAN có dây		
Giao diện Mạng 802.11b/g/n LAN không dây		●
Wi-Fi Protected Setup™ (WPS)		●

(●: Được hỗ trợ, Trống: Không được hỗ trợ)



---

# Cần biết

## Tôi có thể tải xuống trình điều khiển của máy ở đâu?

- Truy cập [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100) để tải xuống trình điều khiển mới nhất của máy và cài đặt nó trên hệ thống của bạn.

## Tôi có thể mua phụ kiện hoặc vật tư ở đâu?

- Hỏi nhà phân phối HP hoặc nhà bán lẻ của bạn.
- Truy cập trang web HP (<https://store.hp.com/>). Bạn có thể xem thông tin dịch vụ sản phẩm.

## Đèn LED chú ý nhấp nháy hoặc sáng liên tục.

- Tắt và bật lại sản phẩm.
- Kiểm tra ý nghĩa của chỉ báo đèn LED trong sách hướng dẫn này và khắc phục sự cố cho phù hợp (xem "Hiểu đèn LED" trên trang 77).

## Đã xảy ra kẹt giấy.

- Mở và đóng nắp trên (xem "Mặt trước" trên trang 18).
- Kiểm tra các hướng dẫn về loại bỏ giấy bị kẹt trong sách hướng dẫn này và khắc phục sự cố cho phù hợp (xem "loại bỏ kẹt giấy" trên trang 75).

## Bản in bị mờ.

- Mức mực in có thể thấp hoặc không đều. Lắc hộp mực.
- Thử cài đặt độ phân giải in khác.
- Thay hộp mực.

## Máy không in.

- Mở danh sách hàng đợi in và xóa tài liệu khỏi danh sách (xem "Hủy tác vụ in" trên trang 48).
- Gỡ bỏ trình điều khiển và cài đặt lại (xem "Cài đặt phần mềm" trên trang 22).
- Chọn máy của bạn làm máy mặc định trong Windows của bạn.

# Giới thiệu về hướng dẫn sử dụng này

Hướng dẫn sử dụng này cung cấp thông tin để bạn có hiểu biết cơ bản về máy cũng như các bước chi tiết về cách sử dụng máy.




- Không rút bỏ sách hướng dẫn này, và giữ nó để tham khảo trong tương lai.
- Đọc thông tin an toàn trước khi sử dụng máy.
- Nếu bạn gặp vấn đề khi sử dụng máy, hãy tham khảo chương khắc phục sự cố.
- Các thuật ngữ được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này được giải thích trong chương bảng chú giải thuật ngữ.
- Tất cả các minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn tùy thuộc vào tùy chọn hoặc mẫu máy bạn đã mua.
- Ảnh chụp màn hình trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn tùy thuộc vào phiên bản vi chương trình/trình điều khiển của máy.
- Các quy trình trong hướng dẫn sử dụng này chủ yếu dựa trên Windows 7.

## Quy ước

Một số thuật ngữ trong hướng dẫn này được sử dụng thay thế cho nhau, như sau:

- Tài liệu đồng nghĩa với bản gốc.
- Giấy đồng nghĩa với phương tiện hoặc phương tiện in.
- Máy chỉ đến máy in hoặc MFP.

## Biểu tượng chung



Biểu tượng	Văn bản	Mô tả
	<b>Cảnh báo</b>	Được sử dụng để cảnh báo người dùng về khả năng gây thương tích cá nhân.
	<b>Thận trọng</b>	Cung cấp cho người dùng thông tin để bảo vệ máy khỏi hư hỏng cơ học hoặc sự cố có thể xảy ra.
	<b>Lưu ý</b>	Cung cấp thông tin bổ sung hoặc thông số kỹ thuật chi tiết về chức năng và tính năng của máy.

# Thông tin an toàn

Những cảnh báo và biện pháp phòng ngừa này được đưa vào để ngăn chặn thương tích cho bạn và những người khác, và để ngăn chặn bất kỳ hư hỏng tiềm ẩn nào cho máy. Đảm bảo đọc và hiểu tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng máy. Sau khi đọc phần này, cất nó ở nơi an toàn để tham khảo trong tương lai.



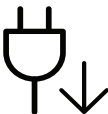


## Ký hiệu an toàn quan trọng

Giải thích tất cả các biểu tượng và dấu hiệu được sử dụng trong chương này

	<b>Cảnh báo</b>	Các nguy hiểm hoặc thực hành không an toàn có thể dẫn đến thương tích cá nhân nghiêm trọng hoặc tử vong.
	<b>Thận trọng</b>	Các nguy hiểm hoặc thực hành không an toàn có thể dẫn đến thương tích cá nhân hoặc thiệt hại về tài sản nhỏ.

## Môi trường vận hành

### Cảnh báo




	Không sử dụng nếu dây nguồn bị hỏng hoặc ổ cắm điện không được nối đất. Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.
	Không đặt bất cứ thứ gì lên trên máy (nước, vật kim loại nhỏ hoặc nặng, nến, thuốc lá đã châm, v.v.). Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.
	<ul style="list-style-type: none"><li>Nếu máy bị quá nhiệt, máy sẽ phát ra khói, gây ra tiếng động lạ hoặc tạo ra mùi lạ, ngay lập tức tắt công tắc nguồn và rút phích cắm của máy.</li><li>Người dùng có thể tiếp cận ổ cắm điện trong trường hợp khẩn cấp mà có thể yêu cầu người dùng rút phích cắm ra.</li></ul> Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.
	Không uốn cong hoặc đặt vật nặng lên dây nguồn. Giẫm vào hoặc để cho dây nguồn bị vật nặng nghiền nát có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.
	Không tháo phích cắm bằng cách kéo dây điện; không cầm phích cắm bằng tay ướt. Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.





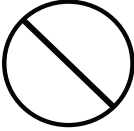
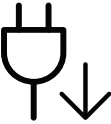
## **Thận trọng**

	<p>Khi bị nhiễu điện hoặc trong thời gian không hoạt động, tháo phích cắm ra khỏi ổ cắm điện.</p> <p>Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Hãy cẩn thận, vùng đầu ra giấy nóng.</p> <p>Có thể bị bỏng.</p>
	<p>Nếu máy bị rơi hoặc nếu tủ bị hỏng, rút phích cắm máy ra khỏi tất cả các kết nối giao diện và yêu cầu nhân viên dịch vụ đủ tiêu chuẩn hỗ trợ.</p> <p>Nếu không, điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Nếu máy không hoạt động đúng cách sau khi đã tuân thủ các hướng dẫn này, rút phích cắm máy ra khỏi tất cả các kết nối giao diện và yêu cầu nhân viên dịch vụ đủ tiêu chuẩn hỗ trợ.</p> <p>Nếu không, điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Nếu không dễ dàng đưa phích cắm vào ổ cắm điện, đừng cố ấn vào.</p> <p>Gọi cho thợ điện để thay ổ cắm điện, nếu không điều này có thể dẫn đến điện giật.</p>
	<p>Không để cho vật nuôi nhai dây nguồn AC, dây điện thoại hoặc dây giao diện PC.</p> <p>Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn và/hoặc thương tích cho vật nuôi của bạn.</p>

## **Phương pháp vận hành**



### **Thận trọng**

	<p>Không kéo mạnh giấy ra trong khi in.</p> <p>Điều này có thể làm hỏng máy.</p>
	<p>Cẩn thận không để tay ở giữa máy và khay giấy.</p> <p>Bạn có thể bị thương.</p>
	<p>Cẩn thận khi thay giấy hoặc loại bỏ giấy bị kẹt.</p> <p>Giấy mới có cạnh sắc và có thể làm đứt tay gây đau đớn.</p>









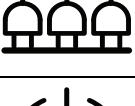

	Khi in số lượng lớn, phần đáy của vùng đầu ra giấy có thể bị nóng. Không cho phép trẻ em chạm vào. Có thể gây bỏng.
	Khi lấy giấy bị kẹt ra, không sử dụng nhíp hoặc vật bằng kim loại sắc nhọn. Điều đó có thể làm hỏng máy.
	Không cho phép xếp chồng quá nhiều giấy lên khay đầu ra giấy. Điều đó có thể làm hỏng máy.
	Không chặn hoặc chèn đồ vật vào lỗ thông gió. Điều này có thể làm tăng nhiệt độ của các bộ phận, gây hư hỏng hoặc hỏa hoạn.
	Việc sử dụng điều khiển hoặc điều chỉnh hoặc thực hiện các quy trình khác với các quy trình được chỉ rõ trong tài liệu này có thể dẫn đến phơi nhiễm bức xạ nguy hiểm.
	Thiết bị tiếp nhận nguồn điện của máy này là dây nguồn. Để tắt nguồn điện, rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.

## Lắp đặt / Di chuyển

### Cảnh báo

	Không đặt máy ở nơi có bụi, độ ẩm hoặc rò rỉ nước. Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.
	Đặt máy trong môi trường nơi nó đáp ứng các thông số kỹ thuật về nhiệt độ và độ ẩm vận hành. Không sử dụng máy khi nhiệt độ dưới nhiệt độ đóng băng hoặc gần đây đã được di chuyển từ nơi dưới nhiệt độ đóng băng. Làm như vậy có thể làm hỏng máy. Chỉ vận hành máy khi nhiệt độ bên trong máy nằm trong khoảng thông số kỹ thuật cho nhiệt độ và độ ẩm vận hành. Nếu không, có thể xảy ra các vấn đề về chất lượng và gây hư hỏng cho máy. Xem "Thông số kỹ thuật chung" trên trang 95.





 **Thận trọng**

	<p>Trước khi di chuyển máy, tắt nguồn và ngắt kết nối tất cả các dây. Thông tin dưới đây chỉ là những gợi ý dựa trên trọng lượng bộ phận. Nếu bạn đang có tình trạng sức khỏe cản trở việc nâng vác, không nâng máy lên. Yêu cầu trợ giúp và luôn sử dụng lượng người thích hợp để bỏ thiết bị ra an toàn.</p> <p>Sau đó nâng máy lên:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Nếu máy nặng dưới 20 kg (44,09 lbs), nâng cùng 1 người.</li><li>• Nếu máy nặng 20 kg (44,09 lbs) - 40kg (88,18 lbs), nâng cùng 2 người.</li><li>• Nếu máy nặng hơn 40 kg (88,18 lbs), nâng cùng 4 người trở lên.</li></ul> <p>Máy có thể rơi, gây thương tích hoặc hỏng máy.</p>
	<p>Chọn bề mặt phẳng với đủ không gian thông gió để đặt máy. Ngoài ra, xem xét không gian cần thiết để mở nắp và khay.</p> <p>Nơi này cần thông gió tốt và xa ánh sáng trực tiếp, nhiệt và độ ẩm.</p>
	<p>Khi sử dụng máy trong thời gian dài hoặc in số lượng lớn các trang trong không gian không thông gió, có thể gây ô nhiễm không khí và có hại cho sức khỏe của bạn. Đặt máy trong không gian thông gió tốt hoặc mở cửa sổ để lưu thông không khí định kỳ.</p>
	<p>Không đặt máy trên bề mặt không ổn định.</p> <p>Máy có thể rơi, gây thương tích hoặc hỏng máy.</p>
	<p>Chỉ sử dụng AWG Số 26<sup>a</sup> hoặc lớn hơn, dây điện thoại, nếu cần thiết.</p> <p>Nếu không, điều này có thể làm hỏng máy.</p>
	<p>Đảm bảo bạn cắm dây nguồn vào ổ cắm điện được nối đất.</p> <p>Nếu không, điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Sử dụng dây điện được cung cấp cùng với máy của bạn để vận hành an toàn. Nếu bạn đang sử dụng dây dài hơn 2 mét (6 foot) với máy 110 V, thì cỡ dây phải là 16 AWG hoặc lớn hơn.</p> <p>Nếu không, nó có thể gây hỏng máy và có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Không đặt nắp đậy lên trên máy hoặc ở vị trí kín khí, chẳng hạn như tủ quần áo.</p> <p>Nếu máy không thông gió tốt, điều này có thể dẫn đến hỏa hoạn.</p>
	<p>Không làm quá tải ổ cắm trên tường và dây kéo dài.</p> <p>Điều này có thể làm giảm hiệu suất và có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Máy nên được kết nối với mức công suất được chỉ rõ trên nhãn.</p> <p>Nếu bạn không chắc chắn và muốn kiểm tra mức công suất bạn đang sử dụng, liên hệ với công ty điện.</p>

a.AWG: Cỡ dây của Mỹ

## Bảo trì / Kiểm tra

### **Thận trọng**

	<p>Rút phích cắm sản phẩm này ra khỏi ổ cắm trên tường trước khi vệ sinh bên trong máy. Không vệ sinh máy bằng benzen, chất pha loãng sơn hoặc cồn; không phun nước trực tiếp vào máy.</p> <p>Điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Khi bạn đang làm việc bên trong máy, thay vật tư hoặc làm sạch bên trong, không vận hành máy.</p> <p>Bạn có thể bị thương.</p>
	<p>Để vật tư làm sạch xa trẻ em.</p> <p>Trẻ em có thể bị thương.</p>
	<p>Không tự mình tháo rời, sửa chữa hoặc lắp lại máy.</p> <p>Điều đó có thể làm hỏng máy. Gọi cho kỹ thuật viên được chứng nhận khi cần sửa chữa máy.</p>
	<p>Để làm sạch và vận hành máy, tuân theo nghiêm ngặt hướng dẫn sử dụng được cung cấp cùng với máy.</p> <p>Nếu không, bạn có thể làm hỏng máy.</p>
	<p>Không để cáp nguồn và bề mặt tiếp xúc của phích cắm có bụi hoặc nước.</p> <p>Nếu không, điều này có thể dẫn đến điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Không tháo bất kỳ nắp đậy hoặc tấm chắn nào được vận chặt bằng ốc vít.</li><li>• Bộ phận sấy chỉ nên được sửa chữa bởi kỹ thuật viên dịch vụ được chứng nhận. Việc sửa chữa của kỹ thuật viên không được chứng nhận có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc điện giật.</li><li>• Máy chỉ nên được sửa chữa bởi kỹ thuật viên dịch vụ của HP.</li></ul>

## Sử dụng vật tư

### **Thận trọng**





	<p>Không tháo rời hộp mực. Bụi mực có thể gây nguy hiểm nếu hít phải hoặc nuốt phải.</p>
	<p>Không đốt bất kỳ vật tư nào như hộp mực hoặc bộ phận sấy. Điều này có thể gây nổ hoặc cháy không kiểm soát được.</p>
	<p>Khi bảo quản vật tư như hộp mực, để chúng xa trẻ em. Bụi mực có thể gây nguy hiểm nếu hít phải hoặc nuốt phải.</p>
	<p>Việc sử dụng vật tư tái chế, chẳng hạn như mực in, có thể gây hỏng máy. Trong trường hợp hỏng do sử dụng vật tư tái chế, bạn sẽ bị tính phí dịch vụ.</p>
	<p>Đối với các vật tư có chứa bụi mực (hộp mực, lọ mực thải, bộ phận chụp ảnh, v.v.), hãy làm theo các hướng dẫn bên dưới.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Khi thải bỏ vật tư, tuân theo hướng dẫn về thải bỏ. Tham khảo nhà bán lẻ để được hướng dẫn về thải bỏ.</li><li>• Không rửa vật tư.</li><li>• Đối với lọ mực thải, không tái sử dụng sau khi đổ hết đi.</li></ul> <p>Nếu bạn không tuân theo các hướng dẫn ở trên, điều đó có thể gây hỏng máy và ô nhiễm môi trường. Bảo hành không bao gồm các hư hỏng gây ra do sự bất cẩn của người dùng.</p>
	<p>Khi mực dính vào quần áo, không dùng nước nóng để giặt. Nước nóng khiến mực thấm vào vải. Sử dụng nước lạnh.</p>
	<p>Khi thay hộp mực hoặc tháo giấy bị kẹt, cẩn thận không để bụi mực chạm vào cơ thể hoặc quần áo. Bụi mực có thể gây nguy hiểm nếu hít phải hoặc nuốt phải.</p>



# Tổng quan về máy

## Bộ phận

Bộ phận thực tế có thể khác với minh họa bên dưới. Một số bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào hoàn cảnh.

	Máy <sup>a</sup>
	Hướng dẫn thiết lập và Hướng dẫn tham khảo
	Dây nguồn
	Phụ kiện khác <sup>b</sup>

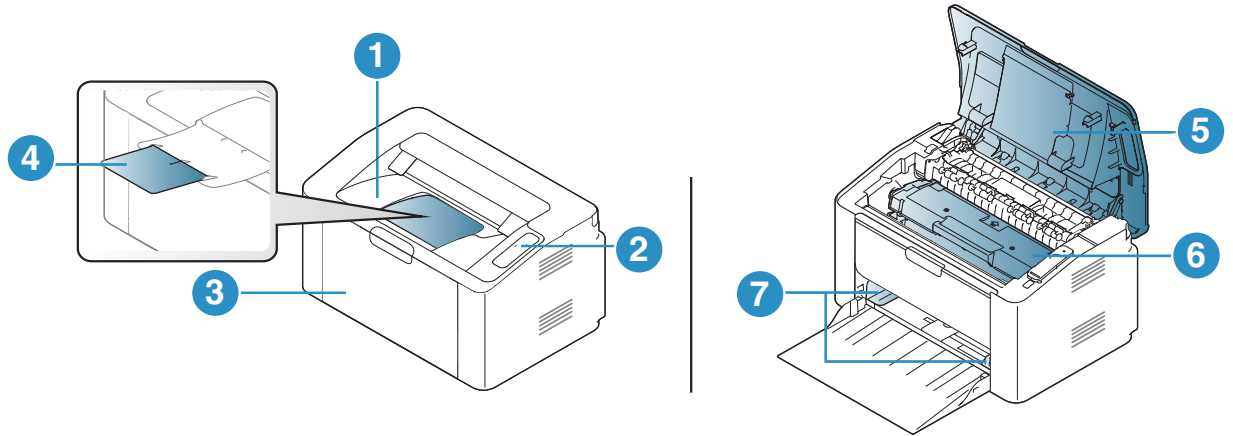
a.Minh họa này có thể khác với máy của bạn tùy thuộc vào mẫu máy. Có nhiều loại máy khác nhau.

b.Các phụ kiện khác đi kèm với máy của bạn có thể thay đổi theo quốc gia mua và mẫu máy cụ thể.

## Mặt trước



- Minh họa này có thể khác với máy của bạn tùy thuộc vào mẫu máy.
- Một số tính năng và hàng hóa tùy chọn có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy hoặc quốc gia (xem "Tính năng theo mẫu máy" trên trang 7).



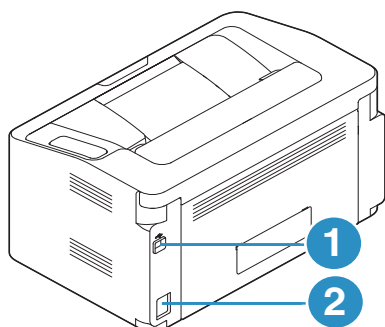
1	Khay đầu ra
2	Bảng điều khiển
3	Khay
4	Giá đỡ đầu ra
5	Nắp trên
6	Hộp mực
7	Thanh dẫn chiều rộng giấy

## Mặt sau

---



- Minh họa này có thể khác với máy của bạn tùy thuộc vào mẫu máy.
  - Một số tính năng và hàng hóa tùy chọn có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy hoặc quốc gia (xem "Tính năng theo mẫu máy" trên trang 7).
- 

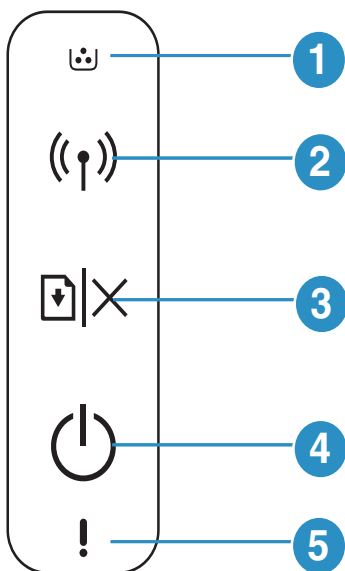


1	Cổng USB
2	Ổ cắm điện

# Tổng quan về bảng điều khiển



Bảng điều khiển này có thể khác với máy của bạn tùy thuộc vào mẫu máy. Có nhiều loại bảng điều khiển khác nhau.

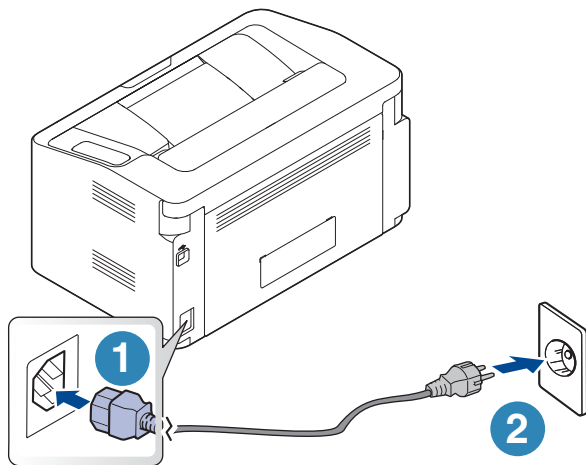



1		Đèn LED mực in	Hiển thị tình trạng của mực in (xem "Đèn LED Mực in/ Đèn LED Không dây/ Đèn LED Nguồn" trên trang 77).
2		Không dây	Cấu hình kết nối mạng không dây dễ dàng mà không cần máy tính (xem "Thiết lập mạng không dây" trên trang 36).
3		Tiếp tục/Hủy	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Bảng cấu hình &amp; bảng Cấu hình Mạng</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Nhấn giữ nút này trong khoảng <b>10</b> giây cho đến khi đèn LED nguồn nhấp nháy chậm và thả ra.</li></ul></li><li>• <b>In báo cáo thông tin vật tư / báo cáo lỗi</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Nhấn giữ nút này trong khoảng <b>15</b> giây cho đến khi đèn LED nguồn nhấp nháy nhanh và thả ra.</li></ul></li><li>• <b>Hủy in</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Nhấn nút này trong khi in.</li></ul></li><li>• <b>In thủ công</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Nhấn nút này để in mặt kia của tất cả các trang nếu bạn đã chọn <b>Double-sided Printing (Manual)</b> trong trình điều khiển của mình.</li></ul></li></ul>
4		Nguồn	Bật hoặc tắt nguồn, hoặc đánh thức máy từ chế độ tiết kiệm điện năng. Nếu bạn cần tắt máy, nhấn nút này trong hơn ba giây.
5		Đèn LED Chú ý	Hiển thị chú ý của máy (xem "Đèn LED Chú ý" trên trang 77).

---


# Bật máy

- 1 Trước tiên kết nối máy với nguồn điện.



- 2 Nhấn  (nguồn) trên bảng điều khiển.

---

 Nếu bạn muốn tắt nguồn, nhấn giữ nút  (nguồn) trong khoảng 3 giây.

---

---

# Cài đặt phần mềm

Sau khi bạn đã thiết lập máy và kết nối với máy tính, bạn phải cài đặt phần mềm máy in. Bạn cần tải xuống các gói phần mềm từ trang web HP để cài đặt phần mềm máy in.

Trước khi cài đặt, hãy kiểm tra xem HĐH máy tính của bạn có hỗ trợ phần mềm hay không (xem "Hệ Điều hành" trên trang 7).

Để nhận được trợ giúp trọn gói của HP cho máy in, hãy truy cập [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100).

Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết vấn đề
- Tải xuống bản cập nhật phần mềm và vi chương trình
- Tham gia diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin bảo hành và quy định



Máy được kết nối cục bộ là máy được kết nối trực tiếp với máy tính của bạn bằng cáp. Nếu máy của bạn đi kèm mạng, bỏ qua các bước dưới đây và tiếp tục cài đặt trình điều khiển của máy được kết nối mạng (xem "Cài đặt trình điều khiển qua mạng" trên trang 35).



Chỉ sử dụng cáp USB không dài hơn 3 mét (118 inch).

---

# Học cách Sử dụng Cơ bản

Sau khi cài đặt hoàn tất, bạn có thể muốn thiết lập các cài đặt mặc định của máy. Tham khảo phần tiếp theo nếu bạn muốn thiết lập hoặc thay đổi giá trị.

- Cài đặt cơ bản của máy 24
- Phương tiện và khay 25

---

# Cài đặt cơ bản của máy

Sau khi cài đặt hoàn tất, bạn có thể muốn thiết lập các cài đặt mặc định của máy.

## Cài đặt mặc định của máy

Bạn thay đổi cài đặt của máy được thiết lập trong máy từ **HP Easy Printer Manager** hoặc **HP Embedded Web Server**.

- Nếu máy của bạn được kết nối cục bộ, bạn có thể thiết lập cài đặt của máy từ **HP Easy Printer Manager** > **Advanced Setting** > **Device Settings** (xem "Sử dụng HP Easy Printer Manager" trên trang 57).
- Nếu máy của bạn được kết nối mạng, bạn có thể thiết lập cài đặt của máy từ **HP Embedded Web Server** > **Settings** tab > **Machine Settings** (xem "Sử dụng HP Embedded Web Server" trên trang 41).

## Sự điều chỉnh độ cao

Chất lượng in bị ảnh hưởng bởi áp suất khí quyển, điều được quyết định bởi chiều cao của máy so với mực nước biển. Thông tin sau đây sẽ hướng dẫn bạn cách thiết lập máy để có chất lượng in tốt nhất.

Trước khi bạn thiết lập giá trị độ cao, hãy xác định độ cao nơi bạn đang ở.

- **Normal:** 0 ~ 1.000 m (3.280 ft)
- **High 1:** 1.000 m (99.974,40 cm) ~ 2.000 m (199.979,28 cm)
- **High 2:** 2.000 m (199.979,28 cm) ~ 3.000 m (299.984,16 cm)
- **High 3:** 3.000 m (9,842 ft) ~ 4.000 m (13,123 ft)
- **High 4:** 4.000 m (13.123 ft) ~ 5.000 m (16.404 ft)



Bạn có thể thiết lập giá trị độ cao từ **HP Easy Printer Manager** hoặc **HP Embedded Web Server**.

- Nếu máy của bạn được kết nối cục bộ, bạn có thể thiết lập cài đặt của máy từ **HP Easy Printer Manager** > **Advanced Setting** > **Device Settings** (xem "Sử dụng HP Easy Printer Manager" trên trang 57).
  - Nếu máy của bạn được kết nối mạng, bạn có thể thiết lập cài đặt của máy từ **HP Embedded Web Server** > **Settings** tab > **Machine Settings** (xem "Sử dụng HP Embedded Web Server" trên trang 41).
-



---

# Phương tiện và khay

Chương này cung cấp thông tin về cách nạp phương tiện in vào máy.

## Chọn phương tiện in

Bạn có thể in trên nhiều phương tiện in khác nhau, chẳng hạn như giấy trơn, phong bì, nhãn và giấy trong suốt. Luôn sử dụng phương tiện in đáp ứng các hướng dẫn sử dụng với máy của bạn.

## Hướng dẫn chọn phương tiện in

Phương tiện in không đáp ứng các hướng dẫn được nêu trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây ra các vấn đề sau:

- Chất lượng in kém
- Tăng kẹt giấy
- Làm hao mòn máy in sớm.

Các thuộc tính, chẳng hạn như trọng lượng, thành phần, hạt và hàm lượng độ ẩm, là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu suất của máy và chất lượng đầu ra. Khi bạn chọn vật liệu in, hãy xem xét những điều sau:


- Loại, kích thước và trọng lượng của phương tiện in cho máy của bạn được mô tả trong thông số kỹ thuật phương tiện in (xem "Thông số kỹ thuật phương tiện in" trên trang 96).
- Kết quả mong muốn: Phương tiện in bạn chọn cần phù hợp với dự án của bạn.
- Độ sáng: Một số phương tiện in trắng hơn so với các phương tiện in khác và tạo ra hình ảnh sắc nét hơn, sống động hơn.
- Độ mịn bề mặt: Độ mịn của phương tiện in ảnh hưởng đến độ sắc nét của bản in trên giấy.



- Một số phương tiện in có thể đáp ứng tất cả các hướng dẫn trong hướng dẫn sử dụng này và vẫn không tạo ra kết quả hài lòng. Điều này có thể là kết quả của các đặc điểm trang giấy, xử lý không đúng, mức nhiệt độ và độ ẩm không được chấp nhận hoặc các biến khác không thể kiểm soát được.
- Trước khi mua số lượng lớn phương tiện in, đảm bảo rằng nó đáp ứng các yêu cầu được nêu trong hướng dẫn sử dụng này.



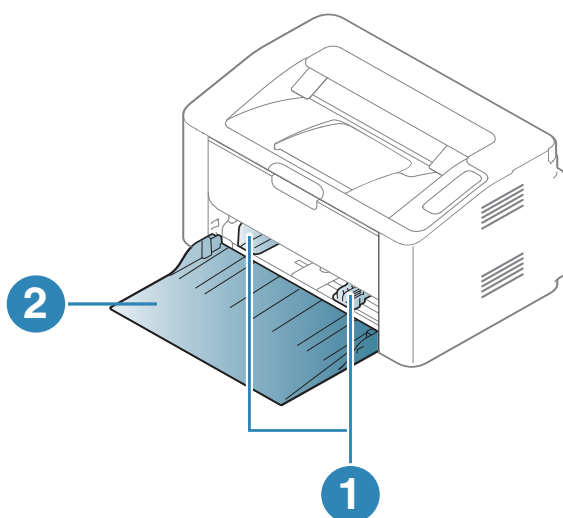
- Sử dụng phương tiện in không đáp ứng các thông số kỹ thuật này có thể gây ra vấn đề hoặc phải sửa chữa. Những sửa chữa như vậy không có trong các thỏa thuận dịch vụ hoặc bảo hành của HP.
- Lượng giấy được đưa vào khay có thể khác nhau tùy theo loại phương tiện được sử dụng (xem "Thông số kỹ thuật phương tiện in" trên trang 96).
- Đảm bảo không sử dụng giấy ảnh in phun với máy này. Nó có thể gây hư hỏng cho máy.
- Sử dụng phương tiện in dễ cháy có thể gây ra hỏa hoạn.
- Sử dụng phương tiện in được chỉ định (xem "Thông số kỹ thuật phương tiện in" trên trang 96).

 Việc sử dụng phương tiện in dễ cháy hoặc vật liệu lạ còn lại trong máy in có thể khiến máy in quá nhiệt và trong một số trường hợp hiếm hoi có thể gây hỏa hoạn.

Lượng giấy được đưa vào khay có thể khác nhau tùy theo loại phương tiện được sử dụng (xem "Thông số kỹ thuật phương tiện in" trên trang 96).

## Tổng quan về khay

Để thay đổi cỡ, bạn cần điều chỉnh thanh dẫn giấy.

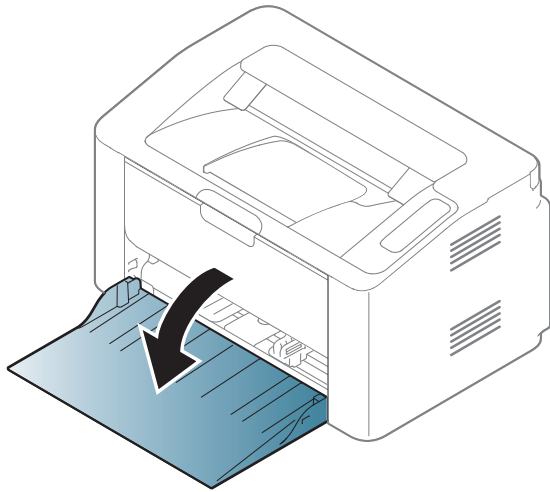


1. Thanh dẫn chiều rộng giấy
2. Khay

 Nếu bạn không điều chỉnh thanh dẫn, nó có thể gây dừng giấy, nghiêng hình ảnh hoặc kẹt giấy.

## Nạp giấy vào khay

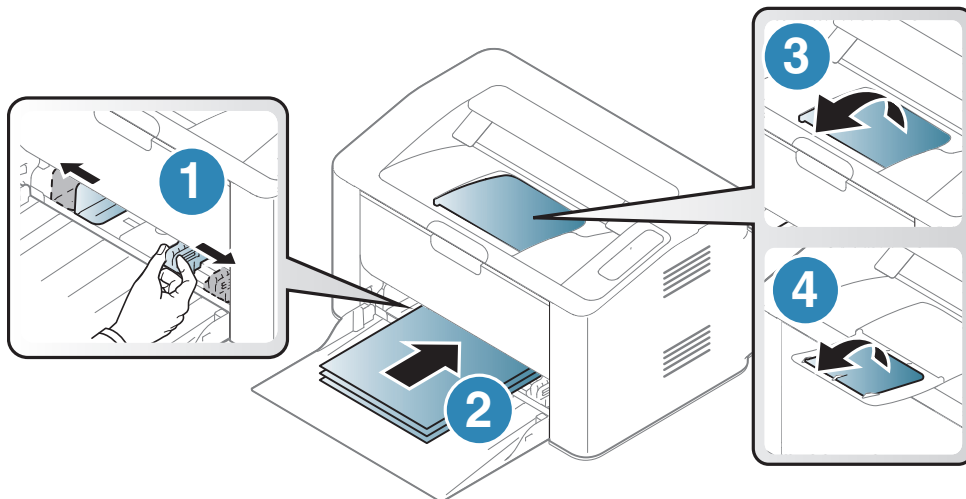
1 Mở khay.



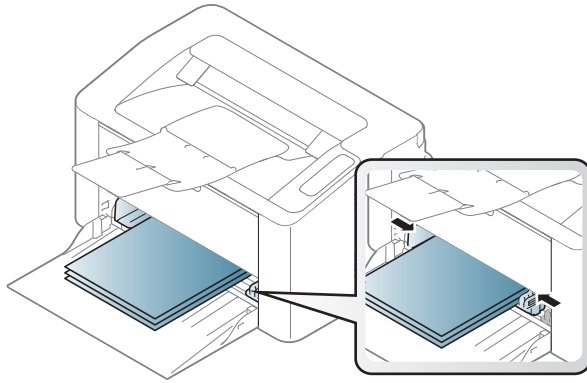
2 Uốn cong hoặc trải rộng mép chùng giấy để tách các trang trước khi nạp giấy.



3 Điều chỉnh kích thước khay theo cỡ phương tiện bạn đang nạp vào (xem "Tổng quan về khay" trên trang 26). Sau đó đặt tờ giấy với mặt bạn muốn in hướng lên trên và mở khay đầu ra.



4 Bóp thanh dẫn chiều rộng giấy và trượt nó sang cạnh chùng giấy mà không gây cong.



- Nếu bạn không điều chỉnh thanh dẫn, nó có thể gây dừng giấy, nghiêng hình ảnh hoặc kẹt giấy.
- Không đẩy thanh dẫn chiều rộng giấy quá xa khiến cho phương tiện bị cong.
- Nếu bạn không điều chỉnh thanh dẫn chiều rộng giấy, nó có thể gây kẹt giấy.



- Không sử dụng giấy quần mép đều, nó có thể gây kẹt giấy hoặc giấy có thể bị nhăn.



5 Khi bạn in tài liệu, hãy thiết lập loại và cỡ giấy cho khay (xem "Thiết lập cỡ và loại giấy" trên trang 31).

## In trên phương tiện đặc biệt

Bảng dưới đây hiển thị phương tiện đặc biệt có thể sử dụng trong khay.

Để thay đổi cài đặt giấy được thiết lập trong máy, từ cửa sổ **Tùy chọn in** > tab **Paper** > **Paper Type** (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).



Khi sử dụng phương tiện đặc biệt, chúng tôi khuyên bạn nên nạp một tờ một lúc (xem "Thông số kỹ thuật phương tiện in" trên trang 96).

Để xem trọng lượng giấy cho mỗi tờ, hãy tham khảo "Thông số kỹ thuật phương tiện in" trên trang 96.

Loại	Khay
Plain	•
Heavy 90-120 g	•
Light 60-69 g	•

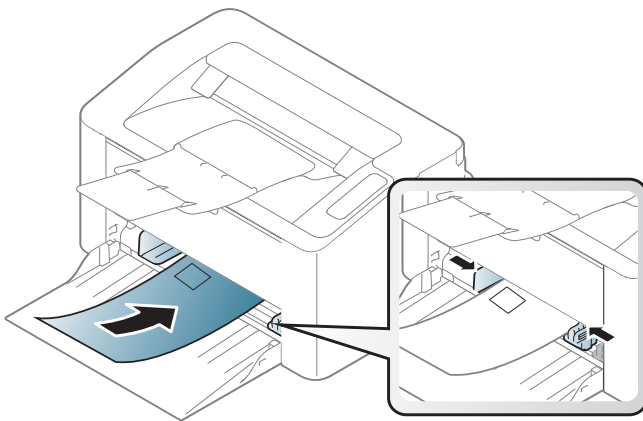
Loại	Khay
Bond	●
Color	●
Extra Heavy 121-163 g	●
Labels	●
Envelope	●
Preprinted	●
Recycled	●

(●: Được hỗ trợ)

## Phong bì

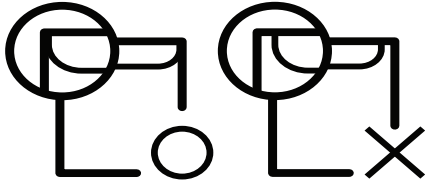
Việc in thành công trên phong bì phụ thuộc vào chất lượng của phong bì.

Để in phong bì, đặt nó như trong hình dưới đây.



Nếu bạn chọn **Envelope** từ cửa sổ **Tùy chọn In**, nhưng hình ảnh in dễ dàng bị xóa, chọn cỡ phong bì và thử in lại. Tuy nhiên, điều này có thể gây ra một số tiếng ồn khi in.

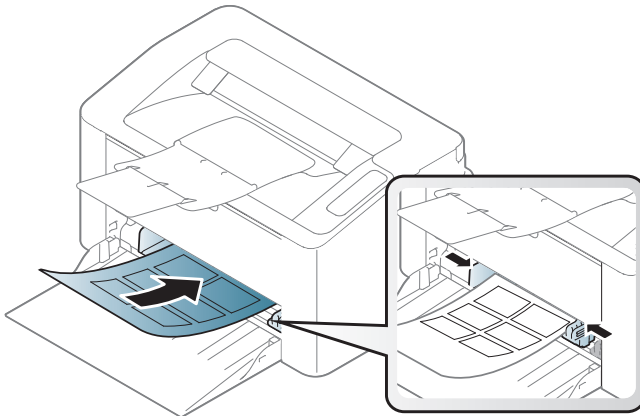
- Khi chọn phong bì, hãy xem xét các yếu tố sau:
  - **Trọng lượng:** không được vượt quá 90 g/m<sup>2</sup> nếu không; có thể xảy ra kẹt giấy.
  - **Cấu tạo:** nên nằm phẳng với độ cong dưới 6 mm và không chứa không khí.
  - **Tình trạng:** không nên bị nhăn, gấp, hoặc hỏng.
  - **Nhiệt độ:** nên chống nhiệt và áp suất của máy trong quá trình vận hành.
- Chỉ sử dụng các phong bì có cấu tạo tốt với các nếp gấp sắc và rõ.
- Không sử dụng phong bì dán tem.
- Không sử dụng phong bì có móc cài, đinh tán, khoảng hở, lớp lót được tráng, xi tực dính, hoặc các vật liệu tổng hợp khác.
- Không sử dụng phong bì bị hỏng hoặc kém chất lượng.
- Hãy chắc chắn rằng đường nối ở cả hai đầu của phong bì kéo dài đến góc của phong bì.



- Các phong bì có dải dính bóc được hoặc có nhiều hơn một vật gấp lại để bịt kín phải sử dụng chất kết dính tương thích với nhiệt độ nóng chảy của máy trong 0,1 giây (khoảng 170 °C (338 °F)). Các vật và dải phụ có thể gây ra nếp nhăn, nếp gấp hoặc kẹt giấy, và thậm chí có thể làm hỏng bộ sấy.
- Để có chất lượng in tốt nhất, lề vị trí không cách các cạnh của phong bì quá 15 mm.
- Tránh in trên vùng nơi các đường nối của phong bì gặp nhau.

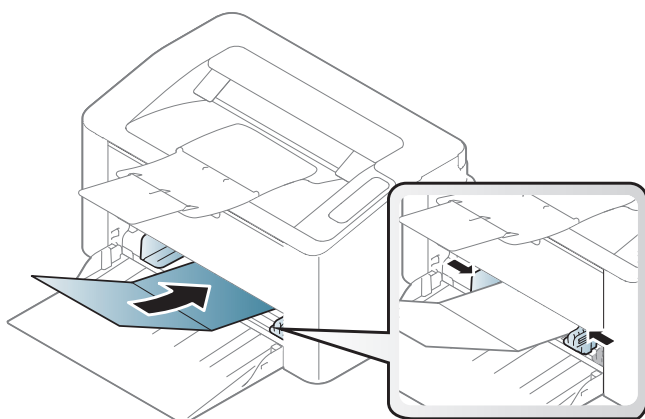
## Nhãn

Để tránh làm hỏng máy, chỉ sử dụng các nhãn được thiết kế để sử dụng trong máy in laser.



- Khi chọn nhãn, hãy xem xét các yếu tố sau:
  - **Chất dính:** Nên bền ở nhiệt độ nóng chảy của máy. Kiểm tra thông số kỹ thuật của máy để xem nhiệt độ nóng chảy (khoảng 170°C (338°F)).
  - **Sắp xếp:** Chỉ sử dụng các nhãn không phần sau hở ra giữa chúng. Nhãn có thể làm bong các tờ có khoảng trống giữa các nhãn, gây kẹt giấy nghiêm trọng.
  - **Cong:** Phải nằm phẳng với không quá 13 mm uốn cong theo bất kỳ hướng nào.
  - **Tình trạng:** Không sử dụng nhãn có nếp nhăn, phồng hoặc các dấu hiệu chia tách khác.
- Đảm bảo rằng không có vật liệu dính hở ra giữa các nhãn. Các khu vực hở ra có thể khiến nhãn bong tróc trong quá trình in, điều này có thể gây kẹt giấy. Chất dính hở ra cũng có thể gây hư hỏng cho các bộ phận máy.
- Không chạy tờ nhãn qua máy nhiều hơn một lần. Phần dính phía sau chỉ được thiết kế cho một lần đi qua máy.
- Không sử dụng các nhãn tách ra khỏi tờ lót hoặc bị nhăn, bị phồng, hoặc hư hỏng.

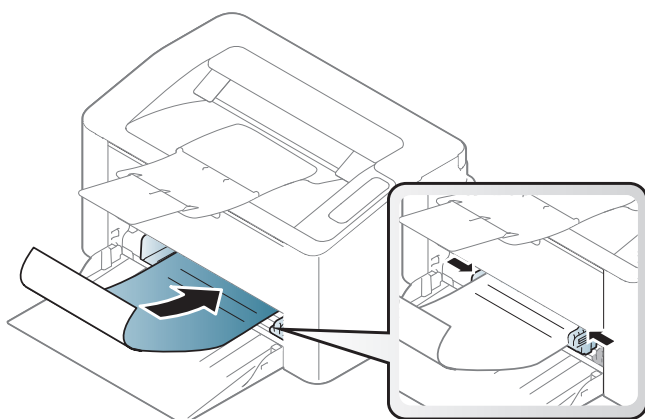
## Kho thẻ/ Giấy có cỡ tùy chỉnh



- Trong ứng dụng phần mềm, thiết lập lề cách ít nhất 6,4 mm từ các cạnh vật liệu.

## Giấy in sẵn

Khi nạp giấy in sẵn, mặt in cần hướng lên với cạnh ở mặt trước không bị cong. Nếu bạn gặp vấn đề với việc nạp giấy, hãy xoay giấy xung quanh. Lưu ý rằng chất lượng in không được đảm bảo.



- Phải được in bằng mực chịu nhiệt sẽ không tan chảy, bốc hơi hoặc thải khí độc hại khi chịu nhiệt độ nóng chảy của máy trong 0,1 giây (khoảng 170°C (338°F)).
- Mực giấy in sẵn không được dễ cháy và không ảnh hưởng xấu đến các con lăn máy.
- Trước khi bạn nạp giấy in sẵn, hãy xác minh rằng mực trên giấy khô. Trong quá trình nóng chảy, mực ướt có thể bong ra khỏi giấy in sẵn, làm giảm chất lượng in.

## Thiết lập cỡ và loại giấy

Sau khi nạp giấy vào khay giấy, thiết lập cỡ và loại giấy.

Để thay đổi cài đặt giấy được thiết lập trong máy, từ cửa sổ **Tùy chọn in** > tab **Paper** > **Paper Type** (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).



Nếu bạn muốn sử dụng giấy có cỡ đặc biệt như giấy hóa đơn, hãy chọn **Custom** trong tab **Paper** trong **Printing Preferences** (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).

---

# Sử dụng Máy Kết nối Mạng

Chương này cung cấp cho bạn hướng dẫn từng bước để thiết lập máy và phần mềm kết nối mạng.



Các thiết bị và tính năng tùy chọn được hỗ trợ có thể khác nhau tùy theo mẫu máy của bạn (xem "Tính năng theo mẫu máy" trên trang 7).

- Thiết lập mạng 33
- Cài đặt trình điều khiển qua mạng 35
- Thiết lập mạng không dây 36
- Sử dụng HP Embedded Web Server 41
- Ứng dụng HP Smart 44



---

# Thiết lập mạng

## In báo cáo cấu hình mạng

Bạn có thể in **Báo cáo Cấu hình Mạng** từ bảng điều khiển của máy mà sẽ hiển thị cài đặt mạng của máy hiện tại. Điều này sẽ giúp bạn thiết lập mạng.

Nhấn nút  (Tiếp tục/Hủy) trong khoảng **10** giây trên bảng điều khiển.

Sử dụng **Báo cáo Cấu hình Mạng** này, bạn có thể tìm địa chỉ MAC và địa chỉ IP của máy.

Ví dụ:

- Địa chỉ MAC: 00:15:99:41:A2:78
- Địa chỉ IP: 169.254.192.192

## Thiết lập địa chỉ IP

Trước tiên, bạn phải thiết lập địa chỉ IP để in và quản lý mạng. Trong hầu hết các trường hợp, địa chỉ IP mới sẽ được chỉ định tự động bởi máy chủ DHCP (Giao thức Cấu hình Máy chủ Động) nằm trên mạng.

### Cấu hình IPv4

Bạn cũng có thể thiết lập TCP/IPv4 từ **Embedded Web Server**. Khi cửa sổ **Embedded Web Server** mở, di chuyển con trỏ chuột qua **Settings** của thanh menu trên cùng và sau đó nhấp **Network Settings** ("TabSettings" trên trang 42).

### Cấu hình IPv6

**IPv6** chỉ được hỗ trợ đúng cách trong Windows Vista trở lên.

Máy hỗ trợ các địa chỉ IPv6 sau để in và quản lý mạng.

- **Link-local Address:** Địa chỉ IPv6 cục bộ tự cấu hình (Địa chỉ bắt đầu bằng FE80).
- **Stateless Address:** Địa chỉ IPv6 được cấu hình tự động bởi bộ định tuyến mạng.
- **Stateful Address:** Địa chỉ IPv6 được cấu hình bởi máy chủ DHCPv6.
- **Manual Address:** Địa chỉ IPv6 được định cấu hình theo cách thủ công bởi người dùng.

Trong môi trường mạng IPv6, hãy làm theo quy trình tiếp theo để sử dụng địa chỉ IPv6.

### Kích hoạt IPv6

- 1 Truy cập trình duyệt web, chẳng hạn như Internet Explorer, từ Windows. Nhập địa chỉ IP máy (<http://xxx.xxx.xxx.xxx>) vào trường địa chỉ và nhấn phím Enter hoặc nhấp vào **Đi**.
- 2 Nếu đây là lần đầu tiên bạn đăng nhập vào **HP Embedded Web Server**, bạn cần phải đăng nhập với tư cách là quản trị viên. Nhập **ID (admin)** mặc định. Chúng tôi khuyên bạn nên đặt mật khẩu mặc định vì lý do bảo mật.

- 3 Khi cửa sổ **Embedded Web Server** mở, di chuyển con trỏ chuột qua **Settings** của thanh menu trên cùng và sau đó nhấp vào **Network Settings**.
- 4 Nhấp vào **TCP/IPv6** trên ô bên trái của trang web.
- 5 Chọn hộp kiểm **IPv6 Protocol** để kích hoạt IPv6.
- 6 Nhấp vào nút **Apply**.
- 7 Tắt máy và bật lại.



- Bạn cũng có thể thiết lập DHCPv6.
  - Để thiết lập địa chỉ IPv6 theo cách thủ công:  
Chọn hộp kiểm **Manual Address**. Sau đó, hộp văn bản **Address/Prefix** được kích hoạt. Nhập phần còn lại của địa chỉ (ví dụ :3FFE:10:88:194::**AAAA**. "A" là hệ thập lục phân từ 0 đến 9, A đến F).
- 

## Cấu hình địa chỉ IPv6

- 1 Bắt đầu trình duyệt web, chẳng hạn như Internet Explorer, hỗ trợ địa chỉ IPv6 dưới dạng URL.
- 2 Chọn một trong các địa chỉ IPv6 (**Link-local Address**, **Stateless Address**, **Stateful Address**, **Manual Address**) từ **Báo cáo Cấu hình Mạng** (xem "In báo cáo cấu hình mạng" trên trang 33).
- 3 Nhập địa chỉ IPv6 (ví dụ: http://[FE80::215:99FF:FE66:7701]).



Địa chỉ phải được đặt trong ngoặc '[' ]'.

---

# Cài đặt trình điều khiển qua mạng

---



- Trước khi cài đặt, hãy kiểm tra xem HĐH máy tính của bạn có hỗ trợ phần mềm hay không (xem "Hệ Điều hành" trên trang 7).
  - Máy không hỗ trợ giao diện mạng sẽ không thể sử dụng tính năng này (xem "Mặt sau" trên trang 19).
  - Bạn cần tải xuống các gói phần mềm từ trang web HP để cài đặt phần mềm máy in. Để nhận được trợ giúp trọn gói của HP cho máy in, hãy truy cập [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100).
- 

## Windows

---



Phần mềm tường lửa có thể đang chặn giao tiếp mạng. Trước khi kết nối thiết bị với mạng, hãy tắt tường lửa của máy tính.

---

- 1 Đảm bảo rằng máy được kết nối với mạng và bật nguồn. Ngoài ra, địa chỉ IP của máy cần được thiết lập (xem "Thiết lập địa chỉ IP" trên trang 33).
- 2 Tải xuống phần mềm trình điều khiển máy in từ trang web HP ([www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100)).
- 3 Bật máy.
- 4 Giải nén gói trình điều khiển và chạy trình cài đặt trình điều khiển.
- 5 Làm theo hướng dẫn trong cửa sổ cài đặt.

# Thiết lập mạng không dây



Nối mạng không dây có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy (xem "Tính năng theo mẫu máy" trên trang 7).

Mạng không dây yêu cầu tính bảo mật cao hơn, vì vậy khi một điểm truy cập được thiết lập lần đầu tiên, tên mạng (SSID), loại bảo mật được sử dụng và Mật khẩu Mạng được tạo cho mạng. Hãy hỏi quản trị viên mạng của bạn về thông tin này trước khi tiếp tục cài đặt máy.

## Giới thiệu các phương pháp thiết lập không dây

Bạn có thể thiết lập cài đặt không dây từ máy hoặc máy tính. Chọn phương pháp thiết lập từ bảng bên dưới.



- Một số loại cài đặt mạng không dây có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy hoặc quốc gia.
- Chúng tôi đặc biệt khuyên bạn nên thiết lập mật khẩu trên các Điểm Truy cập. Nếu bạn không thiết lập mật khẩu trên các Điểm Truy cập, chúng có thể bị truy cập trái phép từ các máy không xác định bao gồm PC, điện thoại thông minh và máy in. Tham khảo hướng dẫn sử dụng Điểm Truy cập để biết cài đặt mật khẩu.

Phương pháp thiết lập	Phương pháp kết nối	Mô tả & Tham khảo
Với Điểm Truy cập	Từ máy tính	Xem "Thiết lập qua cáp USB" trên trang 37 cho Window. Xem "Điểm truy cập không có cáp USB" trên trang 38 cho Window.
	Từ bảng điều khiển của máy	Xem "Sử dụng cài đặt WPS" trên trang 37.
	Từ ứng dụng HP Smart	Xem "Kết nối bằng ứng dụng HP Smart" trên trang 44.
Thiết lập Wi-Fi Direct		Xem "Thiết lập Wi-Fi Direct để in di động" trên trang 39.

## Khôi phục cài đặt mạng không dây

Bạn có thể đảo lại cài đặt mạng không dây về các giá trị mặc định.

Nhấn giữ nút (Không dây) trên bảng điều khiển trong khoảng 20 giây. Khi đèn LED (Chú ý) và đèn LED (Nguồn) bắt đầu nhấp nháy cùng lúc, nhả nút (Không dây).

## Sử dụng cài đặt WPS

Nếu máy và điểm truy cập (hoặc bộ định tuyến không dây) hỗ trợ Wi-Fi Protected Setup™ (WPS), bạn có thể dễ dàng cấu hình cài đặt mạng không dây thông qua nút **(WPS)**(**Không dây**) mà không cần máy tính.

Các mục cần chuẩn bị:

- Kiểm tra xem điểm truy cập (hoặc bộ định tuyến không dây) có hỗ trợ Wi-Fi Protected Setup™ (WPS) hay không.
- Kiểm tra xem máy của bạn có hỗ trợ Wi-Fi Protected Setup™ (WPS) hay không.

- 1 Nhấn giữ nút **(WPS)**(**Không dây**) trên bảng điều khiển trong ít nhất **3** giây và sau đó nhả nút. Máy bắt đầu kết nối với mạng không dây.
- 2 **Trong vòng 2 phút**, nhấn nút **WPS (PBC)** trên điểm truy cập (hoặc bộ định tuyến không dây).
  - a. Máy đang kết nối với điểm truy cập (hoặc bộ định tuyến không dây).
  - b. Khi máy được kết nối thành công với mạng không dây, đèn LED sẽ sáng.
- 3 Tiếp tục cài đặt phần mềm.

## Thiết lập bằng Windows

### Thiết lập qua cáp USB

Các mục cần chuẩn bị

- Điểm truy cập
- Máy tính được kết nối mạng
- Bạn cần tải xuống các gói phần mềm từ trang web HP để cài đặt phần mềm máy in. Để nhận được trợ giúp trọn gói của HP cho máy in, hãy truy cập [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100).
- Một máy được cài đặt với giao diện mạng không dây
- Cáp USB

Tạo mạng cơ sở hạ tầng

- 1 Kiểm tra xem cáp USB có được kết nối với máy không.
- 2 Bật máy tính, điểm truy cập và máy của bạn.
- 3 Tải xuống phần mềm trình điều khiển máy in từ trang web HP ([www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100)).
- 4 Giải nén gói trình điều khiển và chạy trình cài đặt trình điều khiển.

- 5 Xem xét và chấp nhận các thỏa thuận cài đặt trong cửa sổ cài đặt. Sau đó, nhấp vào **Next**.
- 6 Chọn **Wireless** trên màn hình **Printer Connection Type**. Sau đó, nhấp vào **Next**.
- 7 Trên màn hình **Are you setting up your printer for the first time?**, chọn **Yes, I will set up my printer's wireless network**. Sau đó, nhấp vào **Next**.  
Nếu máy in của bạn đã được kết nối trên mạng, hãy chọn **No, my printer is already connected to my network**.
- 8 Chọn **Using a USB cable** trên màn hình **Select the Wireless Setup Method**. Sau đó, nhấp vào **Next**.
- 9 Sau khi tìm kiếm, cửa sổ hiển thị các thiết bị mạng không dây. Chọn tên (SSID) của điểm truy cập bạn muốn sử dụng và nhấp vào **Next**.
- 10 Khi thiết lập mạng không dây hoàn tất, ngắt kết nối cáp USB giữa máy tính và máy. Nhấp vào **Next**.
- 11 Chọn các thành phần cần cài đặt.
- 12 Làm theo hướng dẫn trong cửa sổ cài đặt.

## Điểm truy cập không có cáp USB

### Các mục cần chuẩn bị

- PC bật WiFi chạy Windows 7 trở lên và điểm truy cập (bộ định tuyến)
- Bạn cần tải xuống các gói phần mềm từ trang web HP để cài đặt phần mềm máy in. Để nhận được trợ giúp trọn gói của HP cho máy in, hãy truy cập [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100).
- Một máy được cài đặt với giao diện mạng không dây



Trong khi thiết lập mạng không dây, máy sử dụng mạng LAN không dây của PC. Bạn có thể không kết nối được với Internet.

---

### Tạo mạng cơ sở hạ tầng

- 1 Bật máy tính, điểm truy cập và máy của bạn.
- 2 Tải xuống phần mềm trình điều khiển máy in từ trang web HP ([www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100)).
- 3 Giải nén gói trình điều khiển và chạy trình cài đặt trình điều khiển.

- 4 Xem xét và chấp nhận các thỏa thuận cài đặt trong cửa sổ cài đặt. Sau đó, nhấp vào **Next**.
- 5 Chọn **Wireless** trên màn hình **Printer Connection Type**. Sau đó, nhấp vào **Next**.
- 6 Trên màn hình **Are you setting up your printer for the first time?**, chọn **Yes, I will set up my printer's wireless network**. Sau đó, nhấp vào **Next**.  
Nếu máy in của bạn đã được kết nối trên mạng, hãy chọn **Không, máy in của tôi đã được kết nối với mạng**.
- 7 Chọn **Using a direct wireless connection** trên màn hình **Select the Wireless Setup Method**. Sau đó, nhấp vào **Next**.
- 8 Khi hoàn thành thiết lập mạng không dây, nhấp vào **Next**.
- 9 Làm theo hướng dẫn trong cửa sổ cài đặt.

## Thiết lập Wi-Fi Direct để in di động

Wi-Fi Direct là kết nối ngang hàng dễ sử dụng và an toàn giữa máy in và thiết bị di động bật Wi-Fi Direct.

Với Wi-Fi Direct, bạn có thể kết nối máy in với mạng Wi-Fi Direct đồng thời kết nối với điểm truy cập. Bạn cũng có thể đồng thời sử dụng mạng có dây và mạng Wi-Fi Direct để nhiều người dùng có thể truy cập và in tài liệu cả từ Wi-Fi Direct và từ mạng có dây.



- Bạn không thể kết nối thiết bị di động với internet thông qua Wi-Fi Direct của máy in.
- Danh sách giao thức được hỗ trợ có thể khác với mẫu máy của bạn, mạng Wi-Fi Direct KHÔNG hỗ trợ dịch vụ IPv6, lọc mạng, IPSec, WINS và SLP.
- Số lượng thiết bị tối đa có thể được kết nối qua Wi-Fi Direct là 4.

---

## Thiết lập Wi-Fi Direct

Nếu máy in của bạn đang sử dụng điểm truy cập không dây, bạn có thể bật và cấu hình Wi-Fi Direct từ HP Embedded Web Server.

- 1 Truy cập **HP Embedded Web Server** và chọn **Settings > Network Settings > Wi-Fi > Wi-Fi Direct™**.
- 2 Bật **Wi-Fi Direct™** và thiết lập các tùy chọn khác.

## Thiết lập thiết bị di động

- Sau khi thiết lập Wi-Fi Direct từ máy in, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng của thiết bị di động bạn đang dùng để thiết lập Wi-Fi Direct.

- Sau khi thiết lập Wi-Fi Direct, bạn cần tải xuống ứng dụng in di động (Ví dụ: HP Smart) để in từ điện thoại thông minh của bạn.
- 



- Khi bạn đã tìm thấy máy in bạn muốn kết nối từ thiết bị di động, hãy chọn máy in và đèn LED của máy in sẽ nhấp nháy. Nhấn nút Không dây trên máy in và máy in sẽ được kết nối với thiết bị di động. Nếu bạn không có nút Không dây, hãy nhấn tùy chọn bạn muốn khi cửa sổ xác nhận kết nối Wi-Fi xuất hiện từ màn hình hiển thị và nó sẽ được kết nối với thiết bị di động.
  - Nếu thiết bị di động của bạn không hỗ trợ Wi-Fi Direct, bạn cần nhập "Khóa Mạng" của máy in thay vì nhấn nút Không dây.
-



---

# Sử dụng HP Embedded Web Server

Có một số chương trình để thiết lập cài đặt mạng dễ dàng trong môi trường mạng. Đặc biệt đối với quản trị viên mạng, có thể quản lý một số máy trên mạng.



- Internet Explorer 8.0 trở lên là yêu cầu tối thiểu đối với HP Embedded Web Server.
  - Trước khi sử dụng các chương trình dưới đây, trước tiên hãy thiết lập địa chỉ IP.
  - Một số tính năng và hàng hóa tùy chọn có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy hoặc quốc gia (xem "Tính năng đa dạng" trên trang 8).
- 

## HP Embedded Web Server

Máy chủ web nhúng trên máy mạng của bạn cho phép bạn thực hiện các tác vụ sau:

- Kiểm tra thông tin vật tư và tình trạng.
- Tùy chỉnh cài đặt máy.
- Cấu hình các tham số mạng cần thiết để máy kết nối với các môi trường mạng khác nhau.

## Truy cập HP Embedded Web Server

1 Truy cập trình duyệt web, chẳng hạn như Internet Explorer, từ Windows.

Nhập địa chỉ IP máy của máy in (<http://xxx.xxx.xxx.xxx>) vào trường địa chỉ và nhấn phím Enter hoặc nhấp vào **Đi**.

2 Trang web được nhúng của máy mở ra.

## Đăng nhập vào HP Embedded Web Server

Trước khi cấu hình các tùy chọn trong HP Embedded Web Server, bạn cần đăng nhập với tư cách là quản trị viên. Bạn vẫn có thể sử dụng HP Embedded Web Server mà không cần đăng nhập nhưng sẽ không có quyền truy cập vào tab **Settings** và tab **Security**.

1 Nhấp vào **Login** ở phía trên bên phải của trang web HP Embedded Web Server.

2 Nếu đây là lần đầu tiên bạn đăng nhập vào **HP Embedded Web Server**, bạn cần phải đăng nhập với tư cách là quản trị viên. Nhập **ID (admin)** mặc định. Chúng tôi khuyên bạn nên đặt mật khẩu mặc định vì lý do bảo mật.

## Tổng quan về HP Embedded Web Server

---



Một số tab có thể không xuất hiện tùy thuộc vào mẫu máy của bạn.

---

### TabInformation

Tab này cung cấp cho bạn thông tin chung về máy của bạn. Bạn có thể kiểm tra mọi thứ, chẳng hạn như lượng mực còn lại. Bạn cũng có thể in báo cáo, chẳng hạn như báo cáo lỗi.

- **Active Alerts:** Hiển thị các cảnh báo đã xảy ra trong máy và mức độ nghiêm trọng của chúng.
- **Supplies:** Hiển thị số lượng trang được in và lượng mực còn lại trong hộp mực.
- **Usage Counters:** Hiển thị số lượng sử dụng theo loại in: một mặt và hai mặt.
- **Current Settings:** Hiển thị thông tin của máy và mạng.
- **Print information:** In các báo cáo như báo cáo liên quan đến hệ thống, địa chỉ email và báo cáo phông chữ.
- **Printer Connection Type:** Hiển thị thông tin bảo mật của máy

### TabSettings

Tab này cho phép bạn thiết lập cấu hình do máy và mạng cung cấp. Bạn cần đăng nhập với tư cách quản trị viên để xem tab này.

- **Tab Machine Settings:** Thiết lập các tùy chọn do máy của bạn cung cấp.
- **Tab Network Settings:** Hiển thị các tùy chọn cho môi trường mạng. Thiết lập các tùy chọn như TCP/IP và giao thức mạng.

### Tab Security

Tab này cho phép bạn thiết lập thông tin bảo mật hệ thống và mạng. Bạn cần đăng nhập với tư cách quản trị viên để xem tab này.

- **System Security:** Thiết lập thông tin của quản trị viên hệ thống và cũng có thể bật hoặc tắt các tính năng của máy.
- **Network Security:** Thiết lập cài đặt cho lọc IPv4/IPv6.

### Tab Maintenance

Tab này cho phép bạn bảo trì máy bằng cách nâng cấp vi chương trình và thiết lập thông tin liên hệ để gửi email. Bạn cũng có thể kết nối với trang web HP hoặc tải xuống trình điều khiển bằng cách chọn menu **Link**.

- **Firmware Upgrade:** Nâng cấp vi chương trình của máy.
- **Contact Information:** Hiển thị thông tin liên hệ.
- **Link:** Hiển thị liên kết đến các trang web hữu ích nơi bạn có thể tải xuống hoặc kiểm tra thông tin.

## Thiết lập thông tin của quản trị viên hệ thống

Cài đặt này là cần thiết để sử dụng tùy chọn thông báo email.

---



Một số menu có thể không xuất hiện trong màn hình tùy thuộc vào tùy chọn hoặc mẫu máy. Nếu vậy, nó không áp dụng cho máy của bạn.

---

- 1 Bắt đầu trình duyệt web, chẳng hạn như Internet Explorer, từ Windows.  
Nhập địa chỉ IP máy (<http://xxx.xxx.xxx.xxx>) vào trường địa chỉ và nhấn phím Enter hoặc nhấp vào **Đi**.
- 2 Trang web được nhúng của máy mở ra.
- 3 Từ tab **Security** chọn **System Security** > **System Administrator**
- 4 Nhập tên của quản trị viên, số điện thoại, địa điểm và địa chỉ email.
- 5 Nhấp vào **Apply**.

---

# Ứng dụng HP Smart

HP Smart giúp bạn thiết lập, quét, in, chia sẻ và quản lý máy in HP. Bạn có thể chia sẻ tài liệu và hình ảnh qua email, tin nhắn điện thoại và các dịch vụ đám mây và truyền thông xã hội phổ biến (như iCloud, Google Drive, Dropbox và Facebook). Bạn cũng có thể thiết lập máy in HP mới, cũng như theo dõi và đặt hàng vật tư.



Ứng dụng HP Smart có thể không khả dụng ở tất cả các ngôn ngữ. Một số tính năng có thể không khả dụng với tất cả các mẫu máy in.




- 
- **Để cài đặt ứng dụng HP Smart:** Để cài đặt ứng dụng trên thiết bị, hãy truy cập [123.hp.com](http://123.hp.com) và làm theo hướng dẫn trên màn hình để truy cập cửa hàng ứng dụng của thiết bị.
  - **Kết nối với máy in:** Đảm bảo rằng máy in bật và được kết nối với cùng mạng giống thiết bị của bạn. Sau đó HP Smart sẽ tự động phát hiện máy in.
  - **Nhận thêm thông tin về ứng dụng HP Smart:**
    - Xem "In sử dụng ứng dụng HP Smart" trên trang 45.
    - Xem "Nhận trợ giúp từ ứng dụng HP Smart" trên trang 45.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng HP Smart để in, quét, truy cập các tính năng máy in và cách khắc phục sự cố, hãy truy cập:

- **iOS/Android:** [www.hp.com/go/hpsmart-help](http://www.hp.com/go/hpsmart-help)

## Kết nối bằng ứng dụng HP Smart

Bạn có thể sử dụng ứng dụng HP Smart để thiết lập máy in trên mạng không dây.

- 1 Đảm bảo máy tính hoặc thiết bị di động của bạn được kết nối với mạng không dây và bạn biết mật khẩu của mạng không dây.
- 2 Kiểm tra xem máy in có ở chế độ thiết lập Kết nối Không dây Tự động (AWC) không.  
Nếu đây là lần đầu tiên bạn thiết lập máy in, máy in sẽ sẵn sàng để thiết lập sau khi được bật nguồn. Nó liên tục tìm kiếm ứng dụng HP Smart để kết nối trong vòng **2** giờ, và sau đó ngừng tìm kiếm.  
  
Để đặt bảng điều khiển ở chế độ thiết lập Kết nối Không dây Tự động (AWC), nhấn giữ nút  (**Không dây**) ít nhất **20** giây cho đến khi đèn LED  (**Chú ý**) và đèn LED  (**Nguồn**) bắt đầu nhấp nháy cùng lúc.
- 3 Mở ứng dụng HP Smart, và sau đó thực hiện một trong các thao tác sau:
  - **iOS/Android:** Trên màn hình chủ, gõ vào biểu tượng Dấu cộng và sau đó chọn máy in. Nếu máy in không có trong danh sách, hãy gõ vào **Thêm máy in mới**. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để thêm máy in vào mạng của bạn.

## Thay đổi cài đặt máy in mặc định trong ứng dụng HP Smart

Bạn có thể thiết lập cài đặt máy in từ HP Smart app.

- 1 Mở ứng dụng HP Smart.
- 2 Gõ vào biểu tượng Dấu cộng nếu bạn cần thay đổi sang máy in khác hoặc thêm máy in mới.
- 3 Gõ vào **Printer Settings**.
- 4 Chọn tùy chọn bạn muốn và sau đó thay đổi cài đặt.

## In sử dụng ứng dụng HP Smart

### Để in từ thiết bị Android hoặc iOS

- 1 Mở ứng dụng HP Smart.
- 2 Gõ vào biểu tượng Dấu cộng nếu bạn cần thay đổi sang máy in khác hoặc thêm máy in mới.
- 3 Gõ vào tùy chọn in.
- 4 Chọn ảnh hoặc tài liệu bạn muốn in.
- 5 Gõ vào **Print**.

## Nhận trợ giúp từ ứng dụng HP Smart

Ứng dụng HP Smart cung cấp cảnh báo cho các sự cố máy in (kẹt giấy và các vấn đề khác), các liên kết đến nội dung trợ giúp và các tùy chọn để liên hệ với bộ phận hỗ trợ để được trợ giúp thêm.

---

# In

Chương này cung cấp thông tin về các tùy chọn in tổng thể. Phần này chủ yếu dựa trên Windows 7.



Bạn cần tải xuống các gói phần mềm từ trang web HP để cài đặt phần mềm máy in. Để nhận được trợ giúp trọn gói của HP cho máy in, hãy truy cập [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100).

- In cơ bản 47
- Hủy tác vụ in 48
- Mở tùy chọn in 49
- Sử dụng cài đặt ưa thích 50
- Sử dụng trợ giúp 51
- Tính năng in 52
- Sử dụng HP Easy Printer Manager 57
- Sử dụng chương trình Printer Status 60

---

# In cơ bản

---



Trước khi in, hãy kiểm tra xem HĐH máy tính của bạn có hỗ trợ phần mềm hay không (xem "Hệ Điều hành" trên trang 7).

---

Cửa sổ **Tùy chọn In** sau đây dành cho Notepad trong Windows 7. Cửa sổ **Tùy chọn In** của bạn có thể khác, tùy thuộc vào hệ điều hành hoặc ứng dụng bạn đang sử dụng.

- 1 Mở tài liệu bạn muốn in.
  - 2 Chọn **In** từ menu **Tệp**.
  - 3 Chọn máy của bạn từ danh sách **Chọn Máy in**.
  - 4 Các cài đặt in cơ bản bao gồm số lượng bản sao và phạm vi in được chọn trong cửa sổ **In**.
- 



Để tận dụng các tính năng in nâng cao, nhấp vào **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn** từ cửa sổ **In** (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).



---

- 5 Để bắt đầu tác vụ in, nhấp vào **OK** hoặc **In** trong cửa sổ **In**.

---

# Hủy tác vụ in

Nếu tác vụ in đang chờ trong hàng đợi in hoặc bộ đệm in, hãy hủy tác vụ như sau:

- Bạn có thể truy cập cửa sổ này đơn giản bằng cách nhấp đúp vào biểu tượng máy (  ) trong thanh tác vụ Windows.
- Bạn cũng có thể hủy tác vụ hiện tại bằng cách nhấn  (**Tiếp tục/Hủy**) trên bảng điều khiển.







---

# Mở tùy chọn in

---



- Cửa sổ **Tùy chọn In** xuất hiện trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác tùy thuộc vào máy đang sử dụng.
  - Khi bạn chọn tùy chọn trong **Tùy chọn In**, bạn có thể thấy dấu cảnh báo  hoặc . Dấu  có nghĩa là bạn có thể chọn tùy chọn đó nhưng không nên và dấu  có nghĩa là bạn không thể chọn tùy chọn đó do cài đặt hoặc môi trường của máy.
- 

- 1 Mở tài liệu bạn muốn in.
  - 2 Chọn **In** từ menu tệp. Cửa sổ **In** xuất hiện.
  - 3 Chọn máy của bạn từ **Chọn Máy in**.
  - 4 Nhấp vào **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**. Nhấp hoặc gõ vào các tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn khả dụng.
- 



- Trong Windows 10, 8.1 và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác với các tính năng khác với những gì được mô tả bên dưới cho các ứng dụng dành cho máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình **Bắt đầu**, hoàn thành các bước sau:
    - **Windows 10**: Chọn **In**, và sau đó chọn máy in.
    - **Windows 8.1 hoặc 8**: Chọn **Thiết bị**, chọn **In**, và sau đó chọn máy in.
  - Bạn có thể kiểm tra tình trạng hiện tại của máy bằng cách nhấn nút **Printer Status** (xem "Sử dụng chương trình Printer Status" trên trang 60).
-

---

# Sử dụng cài đặt ưa thích

Tùy chọn **Favorites** được hiển thị trên mỗi tab tùy chọn ngoại trừ tab **HP** cho phép bạn lưu các tùy chọn hiện tại để sử dụng trong tương lai.

Để lưu mục **Favorites**, hãy làm theo các bước sau:

- 1 Thay đổi cài đặt khi cần trên mỗi tab.
- 2 Nhập tên cho mục trong hộp mục nhập **Favorites**.
- 3 Nhấp vào **Save**.
- 4 Nhập tên và mô tả, sau đó chọn biểu tượng mong muốn.
- 5 Nhấp vào **OK**. Khi bạn lưu **Favorites**, tất cả cài đặt trình điều khiển hiện tại sẽ được lưu.



Để sử dụng cài đặt đã lưu, hãy chọn cài đặt đó trong tab **Favorites**. Máy giờ được thiết lập để in theo các cài đặt bạn đã chọn. Để xóa cài đặt đã lưu, hãy chọn cài đặt đó trong tab **Favorites** và nhấp vào **Delete**.

---

---

# Sử dụng trợ giúp

Nhấp vào tùy chọn bạn muốn biết trên cửa sổ **Tùy chọn In** và nhấn **F1** trên bàn phím của bạn.

# Tính năng in




- Tính năng này có thể không khả dụng tùy thuộc vào mẫu máy hoặc hàng hóa tùy chọn (xem "Tính năng theo mẫu máy" trên trang 7).
- Bạn cần tải xuống các gói phần mềm từ trang web HP để cài đặt phần mềm máy in. Để nhận được trợ giúp trọn gói của HP cho máy in, hãy truy cập [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100).

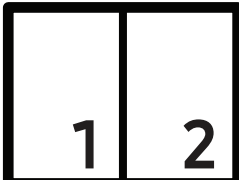
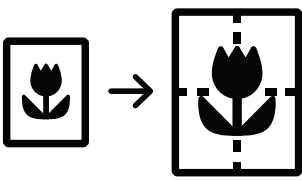
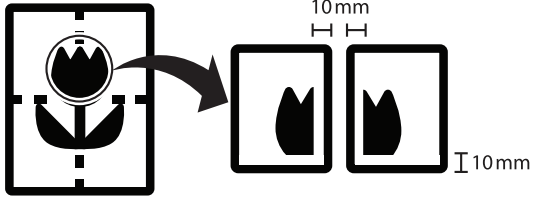
## Hiểu tính năng máy in đặc biệt

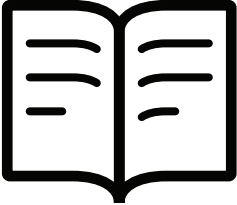




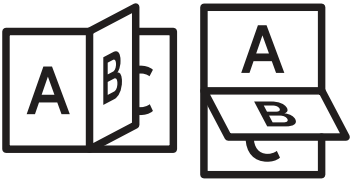
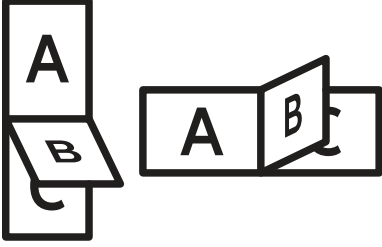
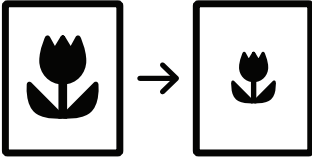
Bạn có thể sử dụng các tính năng in nâng cao khi sử dụng máy.


Để tận dụng các tính năng máy in được trình điều khiển máy in cung cấp, hãy nhấp vào **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn** trong cửa sổ **In** của ứng dụng để thay đổi cài đặt in. Tên máy xuất hiện trong cửa sổ thuộc tính máy in có thể khác tùy thuộc vào máy đang sử dụng.

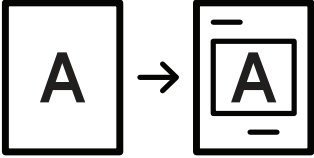



- Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy thuộc vào tùy chọn hoặc mẫu máy. Nếu vậy, nó không áp dụng cho máy của bạn.
- Chọn menu **Printer Connection Type** hoặc nhấp vào nút  từ cửa sổ hoặc nhấn **F1** trên bàn phím và nhấp vào bất kỳ tùy chọn nào bạn muốn biết (xem "Sử dụng trợ giúp" trên trang 51).

Mục	Mô tả
<b>Multiple Pages per Side</b> 	Chọn số trang để in trên một tờ giấy. Để in nhiều hơn một trang trên mỗi tờ, các trang sẽ được giảm kích thước và sắp xếp theo thứ tự bạn chỉ định. Bạn có thể in tối đa 16 trang trên một tờ.
<b>Poster Printing</b> 	In tài liệu một trang trên 4 tờ giấy (Áp phích 2x2), 9 tờ giấy (Áp phích 3x3), hoặc 16 tờ giấy (Áp phích 4x4) với mục đích dán các tờ lại với nhau để tạo thành một tài liệu có kích thước áp phích. Chọn giá trị <b>Poster Overlap</b> . Xác định <b>Poster Overlap</b> bằng milimet hoặc inch bằng cách chọn nút radio ở phía trên bên phải của tab <b>Basic</b> để dễ dán các tờ lại với nhau hơn. 

Mục	Mô tả
<p><b>Booklet Printing</b></p> 	<p>In tài liệu trên cả hai mặt của tờ giấy và sắp xếp các trang sao cho giấy có thể được gấp đôi lại sau khi in để tạo ra tập sách nhỏ.</p> <p> Tùy chọn <b>Booklet Printing</b> không khả dụng cho tất cả các cỡ giấy. Chọn tùy chọn <b>Size</b> giấy khả dụng dưới tab <b>Paper</b> để xem cỡ giấy nào khả dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn chọn cỡ giấy không khả dụng, tùy chọn này có thể tự động bị hủy. Chỉ chọn giấy có sẵn (giấy không có dấu  hoặc .</li> </ul>
<p><b>Double-sided Printing (Manual)</b></p>	<p>In trên cả hai mặt của tờ giấy (in hai mặt). Trước khi in, hãy quyết định cách bạn muốn hướng tài liệu của mình như thế nào.</p> <p> Tính năng <b>Skip Blank Pages</b> không hoạt động khi bạn chọn tùy chọn in hai mặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>None:</b> Tắt tính năng này.</li> <li><b>Long Edge:</b> Tùy chọn này là bố cục thông thường được sử dụng trong đóng sách.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Short Edge:</b> Tùy chọn này là bố cục thông thường được sử dụng trong lịch.</li> </ul> 
<p><b>Paper Options</b></p> 	<p>Thay đổi kích thước của tài liệu để xuất hiện lớn hơn hoặc nhỏ hơn trên trang được in bằng cách nhập tỷ lệ phần trăm để phóng to hoặc thu nhỏ tài liệu.</p>

Mục	Mô tả
<p><b>Watermark</b></p> 	<p>Tùy chọn hình mờ cho phép bạn in văn bản trên tài liệu hiện có. Ví dụ, bạn sử dụng nó khi bạn muốn có các chữ cái lớn màu xám ghi “<b>DRAFT</b>” hoặc “<b>CONFIDENTIAL</b>” được in theo đường chéo trên trang đầu tiên hoặc tất cả các trang của tài liệu.</p>
<p><b>Watermark (Tạo hình mờ)</b></p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Để thay đổi cài đặt in từ ứng dụng phần mềm, truy cập <b>Tùy chọn In</b> (xem “Mở tùy chọn in” trên trang 49).</li> <li>Từ tab <b>Advanced</b>, chọn <b>Edit...</b> từ danh sách <b>Watermark</b> thả xuống.</li> <li>Nhập tin nhắn văn bản vào hộp <b>Watermark Message</b>. Bạn có thể nhập tối đa 256 ký tự. Khi hộp <b>First Page Only</b> được chọn, hình mờ chỉ in trên trang đầu tiên.</li> <li>Chọn tùy chọn hình mờ. Bạn có thể chọn tên phông chữ, kiểu, cỡ và bóng từ phần <b>Font Attributes</b> cũng như thiết lập góc của hình mờ từ phần <b>Watermark Alignment and Angle</b>.</li> <li>Nhấp vào <b>Add</b> để thêm hình mờ mới vào danh sách <b>Current Watermarks</b>.</li> <li>Khi bạn hoàn tất chỉnh sửa, nhấp vào <b>OK</b> hoặc <b>In</b> cho đến khi thoát cửa sổ <b>Print</b>.</li> </ol>
<p><b>Watermark (Chỉnh sửa hình mờ)</b></p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Để thay đổi cài đặt in từ ứng dụng phần mềm, truy cập <b>Tùy chọn In</b> (xem “Mở tùy chọn in” trên trang 49).</li> <li>Nhấp vào tab <b>Advanced</b>, chọn <b>Edit...</b> từ danh sách <b>Watermark</b> thả xuống.</li> <li>Chọn hình mờ bạn muốn chỉnh sửa từ danh sách <b>Current Watermarks</b> và thay đổi thông báo và tùy chọn hình mờ.</li> <li>Nhấp vào <b>Update</b> để lưu các thay đổi.</li> <li>Nhấp vào <b>OK</b> hoặc <b>Print</b> cho đến khi thoát cửa sổ <b>Print</b>.</li> </ol>
<p><b>Watermark (Xóa hình mờ)</b></p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Để thay đổi cài đặt in từ ứng dụng phần mềm, truy cập <b>Tùy chọn In</b>.</li> <li>Nhấp vào tab <b>Advanced</b>, chọn <b>Edit...</b> từ danh sách <b>Watermark</b> thả xuống.</li> <li>Chọn hình mờ bạn muốn xóa từ danh sách <b>Current Watermarks</b> và nhấp vào <b>Delete</b>.</li> <li>Nhấp vào <b>OK</b> hoặc <b>Print</b> cho đến khi thoát cửa sổ <b>Print</b>.</li> </ol>

Mục	Mô tả
<p>Overlay</p> 	<p>Lớp phủ là văn bản và/hoặc hình ảnh được lưu trữ trong ổ đĩa cứng (HDD) máy tính ở định dạng tệp đặc biệt có thể được in trên bất kỳ tài liệu nào. Lớp phủ thường được sử dụng để thay thế giấy có phần đầu thư. Thay vì sử dụng đầu thư in sẵn, bạn có thể tạo lớp phủ chứa chính xác cùng thông tin hiện có trên phần đầu thư của bạn. Để in thư có phần đầu thư của công ty, bạn không cần nạp giấy có phần đầu thư in sẵn trong máy: chỉ cần in lớp phủ đầu thư trên tài liệu của bạn.</p> <p>Để sử dụng lớp phủ trang, bạn phải tạo lớp phủ trang mới chứa logo hoặc hình ảnh của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li> • Kích thước tài liệu lớp phủ phải giống với tài liệu bạn in bằng lớp phủ. Không tạo lớp phủ có hình mờ.</li> <li>• Độ phân giải của tài liệu lớp phủ phải giống với độ phân giải của tài liệu bạn sẽ in với lớp phủ.</li> </ul>
<p>Overlay (Tạo lớp phủ)</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tạo hoặc mở tài liệu chứa văn bản hoặc hình ảnh để sử dụng trong lớp phủ trang mới. Định vị các mục chính xác như bạn muốn chúng xuất hiện khi được in dưới dạng lớp phủ.</li> <li>b. Để lưu tài liệu dưới dạng lớp phủ, truy cập <b>Tùy chọn In</b>.</li> <li>c. Nhấp vào tab <b>Advanced</b>, và chọn <b>Create</b> từ danh sách <b>Overlay</b> thả xuống.</li> <li>d. Trong cửa sổ <b>Lưu Dưới dạng</b>, nhập tên gồm tối đa tám ký tự trong hộp <b>File name</b>. Chọn đường dẫn đích, nếu cần thiết (Mặc định là C:\Formover).</li> <li>e. Nhấp vào <b>Save</b>.</li> <li>f. Nhấp vào <b>OK</b> hoặc <b>Print</b> cho đến khi thoát cửa sổ <b>Print</b>. Khi cửa sổ thông báo xác nhận xuất hiện, nhấp vào <b>Yes</b>.</li> <li>g. Tệp không được in. Thay vào đó, nó được lưu trữ trên ổ đĩa cứng máy tính của bạn.</li> </ol>

Mục	Mô tả
<p><b>Overlay</b> (Sử dụng lớp phủ trang)</p>	<p>a. Tạo hoặc mở tài liệu bạn muốn in.</p> <p>b. Để thay đổi cài đặt in từ ứng dụng phần mềm, truy cập <b>Tùy chọn In</b>.</p> <p>c. Nhấp vào tab <b>Advanced</b>.</p> <p>d. Chọn <b>Print Overlay</b> từ danh sách <b>Overlay</b> thả xuống.</p> <p>e. Nếu bạn đã lưu trữ tệp lớp phủ mà bạn muốn sử dụng trong nguồn bên ngoài, bạn cũng có thể tải tệp khi truy cập vào cửa sổ <b>Load</b>. Sau khi chọn tệp, nhấp vào <b>Mở</b>. Tệp xuất hiện trong hộp <b>Overlay List</b> và có sẵn để in. Chọn lớp phủ từ hộp <b>Overlay List</b>.</p> <p>f. Nếu cần, kiểm tra hộp <b>Confirm Page Overlay When Printing</b>. Nếu hộp này được chọn, cửa sổ tin nhắn xuất hiện mỗi khi bạn gửi tài liệu để in, yêu cầu bạn xác nhận bạn muốn in lớp phủ trên tài liệu của bạn. Nếu hộp này không được chọn và lớp phủ đã được chọn, lớp phủ sẽ tự động in với tài liệu của bạn.</p> <p>g. Nhấp vào <b>OK</b> hoặc <b>Print</b> cho đến khi thoát cửa sổ <b>Print</b>. Lớp phủ được chọn in trên tài liệu của bạn.</p>
<p><b>Overlay</b> (Xóa lớp phủ trang)</p>	<p>a. Trong cửa sổ <b>Printing Preferences</b>, nhấp vào tab <b>Advanced</b>.</p> <p>b. Chọn <b>Edit</b> trong danh sách <b>Text</b> thả xuống.</p> <p>c. Chọn lớp phủ bạn muốn xóa từ hộp <b>Overlay List</b>.</p> <p>d. Nhấp vào <b>Delete</b>.</p> <p>e. Khi cửa sổ thông báo xác nhận xuất hiện, nhấp vào <b>Yes</b>.</p> <p>f. Nhấp vào <b>OK</b> hoặc <b>Print</b> cho đến khi thoát cửa sổ <b>In</b>. Bạn có thể xóa lớp phủ trang mà bạn không còn sử dụng nữa.</p>



---

# Sử dụng HP Easy Printer Manager

---



Đối với Windows, Internet Explorer 6.0 trở lên là yêu cầu tối thiểu cho HP Easy Printer Manager.

---

HP Easy Printer Manager là ứng dụng kết hợp các cài đặt máy HP vào một vị trí. HP Easy Printer Manager kết hợp các cài đặt thiết bị cũng như môi trường in, cài đặt/thao tác và khởi chạy. Tất cả các tính năng này cung cấp cổng để sử dụng thuận tiện máy HP của bạn. HP Easy Printer Manager cung cấp hai giao diện người dùng khác nhau để người dùng lựa chọn: giao diện người dùng cơ bản và giao diện người dùng nâng cao. Chuyển đổi giữa hai giao diện dễ dàng: chỉ cần nhấp vào một nút.

## Hiểu HP Easy Printer Manager

Để mở chương trình:

**Đối với Windows,**

Chọn **Bắt đầu** > **Chương trình** hoặc **Tất cả các Chương trình** > **HP Printers** > **HP Easy Printer Manager**.


- Đối với Windows 8

Từ **Charms**, chọn **Tìm kiếm** > **Ứng dụng** > **HP Printers** > **HP Printer Manager**.

- Đối với Windows 10 / Windows Server 2016

Từ thanh tác vụ, nhập vào **Máy in HP** trong khu vực nhập **Tìm kiếm**. Nhấn phím enter và sau đó chọn **HP Printer Manager**.

HOẶC

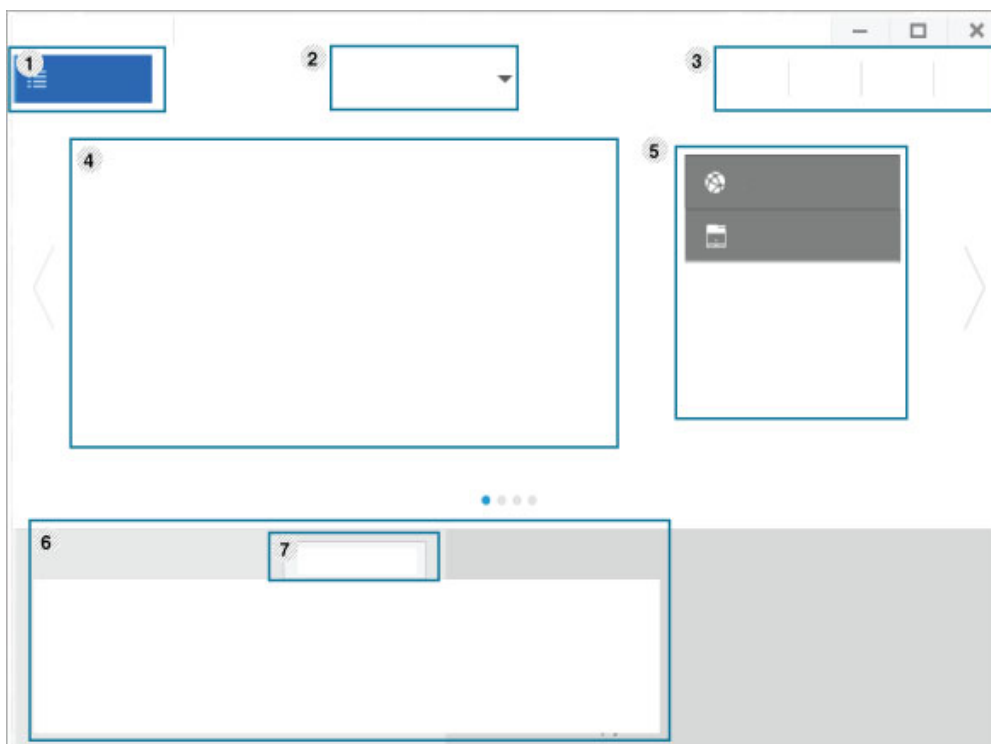
Từ biểu tượng **Bắt đầu** () , chọn **Tất cả các ứng dụng** > **Máy in HP** > **HP Printer Manager**.



---



Ảnh chụp màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành, mẫu máy hoặc tùy chọn.

---



1	<b>Danh sách máy in</b>	Danh sách Máy in hiển thị các máy in được cài đặt trên máy tính và các máy in mạng do tìm hiểu mạng thêm vào.
2	<b>Cài đặt Nâng cao</b>	<p>Giao diện người dùng nâng cao được thiết kế để người chịu trách nhiệm quản lý mạng và máy sử dụng.</p> <p> Một số menu có thể không xuất hiện trong màn hình tùy thuộc vào tùy chọn hoặc mẫu máy. Nếu vậy, nó không áp dụng cho máy của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Device Settings:</b> Bạn có thể cấu hình các cài đặt máy khác nhau như cài đặt máy, giấy, bố cục, bản sao chương trình, mạng và thông tin in.</li> </ul> <p> Nếu bạn kết nối máy với mạng, biểu tượng <b>HP Embedded Web Server</b> được bật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Alert Settings:</b> Menu này bao gồm các cài đặt liên quan đến cảnh báo lỗi.           <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Printer Alert:</b> Cung cấp các cài đặt liên quan đến thời điểm nhận được cảnh báo.</li> <li>- <b>Email Alert:</b> Cung cấp các tùy chọn liên quan đến nhận cảnh báo qua email.</li> <li>- <b>Alert History:</b> Cung cấp lịch sử của các cảnh báo liên quan đến thiết bị và mực in.</li> </ul> </li> </ul>
3	<b>Thông tin ứng dụng</b>	Bao gồm các liên kết để thay đổi sang cài đặt làm mới, tùy chọn, trợ giúp và giới thiệu.

4	<b>Thông tin máy in</b>	Khu vực này cung cấp cho bạn thông tin chung về máy của bạn. Bạn có thể kiểm tra thông tin, chẳng hạn như tên mẫu máy, địa chỉ IP (hoặc tên Cổng) và tình trạng máy.
5	<b>Liên kết nhanh</b>	Hiển thị <b>Quick links</b> tới các chức năng cụ thể của máy. Phần này cũng bao gồm các liên kết đến các ứng dụng trong cài đặt nâng cao.
6	<b>Khu vực nội dung</b>	Hiển thị thông tin về máy đã chọn, mức mực còn lại và giấy. Thông tin sẽ thay đổi dựa trên máy được chọn. Một số máy không có tính năng này.
7	<b>Đặt hàng vật tư</b>	Nhấp vào nút <b>Order</b> từ cửa sổ đặt hàng vật tư. Bạn có thể đặt mua trực tuyến (các) hộp mực thay thế.



Chọn menu **Help** từ cửa sổ và nhấp vào bất kỳ tùy chọn nào bạn muốn tìm hiểu.

# Sử dụng chương trình Printer Status

Printer Status là chương trình giám sát và thông báo cho bạn về tình trạng máy.






- Cửa sổ Printer Status và nội dung cửa sổ được hiển thị trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác tùy thuộc vào máy hoặc hệ điều hành đang được sử dụng.
- Kiểm tra (các) hệ điều hành tương thích với máy của bạn (xem "Yêu cầu hệ thống" trên trang 98).
- Chỉ dành cho người dùng HĐH Windows.

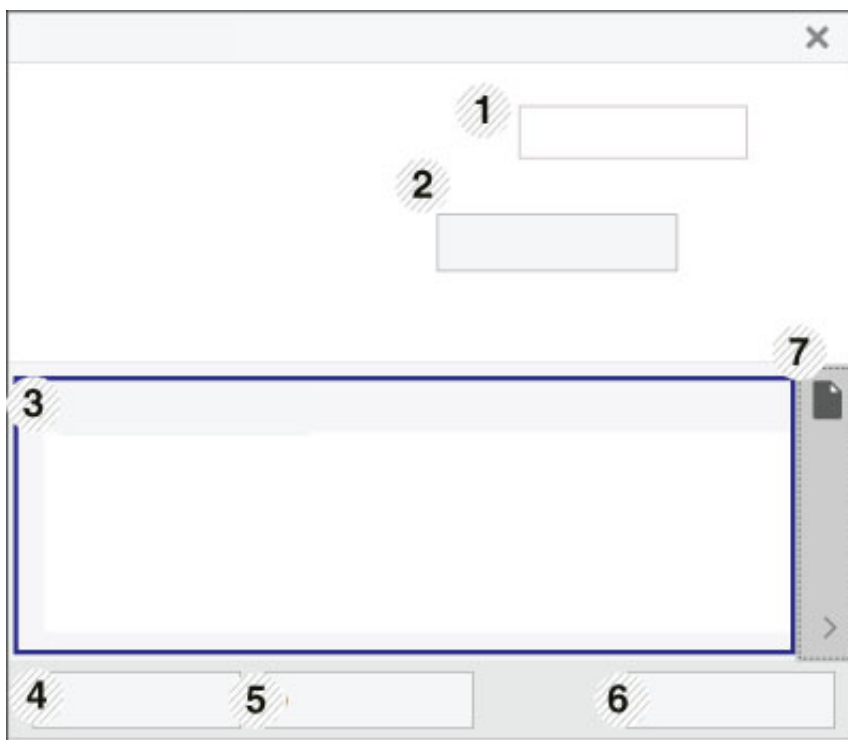
## Tổng quan về Printer Status

Nếu xảy ra lỗi trong khi vận hành, bạn có thể kiểm tra lỗi từ Printer Status. Printer Status được cài đặt tự động khi bạn cài đặt phần mềm máy.

Bạn cũng có thể khởi chạy Printer Status theo cách thủ công. Đi tới **Tùy chọn In**, nhấp vào tab ngoại trừ tab **HP** > nút **Printer Status**. Tùy chọn **Favorites** được hiển thị trên mỗi tab tùy chọn ngoại trừ tab **HP**.

Các biểu tượng này xuất hiện trên thanh tác vụ Windows:

Biểu tượng	Ý nghĩa	Mô tả
	Bình thường	Máy ở chế độ sẵn sàng và không gặp lỗi hoặc cảnh báo.
	Cảnh báo	Máy ở trạng thái có lỗi có thể xảy ra trong tương lai. Ví dụ: nó có thể ở tình trạng sắp hết mực, điều này có thể dẫn đến tình trạng hết mực.
	Lỗi	Máy có ít nhất một lỗi.



1	<b>Device Information</b>	Bạn có thể thấy tình trạng thiết bị, tên mẫu máy in hiện tại, tên cổng được kết nối trong khu vực này.
2	<b>User's Guide</b>	Hướng dẫn sử dụng bị vô hiệu hóa. Bạn có thể tải xuống Hướng dẫn Sử dụng trong <a href="http://www.hp.com/support/laser100">www.hp.com/support/laser100</a> .
3	<b>Supplies Information</b>	Bạn có thể xem phần trăm mực còn lại trong mỗi hộp mực. Máy và số lượng hộp mực được hiển thị trong cửa sổ trên có thể khác tùy thuộc vào máy đang sử dụng. Một số máy không có tính năng này.
4	<b>Option</b>	Bạn có thể thiết lập các cài đặt liên quan đến cảnh báo tác vụ in.
5	<b>Order Supplies</b>	Bạn có thể đặt mua trực tuyến (các) hộp mực thay thế.
6	<b>Cancel Print</b> hoặc <b>Close</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Cancel Print:</b> Nếu tác vụ in đang chờ trong hàng đợi in hoặc máy in, hãy hủy tất cả các tác vụ in của người dùng trong hàng đợi in hoặc máy in.</li> <li>• <b>Close:</b> Tùy thuộc vào tình trạng của máy hoặc các chức năng được hỗ trợ, nút <b>Close</b> có thể xuất hiện để đóng cửa sổ tình trạng.</li> </ul>
7	<b>Thông tin về Mực in/Giấy</b>	Các khu vực nút này cung cấp thông tin về giấy và mực in sẽ khả dụng dựa trên thiết bị.

---

# Bảo trì

Chương này cung cấp thông tin về việc mua vật tư, phụ kiện và các bộ phận bảo trì có sẵn cho máy của bạn.

• Đặt hàng vật tư và phụ kiện	63
• Vật tư có sẵn	64
• Bộ phận bảo trì có sẵn	65
• Bảo quản hộp mực	66
• Phân phối lại mực	68
• Thay hộp mực	69
• Làm sạch máy	70

---

# Đặt hàng vật tư và phụ kiện

---



Các phụ kiện có sẵn có thể khác nhau giữa các quốc gia. Liên hệ với đại diện bán hàng của bạn để nhận danh sách các vật tư có sẵn và các bộ phận bảo trì.

---

Để đặt hàng các vật tư, phụ kiện và bộ phận bảo trì do HP ủy quyền, liên hệ với đại lý HP địa phương hoặc nhà bán lẻ nơi bạn mua máy. Bạn cũng có thể truy cập <https://store.hp.com/>, sau đó chọn quốc gia/khu vực của bạn để có được thông tin liên hệ cho dịch vụ.

# Vật tư có sẵn

Khi vật tư hết tuổi thọ, bạn có thể đặt hàng các loại vật tư sau cho máy:

Mục	Tên Sản phẩm	Số hộp mực	Số sản phẩm	Khu vực <sup>a</sup>
Hộp mực	HP 105A Black Original Laser Toner Cartridge	105A	W1105A	Chỉ sử dụng ở Mỹ Latinh.
	HP 106A Black Original Laser Toner Cartridge	106A	W1106A	Chỉ sử dụng ở Châu Âu, Nga, CIS, Trung Đông và Châu Phi
	HP 107A Black Original Laser Toner Cartridge	107A	W1107A	Chỉ sử dụng ở Châu Á Thái Bình Dương trừ Trung Quốc và Ấn Độ
	HP 110A Black Original Laser Toner Cartridge	110A	W1110A	Chỉ sử dụng ở Trung Quốc
	W1112A		Chỉ sử dụng ở Ấn Độ	

a. Khi mua hộp mực mới hoặc các vật tư khác, phải mua ở cùng quốc gia với máy bạn đang sử dụng. Nếu không, hộp mực mới hoặc các vật tư khác sẽ không tương thích với máy của bạn do các cấu hình khác nhau của hộp mực và các vật tư khác tùy theo điều kiện quốc gia cụ thể.



Tùy thuộc vào các tùy chọn, phần trăm diện tích hình ảnh và chế độ tác vụ được sử dụng, tuổi thọ của hộp mực có thể khác nhau.



HP không khuyến nghị sử dụng hộp mực không chính hãng HP chẳng hạn như mực được làm đầy lại hoặc tái sản xuất. HP không thể đảm bảo chất lượng của hộp mực không chính hãng HP. Dịch vụ hoặc sửa chữa được yêu cầu do sử dụng hộp mực không chính hãng HP sẽ không được thực hiện theo bảo hành của máy.



---

# Bộ phận bảo trì có sẵn

Bạn cần thay thế các bộ phận bảo trì vào các khoảng thời gian cụ thể để duy trì máy ở tình trạng tốt nhất và tránh các vấn đề về chất lượng in và nạp giấy do các bộ phận bị hao mòn. Các bộ phận bảo trì chủ yếu là con lăn, đai và miếng đệm. Tuy nhiên, thời gian thay thế và các bộ phận có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu máy. Việc thay thế các bộ phận bảo trì chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ được ủy quyền, đại lý hoặc nhà bán lẻ nơi bạn mua máy. Để mua các bộ phận bảo trì, hãy liên hệ với nhà bán lẻ nơi bạn mua máy. Thời gian thay thế các bộ phận bảo trì được thông báo theo chương trình "HP Printer Status". Hoặc trên UI (Giao diện Người dùng) nếu máy của bạn hỗ trợ màn hình hiển thị. Thời gian thay thế khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành được sử dụng, hiệu suất tính toán, phần mềm ứng dụng, phương pháp kết nối, loại giấy, cỡ giấy và độ phức tạp của tác vụ.

---

# Bảo quản hộp mực

Hộp mực chứa các bộ phận nhạy cảm với ánh sáng, nhiệt độ và độ ẩm. HP khuyến người dùng nên tuân theo các đề xuất này để đảm bảo hiệu suất tối ưu, chất lượng cao nhất và tuổi thọ lâu nhất từ hộp mực HP mới của bạn.

Bảo quản hộp mực này trong môi trường nơi máy in sẽ được sử dụng. Nên bảo quản trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm được kiểm soát. Hộp mực phải được giữ nguyên trong bao bì ban đầu và không mở cho đến khi lắp đặt – nếu không có bao bì gốc, đây phần hở trên cùng của hộp mực bằng giấy và bảo quản trong tủ tối.

Việc mở bao bì hộp mực trước khi sử dụng sẽ rút ngắn đáng kể thời gian sử dụng và thời gian hoạt động của nó. Không bảo quản trên sàn. Nếu hộp mực được tháo ra khỏi máy in, tuân theo các hướng dẫn bên dưới để bảo quản hộp mực đúng cách.

- Bảo quản hộp mực bên trong túi bảo vệ từ bao bì ban đầu.
- Đặt nằm phẳng (không dựng đứng ở hai đầu) với một mặt hướng lên như thể nó đã được lắp đặt trong máy.
- Không bảo quản vật tư tiêu hao ở bất kỳ điều kiện nào sau đây:
  - Nhiệt độ lớn hơn 40°C (104°F).
  - Phạm vi độ ẩm thấp hơn 20% và cao hơn 80%.
  - Môi trường có những thay đổi cực điểm về độ ẩm hoặc nhiệt độ.
  - Ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc ánh sáng trong phòng.
  - Nơi bụi bặm.
  - Xe ô tô trong một thời gian dài.
  - Môi trường nơi có khí ăn mòn.
  - Môi trường có không khí mặn.

## Hướng dẫn xử lý

- Không chạm vào bề mặt của trống quang dẫn trong hộp mực.
- Không để hộp mực tiếp xúc với các rung động hoặc va chạm không cần thiết.
- Không bao giờ xoay trống bằng cách thủ công, đặc biệt là theo hướng ngược lại; điều này có thể gây ra hư hỏng bên trong và vấy đổ mực.

## Sử dụng hộp mực

HP không khuyến nghị hoặc phê duyệt việc sử dụng hộp mực không mang thương hiệu HP trong máy in, bao gồm cả hộp mực in gốc, nhãn hiệu của hãng, làm đầy lại hoặc tái sản xuất.



Bảo hành máy in của HP không bao gồm hỏng máy do sử dụng hộp mực không mang thương hiệu HP, được làm đầy lại hoặc tái sản xuất.

## Tuổi thọ ước tính của hộp mực

Tuổi thọ ước tính của hộp mực (hoặc bộ phận chụp ảnh) tùy thuộc vào lượng mực mà tác vụ in yêu cầu. Hiệu suất in thực tế có thể thay đổi tùy thuộc vào mật độ in của các trang bạn in, môi trường vận hành, tỷ lệ phần trăm diện tích hình ảnh, khoảng thời gian in, loại phương tiện và/hoặc cỡ phương tiện. Ví dụ, nếu bạn in nhiều đồ họa, mức tiêu thụ mực in sẽ cao hơn và bạn có thể cần thay hộp mực thường xuyên hơn.

# Phân phối lại mực

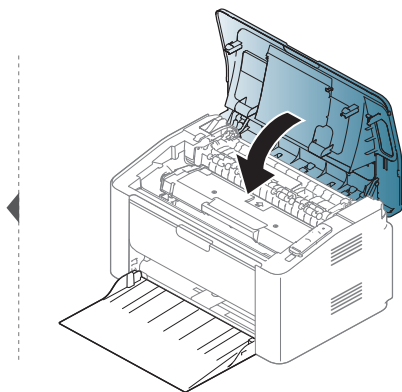
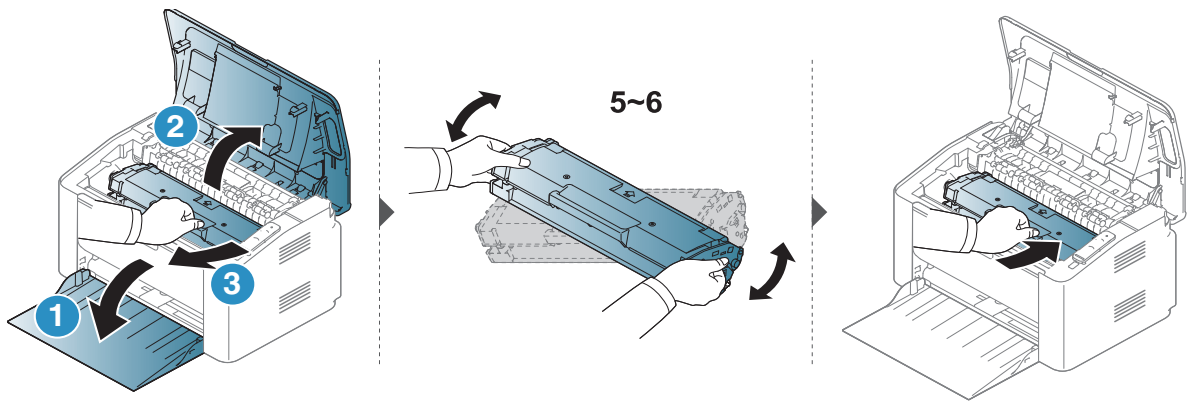
Bạn có thể tạm thời cải thiện chất lượng in bằng cách phân phối lại lượng mực còn lại trong hộp mực. Trong một số trường hợp, các đường sọc màu trắng hoặc in nhạt sẽ vẫn xảy ra ngay cả khi bạn đã phân phối lại mực.



Trước khi mở nắp trên, đóng giá đỡ đầu ra trước tiên.



- Để tránh làm hỏng hộp mực, không để nó tiếp xúc với ánh sáng nhiều hơn một vài phút. Che nó bằng một mảnh giấy, nếu cần thiết.
- Không chạm vào vùng màu xanh lá của hộp mực. Sử dụng tay cầm trên hộp mực để tránh chạm vào vùng này.
- Nếu mực dính vào quần áo của bạn, lau sạch bằng vải khô và giặt quần áo bằng nước lạnh. Nước nóng khiến mực thấm vào vải.



# Thay hộp mực

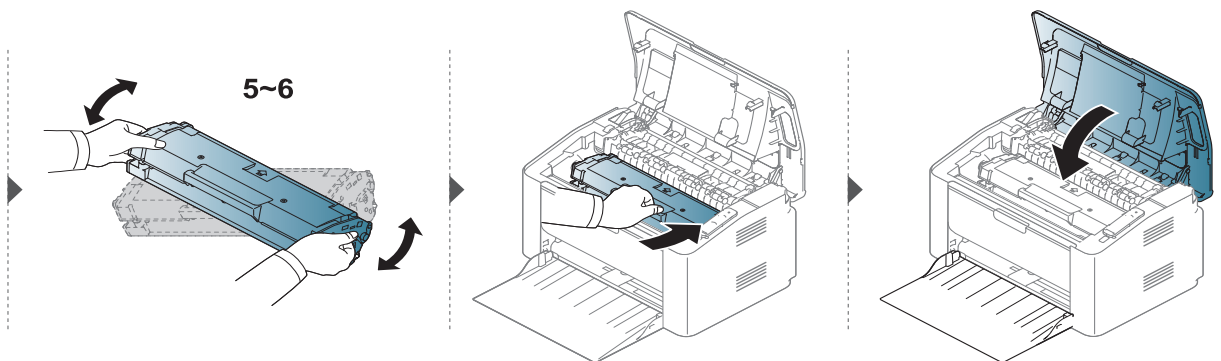
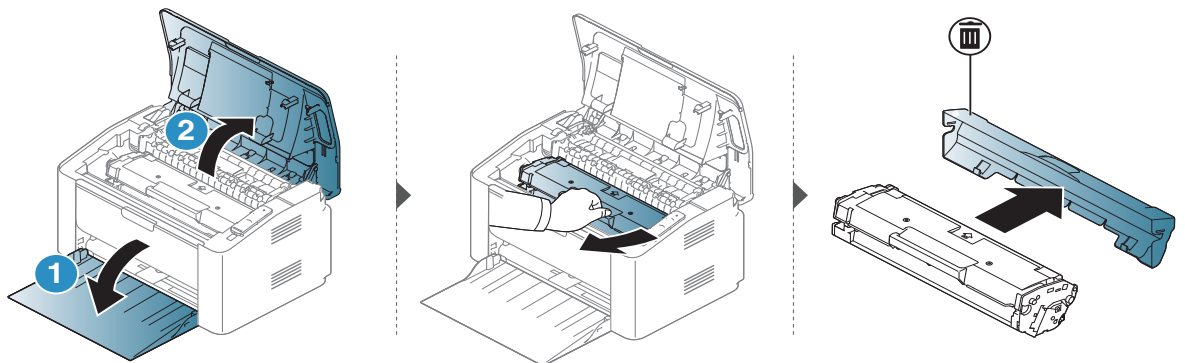
Khi cần thay hộp mực, hãy kiểm tra loại hộp mực cho máy của bạn (xem "Vật tư có sẵn" trên trang 64).



- Trước khi mở nắp trên, đóng giá đỡ đầu ra trước tiên.
- Lắc kỹ hộp mực, điều này sẽ tăng chất lượng in ban đầu.



- Để tránh làm hỏng hộp mực, không để nó tiếp xúc với ánh sáng nhiều hơn một vài phút. Che nó bằng một mảnh giấy, nếu cần thiết.
- Không chạm vào vùng màu xanh lá của hộp mực. Sử dụng tay cầm trên hộp mực để tránh chạm vào vùng này.
- Không sử dụng các đồ vật sắc nhọn như dao hoặc kéo để mở bao bì hộp mực. Chúng có thể làm xước trống của hộp mực.
- Nếu mực dính vào quần áo của bạn, lau sạch bằng vải khô và giặt quần áo bằng nước lạnh. Nước nóng khiến mực thấm vào vải.



---

# Làm sạch máy

Nếu xảy ra vấn đề về chất lượng in hoặc nếu bạn sử dụng máy trong môi trường bụi bặm, bạn cần làm sạch máy thường xuyên để giữ máy ở tình trạng in tốt nhất và sử dụng máy lâu hơn.



- Làm sạch tủ máy bằng các vật liệu làm sạch có chứa lượng lớn cồn, dung môi hoặc các chất đậm đặc khác có thể làm mất màu hoặc biến dạng tủ.
- Nếu máy của bạn hoặc khu vực xung quanh bị nhiễm bẩn mực in, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng khăn hoặc khăn giấy thấm nước để làm sạch. Nếu bạn sử dụng máy hút bụi, mực sẽ bị thổi vào không khí và có thể gây hại cho bạn.
- Trong quá trình in, giấy, mực và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong máy. Sự tích tụ này có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in, chẳng hạn như đường sọc hoặc vết mực. Làm sạch bên trong máy sẽ loại bỏ và giảm các vấn đề này.

## Làm sạch bên ngoài hoặc màn hình hiển thị

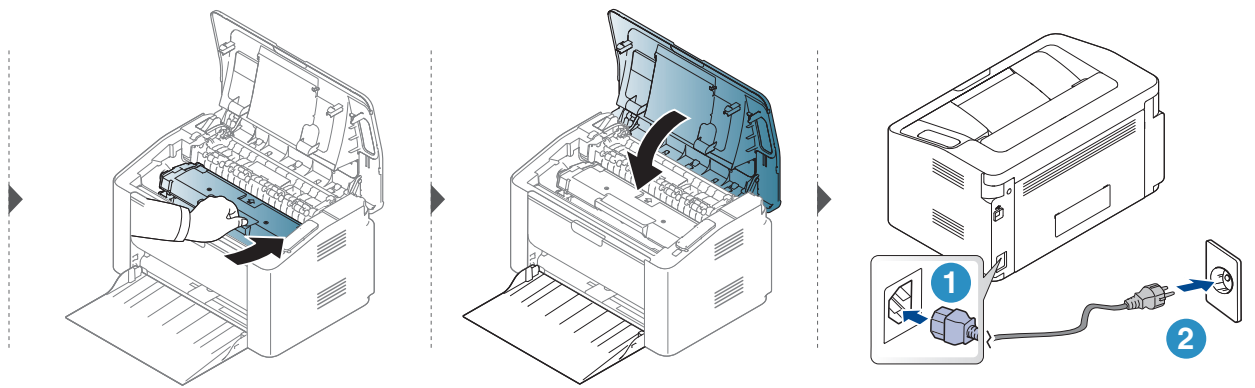
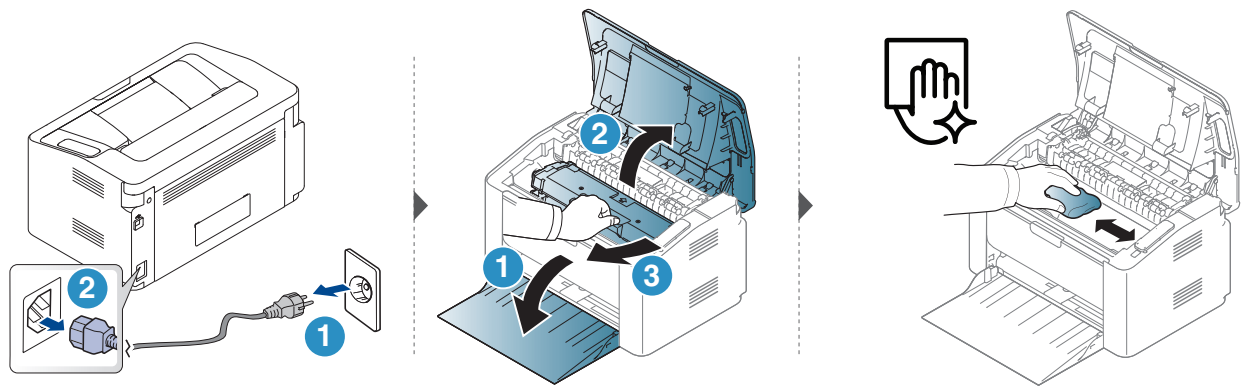
Làm sạch tủ máy hoặc màn hình hiển thị bằng vải mềm, không có xơ. Làm ẩm khăn với một chút nước, nhưng cẩn thận không để nước nhỏ giọt lên hoặc vào máy.

## Làm sạch bên trong

Trong quá trình in, giấy, mực và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong máy. Sự tích tụ này có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in, chẳng hạn như đường sọc hoặc vết mực. Làm sạch bên trong máy sẽ loại bỏ và giảm các vấn đề này.



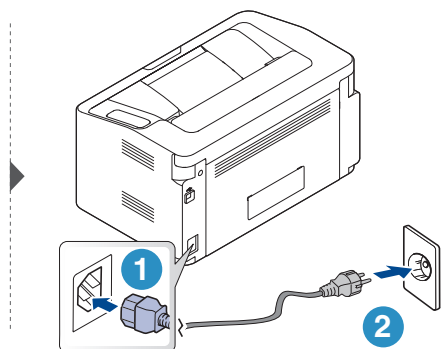
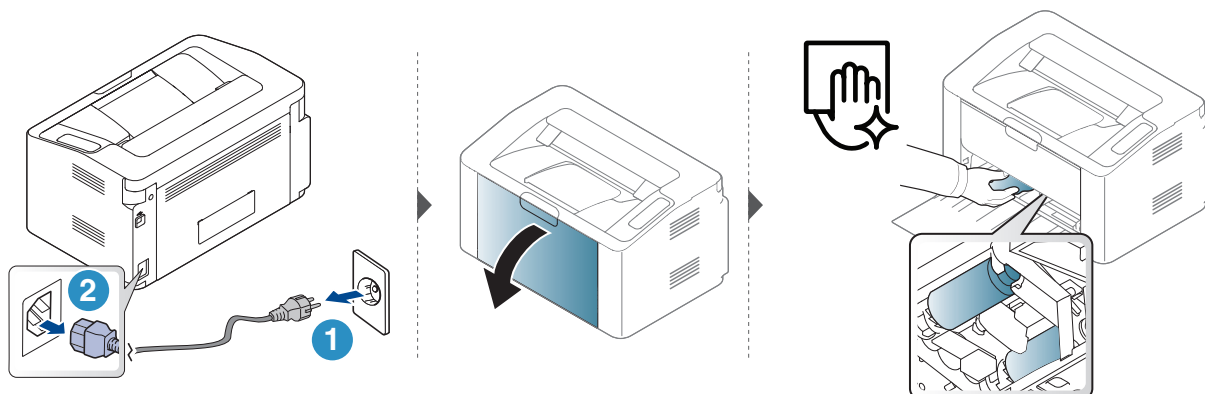
- Sử dụng khăn khô không có xơ để làm sạch máy.
  - Nếu máy có công tắc nguồn, tắt công tắc nguồn trước khi làm sạch máy.
  - Trước khi mở nắp trên, đóng giá đỡ đầu ra trước tiên.
-



## Làm sạch con lăn nhận giấy



- Sử dụng khăn khô không có xơ để làm sạch máy.
- Nếu máy có công tắc nguồn, tắt công tắc nguồn trước khi làm sạch máy.





---

# Khắc phục sự cố

Chương này cung cấp thông tin hữu ích cho những việc cần làm nếu bạn gặp lỗi.



Chương này cung cấp thông tin hữu ích cho những việc cần làm nếu bạn gặp lỗi. Nếu máy của bạn có màn hình hiển thị, trước tiên hãy kiểm tra thông báo trên màn hình hiển thị để giải quyết lỗi.

- Mẹo để tránh kẹt giấy **74**
- loại bỏ kẹt giấy **75**
- Hiệu đèn LED **77**
- Thông báo “Low Toner” hoặc “Very Low Toner” hiển thị trong báo cáo thông tin Vật tư **79**
- Vấn đề khi nạp giấy vào **80**
- Vấn đề kết nối nguồn và cáp **81**
- Giải quyết vấn đề khác **82**
- Giải quyết các sự cố mạng không dây **91**

---

# Mẹo để tránh kẹt giấy

Bằng cách chọn các loại phương tiện chính xác, hầu hết các trường hợp kẹt giấy đều có thể tránh được. Để tránh kẹt giấy, hãy tham khảo các hướng dẫn sau:

- Đảm bảo rằng các thanh dẫn có thể điều chỉnh được định vị chính xác (xem "Tổng quan về khay" trên trang 26).
- Không nạp quá tải vào khay. Đảm bảo rằng mức giấy nằm dưới dấu chỉ lượng giấy ở bên trong khay.
- Không lấy giấy ra khỏi khay trong khi máy đang in.
- Uốn cong, trải rộng và làm thẳng giấy trước khi nạp.
- Không sử dụng giấy nhăn, ẩm hoặc bị cong nhiều.
- Không trộn các loại giấy trong khay.
- Chỉ sử dụng phương tiện in được khuyến dùng (xem "Thông số kỹ thuật phương tiện in" trên trang 96).

---

# Loại bỏ kẹt giấy

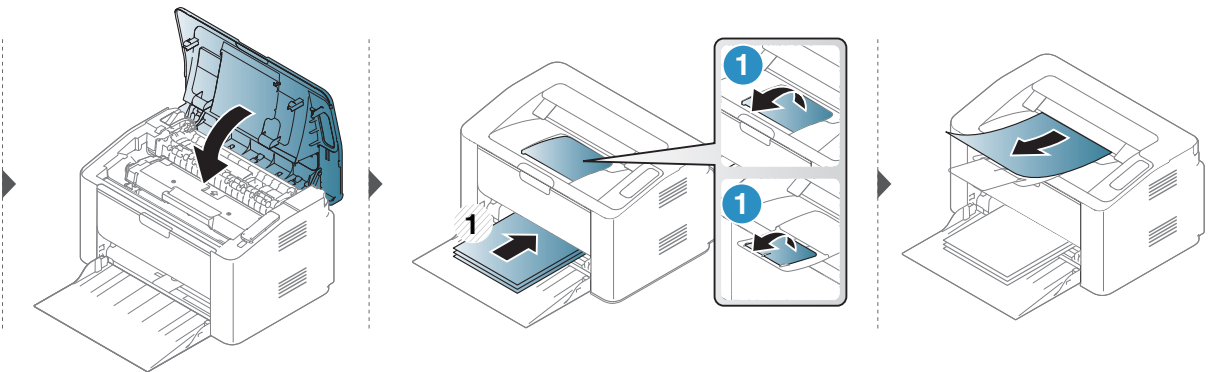
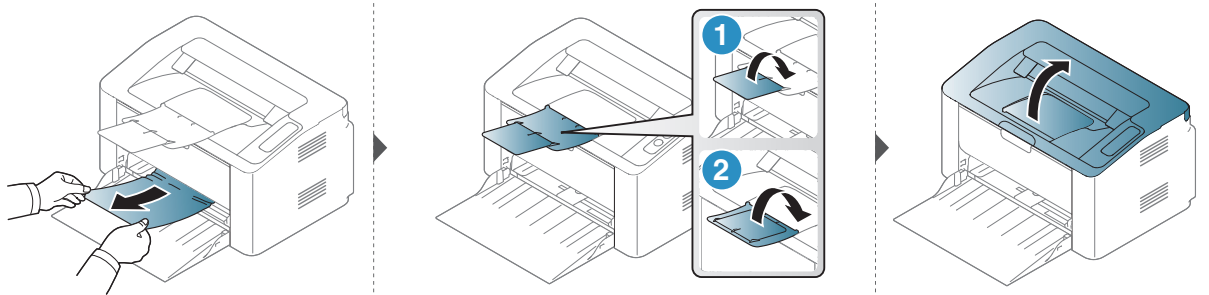
---



Để tránh rách giấy, hãy kéo giấy bị kẹt ra ngoài từ từ và nhẹ nhàng.

---

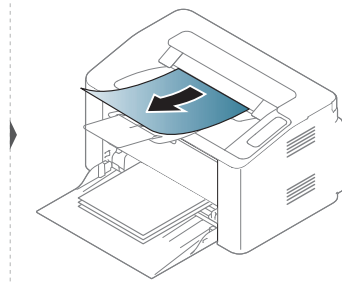
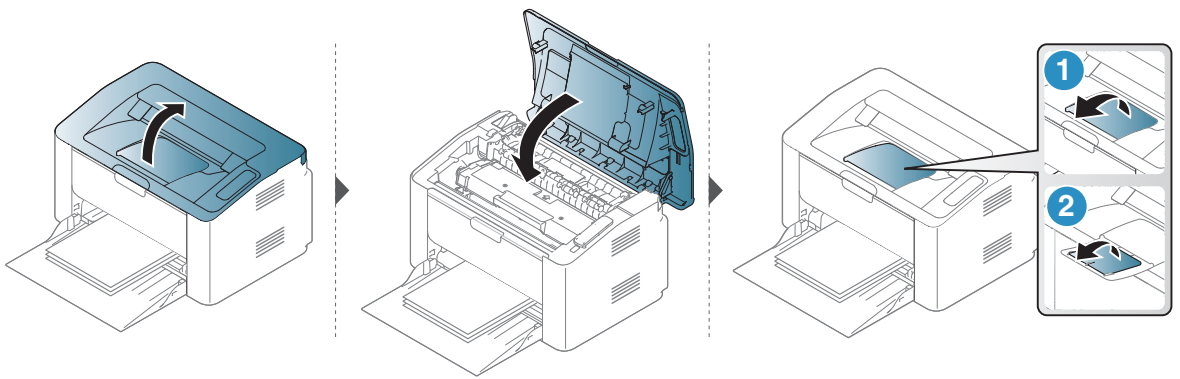
## Trong khay



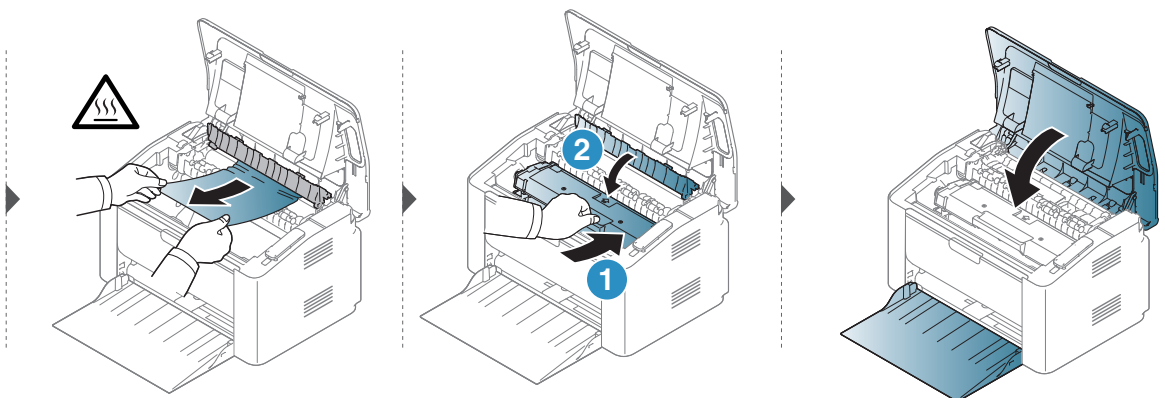
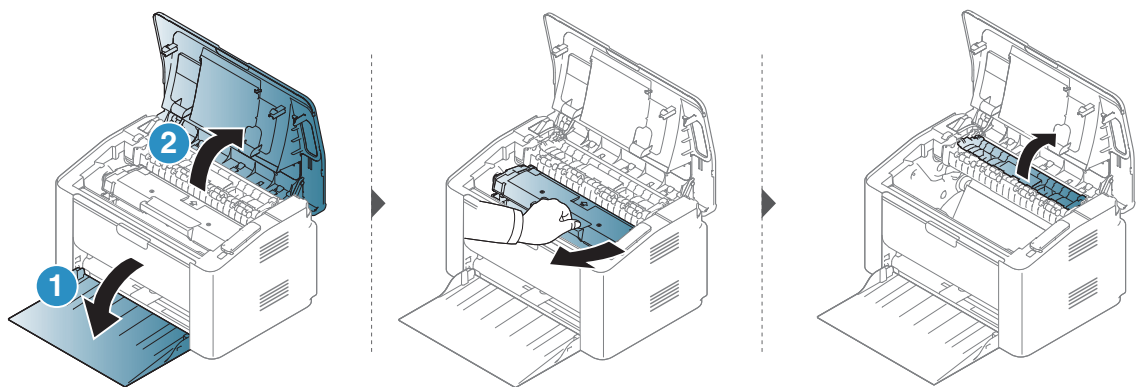
## Bên trong máy



- Khu vực bộ phận sấy nóng. Cẩn thận khi lấy giấy ra khỏi máy.
  - Trước khi mở nắp trên, đóng giá đỡ đầu ra trước tiên.
-



Nếu bạn không thấy giấy trong vùng này, hãy dừng lại và chuyển sang bước tiếp theo:



# Hiểu đèn LED

Màu của đèn LED cho biết hoạt động hiện tại của máy.







- Một số đèn LED có thể không có sẵn tùy thuộc vào mẫu máy hoặc quốc gia.
- Bạn có thể giải quyết lỗi bằng hướng dẫn từ cửa sổ chương trình Printer Status của máy tính
- Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy gọi cho đại diện dịch vụ.

## Đèn LED Chú ý

Tình trạng		Mô tả	
! (Đèn LED Chú ý)	Tắt	Máy ở tình trạng ngoại tuyến hoặc bình thường.	
	Màu cam	Bật	Máy đã dừng do lỗi nghiêm trọng.
		Nhấp nháy	Máy yêu cầu người dùng chú ý: <ul style="list-style-type: none"><li>• Đã xảy ra kẹt giấy (xem "loại bỏ kẹt giấy" trên trang 75).</li><li>• Nắp mở. Đóng nắp.</li><li>• Không có giấy trong khay khi nhận hoặc in dữ liệu. Nạp giấy vào khay ("Nạp giấy vào khay" trên trang 27).</li></ul>

## Đèn LED Mực in/ Đèn LED Không dây/ Đèn LED Nguồn

Tình trạng		Mô tả	
☹️ (Đèn LED Mực in)	Màu cam	Tắt	Tất cả các hộp mực đều ở mức dung lượng bình thường.
		Bật <sup>a</sup>	Hộp mực gần đạt đến tuổi thọ hộp mực ước tính <sup>b</sup> . Nên thay hộp mực (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).
		Nhấp nháy	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chưa cài đặt hộp mực hoặc hộp mực không chính xác được cài đặt.</li><li>• Còn ít mực trong hộp mực. Gần hết tuổi thọ hộp mực ước tính. Chuẩn bị hộp mực mới để thay thế. Bạn có thể tạm thời tăng chất lượng in bằng cách phân phối lại mực (xem "Phân phối lại mực" trên trang 68).</li></ul>

Tình trạng		Mô tả	
 (Đèn LED Không dây) <sup>c</sup>	Màu xanh dương	Tắt	Máy bị ngắt kết nối khỏi mạng không dây.
		Bật	Máy được kết nối với mạng không dây (xem "Thiết lập mạng không dây" trên trang 36).
		Nhấp nháy	Máy đang kết nối với mạng không dây.
 (Đèn LED Nguồn)	Màu trắng	Tắt	Máy tắt nguồn.
		Bật	Máy bật nguồn.
		Nhấp nháy	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khi máy ở chế độ tiết kiệm điện, đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy chậm.</li> <li>• Khi máy đang in dữ liệu, đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy.</li> <li>• Máy in bảng cấu hình &amp; bảng cấu hình mạng.</li> </ul> - Nhấn giữ nút  (Tiếp tục/Hủy) khoảng <b>10</b> giây cho đến khi đèn LED nguồn nhấp nháy chậm và nhấp ra. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Máy in báo cáo thông tin vật tư / báo cáo lỗi.</li> </ul> - Nhấn giữ nút  (Tiếp tục/Hủy) khoảng <b>15</b> giây cho đến khi đèn LED nguồn nhấp nháy nhanh và nhấp ra.

a. Đèn LED mực in nhấp nháy khoảng 10 giây và sau đó đèn LED mực in bật.

b. Tuổi thọ hộp mực ước tính nghĩa là tuổi thọ hộp mực dự kiến hoặc ước tính, cho biết số lượng bản in trung bình và được thiết kế theo ISO/IEC 19752. Số lượng trang có thể bị ảnh hưởng bởi môi trường vận hành, khoảng thời gian in, đồ họa, loại phương tiện và cỡ phương tiện. Có thể còn lượng mực nhất định trong hộp mực ngay cả khi đèn LED màu đỏ bật và máy in dừng in.

c. Chỉ dành cho mẫu không dây (xem "Tính năng theo mẫu máy" trên trang 7).

---

# Thông báo “Low Toner” hoặc “Very Low Toner” hiển thị trong báo cáo thông tin Vật tư

**Low Toner:** Máy in cho biết khi mức mực trong hộp mực thấp. Tuổi thọ hộp mực thực tế còn lại có thể thay đổi. Xem xét có sẵn hộp mực thay thế để lắp đặt khi chất lượng in không còn chấp nhận được nữa. Không cần thay thế hộp mực ngay bây giờ.

**Very Low Toner:** Máy in cho biết khi mức Mực trong hộp mực rất thấp. Tuổi thọ hộp mực thực tế còn lại có thể thay đổi. Xem xét có sẵn hộp mực thay thế để lắp đặt khi chất lượng in không còn chấp nhận được nữa. Không cần thay thế hộp mực ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được nữa.

Khi hộp mực HP đã đạt **Very Low Toner**, Bảo hành Bảo vệ Cao cấp của HP cho hộp mực đó kết thúc.

**Để máy in báo cáo thông tin vật tư:**

Nhấn và giữ nút >|X (Tiếp tục/Hủy) khoảng **15** giây cho đến khi đèn LED nguồn nhấp nháy nhanh và nhả ra. Máy bắt đầu in.

# Vấn đề khi nạp giấy vào


Tình trạng	Giải pháp đề xuất
Kẹt giấy trong quá trình in.	Giải quyết kẹt giấy.
Giấy dính vào nhau.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra lượng giấy tối đa của khay .</li><li>• Hãy chắc chắn rằng bạn đang sử dụng đúng loại giấy.</li><li>• Lấy giấy ra khỏi khay và uốn cong hoặc trải rộng giấy.</li><li>• Tình trạng ẩm có thể khiến một số giấy dính vào nhau.</li></ul>
Nhiều tờ giấy không được nạp vào.	Các loại giấy khác nhau có thể xếp chồng lên nhau trong khay. Chỉ nạp giấy cùng loại, cỡ và trọng lượng vào.
Giấy không được nạp vào máy.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Loại bỏ bất kỳ vật cản nào bên trong máy.</li><li>• Giấy không được nạp vào đúng cách. Lấy giấy ra khỏi khay và nạp lại chính xác.</li><li>• Có quá nhiều giấy trong khay. Lấy giấy thừa ra khỏi khay.</li><li>• Giấy quá dày. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của máy.</li></ul>
Giấy vẫn bị kẹt.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Có quá nhiều giấy trong khay. Lấy giấy thừa ra khỏi khay. Nếu bạn đang in trên các vật liệu đặc biệt, hãy nạp vào khay theo cách thủ công.</li><li>• Đang sử dụng loại giấy không chính xác. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của máy.</li><li>• Có thể có mảnh vụn bên trong máy. Mở nắp trên và loại bỏ bất kỳ mảnh vụn nào.</li></ul>
Phong bì lệch hoặc không nạp vào một cách chính xác.	Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy áp vào cả hai mặt của phong bì.



---

# Vấn đề kết nối nguồn và cáp

## Nguồn và cáp


Tình trạng	Giải pháp đề xuất
Máy không nhận được nguồn điện, hoặc cáp kết nối giữa máy tính và máy không được kết nối đúng cách.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Trước tiên, kết nối máy với nguồn điện và nhấn nút  (Nguồn) trên bảng điều khiển.</li><li>• Ngắt kết nối cáp của máy và kết nối lại.</li></ul>

# Giải quyết vấn đề khác

## Vấn đề in



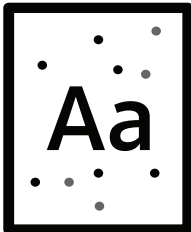
Tình trạng	Nguyên nhân có thể	Giải pháp đề xuất
Máy không in.	Máy không nhận được nguồn điện.	Kiểm tra các kết nối dây nguồn. Kiểm tra công tắc nguồn và nguồn điện.
	Máy không được chọn làm máy mặc định.	Chọn máy của bạn làm máy mặc định trong Windows.
	Kiểm tra máy như sau: <ul style="list-style-type: none"><li>Nắp trên chưa được đóng. Đóng nắp trên.</li><li>Giấy bị kẹt. Giải quyết kẹt giấy (xem "Loại bỏ kẹt giấy" trên trang 75).</li><li>Không nạp giấy vào. Nạp giấy (xem "Nạp giấy vào khay" trên trang 27).</li><li>Hộp mực không được lắp đặt. Lắp đặt hộp mực (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li><li>Đảm bảo nắp bảo vệ và tờ giấy được tháo ra khỏi hộp mực (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li></ul> Nếu xảy ra lỗi hệ thống, liên hệ với đại diện dịch vụ của bạn.	
	Cáp kết nối giữa máy tính và máy không được kết nối đúng cách.	Ngắt kết nối cáp máy và kết nối lại (xem "Mặt sau" trên trang 19).
	Cáp kết nối giữa máy tính và máy bị lỗi.	Nếu có thể, hãy gắn cáp vào máy tính khác đang hoạt động đúng cách và thực hiện in tác vụ. Bạn cũng có thể thử sử dụng cáp máy khác.
	Cài đặt cổng không chính xác.	Kiểm tra cài đặt máy in Windows để đảm bảo rằng tác vụ in được gửi đến đúng cổng. Nếu máy tính có nhiều hơn một cổng, hãy đảm bảo rằng máy được gắn đúng cổng.
	Máy có thể được cấu hình không chính xác.	Kiểm tra <b>Tùy chọn In</b> để đảm bảo rằng tất cả các cài đặt in là chính xác.

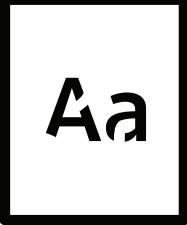
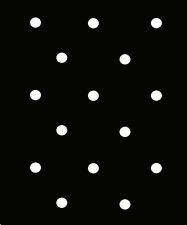
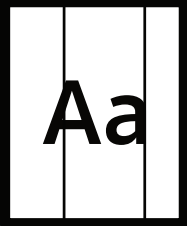
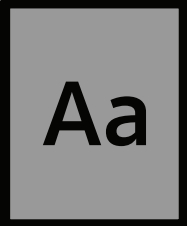
Tình trạng	Nguyên nhân có thể	Giải pháp đề xuất
<b>Máy không in.</b>	Trình điều khiển máy in có thể được cài đặt không chính xác.	Gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển máy.
	Máy đang trực trực.	Kiểm tra thông báo hiển thị trên bảng điều khiển để xem máy có báo lỗi hệ thống không. Liên hệ với đại diện dịch vụ.
	Kích thước tài liệu lớn đến mức dung lượng đĩa cứng của máy tính không đủ để truy cập tác vụ in.	Nhận thêm dung lượng đĩa cứng và in lại tài liệu.
	Khay đầu ra đầy.	Khi giấy được lấy ra khỏi khay đầu ra, máy sẽ tiếp tục in.
<b>Máy chọn vật liệu in từ nguồn giấy sai.</b>	Tùy chọn giấy đã chọn trong <b>Tùy chọn In</b> có thể không chính xác.	Đối với nhiều ứng dụng phần mềm, lựa chọn nguồn giấy được tìm thấy dưới tab <b>Paper</b> trong <b>Tùy chọn In</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49). Chọn nguồn giấy chính xác. Xem màn hình trợ giúp trình điều khiển máy in (xem "Sử dụng trợ giúp" trên trang 51).
<b>Tác vụ in cực kỳ chậm.</b>	Tác vụ có thể rất phức tạp.	Giảm độ phức tạp của trang hoặc thử điều chỉnh cài đặt chất lượng in.
<b>Một nửa trang trống.</b>	Cài đặt hướng trang có thể không chính xác.	Thay đổi hướng trang trong ứng dụng của bạn (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49). Xem màn hình trợ giúp trình điều khiển máy in (xem "Sử dụng trợ giúp" trên trang 51).
	Cỡ giấy và các cài đặt cỡ giấy không khớp.	Đảm bảo rằng cỡ giấy trong cài đặt trình điều khiển máy in khớp với giấy trong khay. Hoặc, đảm bảo rằng cỡ giấy trong cài đặt trình điều khiển máy in khớp với lựa chọn giấy trong cài đặt ứng dụng phần mềm bạn sử dụng (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).
<b>Máy in, nhưng văn bản bị sai, cắt xén hoặc không đầy đủ.</b>	Cáp máy bị lỏng hoặc bị lỗi.	Ngắt kết nối cáp máy và kết nối lại. Hãy thử tác vụ in mà bạn đã in thành công. Nếu có thể, hãy gắn cáp và máy vào máy tính khác mà bạn biết là hoạt động và thử tác vụ in. Cuối cùng, hãy thử cáp máy mới.
	Đã chọn sai trình điều khiển máy in.	Kiểm tra menu chọn máy in của ứng dụng để đảm bảo rằng máy của bạn được chọn.
	Ứng dụng phần mềm đang trực trực.	Hãy thử in tác vụ từ một ứng dụng khác.
	Hệ điều hành đang trực trực.	Thoát Windows và khởi động lại máy tính. Tắt máy và bật lại.

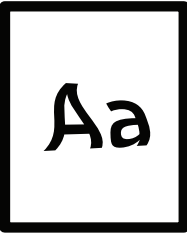
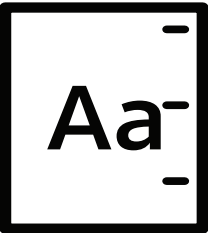
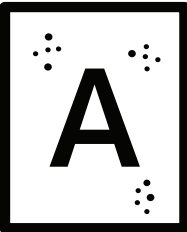
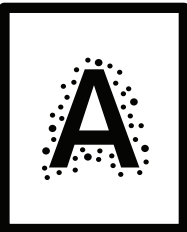
Tình trạng	Nguyên nhân có thể	Giải pháp đề xuất
Trang in, nhưng bị trống.	Hộp mực bị lỗi hoặc hết mực.	<p>Phân phối lại mực, nếu cần. Nếu cần, thay hộp mực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem "Phân phối lại mực" trên trang 68.</li> <li>• Xem "Thay hộp mực" trên trang 69.</li> </ul>
	Tệp có thể có các trang trống.	Kiểm tra tệp để đảm bảo rằng nó không chứa các trang trống.
	Một số bộ phận, chẳng hạn như bộ điều khiển hoặc bảng, có thể bị lỗi.	Liên hệ với đại diện dịch vụ.
Máy không in tệp PDF chính xác. Một số phần của đồ họa, văn bản hoặc hình minh họa bị thiếu.	Không tương thích giữa tệp PDF và các sản phẩm Acrobat.	<p>In tệp PDF dưới dạng hình ảnh có thể cho phép in tệp. Bật <b>In Dưới dạng Hình ảnh</b> từ tùy chọn in Acrobat.</p> <p> Sẽ mất nhiều thời gian để in hơn khi bạn in tệp PDF dưới dạng hình ảnh.</p>
Chất lượng in ảnh không tốt. Hình ảnh không rõ ràng.	Độ phân giải của ảnh rất thấp.	Giảm kích thước ảnh. Nếu bạn tăng kích thước ảnh trong ứng dụng phần mềm, độ phân giải sẽ bị giảm.
Trước khi in, máy bốc ra hơi gần khay đầu ra.	Sử dụng giấy ẩm/ướt có thể gây ra hơi [khói trắng] trong quá trình in.	Đây không phải là sự cố, cứ tiếp tục in. Nếu bạn bị khói [hơi] làm phiền, thì hãy thay thế giấy bằng giấy mới từ ram giấy chưa mở.
Máy không in giấy có cỡ đặc biệt, chẳng hạn như giấy hóa đơn.	Cỡ giấy và cài đặt cỡ giấy không khớp.	Thiết lập cỡ giấy chính xác trong <b>Custom</b> trong tab <b>Paper</b> trong <b>Tùy chọn In</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).
Giấy hóa đơn được in bị cong.	Cài đặt loại giấy không khớp.	Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi tới <b>Tùy chọn In</b> , nhấp vào tab <b>Paper</b> , và thiết lập loại thành <b>Heavy 90-120 g</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).

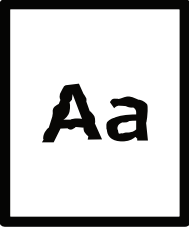
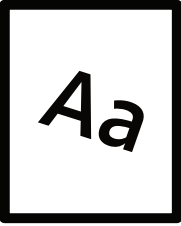
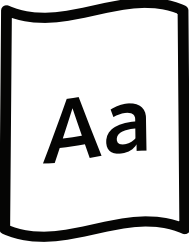
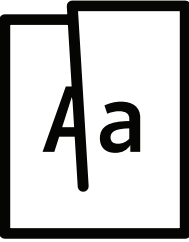
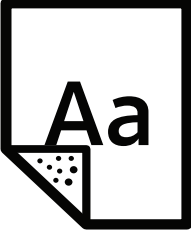
## Vấn đề chất lượng in

Nếu bên trong máy bị bẩn hoặc giấy được nạp vào không đúng cách, điều này có thể làm giảm chất lượng in. Xem bảng dưới đây để giải quyết vấn đề.

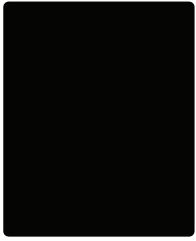
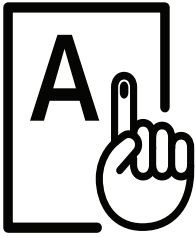
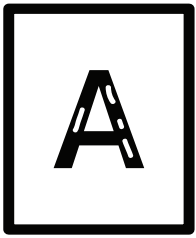
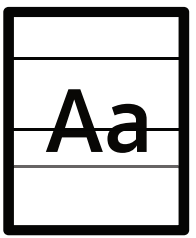
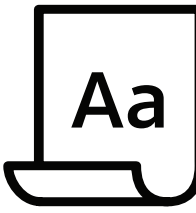
Tình trạng	Giải pháp Đề xuất
<p>Bản in nhạt hoặc mờ dần</p> 	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nếu vết trắng dọc hoặc vùng mờ dần xuất hiện trên trang thì lượng mực còn thấp. Lắp đặt hộp mực mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li><li>• Giấy có thể không đáp ứng các thông số kỹ thuật về giấy; ví dụ, giấy có thể quá ẩm hoặc rách.</li><li>• Nếu toàn bộ trang bị nhạt, cài đặt độ phân giải in quá thấp hoặc chế độ tiết kiệm mực đang bật. Điều chỉnh độ phân giải in và tắt chế độ tiết kiệm mực. Xem màn hình trợ giúp của trình điều khiển máy in.</li><li>• Sự kết hợp của các lỗi mờ dần hoặc nhiều vết có thể chỉ ra rằng hộp mực cần được làm sạch. Làm sạch bên trong máy của bạn (xem "Làm sạch máy" trên trang 70).</li><li>• Bề mặt của phần LSU bên trong máy có thể bị bẩn. Làm sạch bên trong máy của bạn (xem "Làm sạch máy" trên trang 70). Nếu các bước này không khắc phục được vấn đề, hãy liên hệ với đại diện dịch vụ.</li></ul>
<p>Nửa trên của giấy được in nhạt hơn phần còn lại của giấy</p> 	<p>Mực có thể không đúng với loại giấy này.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi tới <b>Tùy chọn In</b>, nhấp vào tab <b>Paper</b>, và thiết lập loại giấy thành <b>Recycled</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).</li></ul>
<p>Đốm mực</p> 	<ul style="list-style-type: none"><li>• Giấy có thể không đáp ứng các thông số kỹ thuật; ví dụ, giấy có thể quá ẩm hoặc rách.</li><li>• Con lăn chuyển có thể bị bẩn. Làm sạch bên trong máy của bạn (xem "Làm sạch máy" trên trang 70).</li><li>• Đường dẫn giấy có thể cần làm sạch. Liên hệ với đại diện dịch vụ (xem "Làm sạch máy" trên trang 70).</li></ul>

Tình trạng	Giải pháp Đề xuất
<p>Thông tin bị mất</p> 	<p>Nếu các vùng bị mờ dần, thường là vùng hình tròn, xảy ra ngẫu nhiên trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Một tờ giấy có thể bị lỗi. Hãy thử in lại tác vụ.</li> <li>• Độ ẩm của giấy không đều hoặc giấy có những điểm ẩm trên bề mặt. Hãy thử một thương hiệu giấy khác.</li> <li>• Toàn bộ lô giấy xấu. Các quy trình sản xuất có thể khiến một số vùng từ chối mực. Hãy thử một loại hoặc thương hiệu giấy khác.</li> <li>• Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi tới <b>Tùy chọn In</b>, nhấp vào tab <b>Paper</b>, và thiết lập loại thành <b>Heavy 90-120 g</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).</li> </ul> <p>Nếu các bước này không khắc phục được vấn đề, hãy liên hệ với đại diện dịch vụ.</p>
<p>Đốm Trắng</p> 	<p>Nếu các đốm trắng xuất hiện trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy quá ráp và nhiều bụi bắn từ giấy rơi vào các bộ phận bên trong máy, do đó con lăn chuyển có thể bị bắn. Làm sạch bên trong máy của bạn (xem "Làm sạch máy" trên trang 70).</li> <li>• Đường dẫn giấy có thể cần làm sạch. Làm sạch bên trong máy của bạn (xem "Làm sạch máy" trên trang 70).</li> </ul> <p>Nếu các bước này không khắc phục được vấn đề, hãy liên hệ với đại diện dịch vụ.</p>
<p>Đường dọc</p> 	<p>Nếu các vệt dọc màu đen xuất hiện trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bề mặt (phần trống) của hộp mực bên trong máy có thể đã bị trầy xước. Gỡ bỏ hộp mực và lắp cái mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> </ul> <p>Nếu các vệt dọc màu trắng xuất hiện trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bề mặt của phần LSU bên trong máy có thể bị bắn. Làm sạch bên trong máy của bạn (xem "Làm sạch máy" trên trang 70). Nếu các bước này không khắc phục được vấn đề, hãy liên hệ với đại diện dịch vụ.</li> </ul>
<p>Nền đen</p> 	<p>Nếu độ bóng của nền không chấp nhận được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi sang loại giấy trọng lượng nhẹ hơn.</li> <li>• Kiểm tra các điều kiện môi trường: điều kiện rất khô hoặc độ ẩm cao (độ ẩm tương đối cao hơn 80%) có thể làm tăng độ bóng của nền.</li> <li>• Gỡ bỏ hộp mực cũ và lắp cái mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> <li>• Phân phối lại hoàn toàn mực (xem "Phân phối lại mực" trên trang 68).</li> </ul>

Tình trạng	Giải pháp Đề xuất
<p>Vết mực</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Làm sạch bên trong máy (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng.</li> <li>• Gỡ bỏ hộp mực và lắp cái mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> </ul>
<p>Lỗi vạch dọc lặp lại</p> 	<p>Nếu các vết xuất hiện liên tục trên mặt in của trang ở các khoảng chẵn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hộp mực có thể bị hư hỏng. Nếu bạn vẫn gặp vấn đề tương tự, gỡ bỏ hộp mực và lắp cái mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> <li>• Có thể có mực trên các bộ phận của máy. Nếu các lỗi xảy ra ở mặt sau của trang, vấn đề có thể sẽ tự khắc phục sau một vài trang nữa.</li> <li>• Bộ sấy có thể bị hỏng. Liên hệ với đại diện dịch vụ.</li> </ul>
<p>Phân tán nền</p> 	<p>Phân tán nền là do các mảnh mực phân tán ngẫu nhiên trên trang in.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy có thể quá ẩm. Hãy thử in với một lô giấy khác. Không mở các gói giấy cho đến khi cần để giấy không hấp thụ quá nhiều độ ẩm.</li> <li>• Nếu phân tán nền xảy ra trên phong bì, thay đổi bố cục in để tránh in trên các vùng có các đường nối chồng chéo ở mặt sau. In trên các đường nối có thể gây ra vấn đề. Hoặc chọn cỡ phong bì từ cửa sổ <b>Tùy chọn In</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).</li> <li>• Nếu phân tán nền bao phủ toàn bộ diện tích bề mặt trang in, hãy điều chỉnh độ phân giải in thông qua ứng dụng phần mềm hoặc trong <b>Tùy chọn In</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49). Đảm bảo chọn đúng loại giấy. Ví dụ: Nếu <b>Heavy 90-120 g</b> được chọn, nhưng thực tế lại sử dụng <b>Plain</b>, việc nạp điện quá mức có thể xảy ra, gây ra vấn đề về chất lượng bản sao.</li> <li>• Nếu bạn đang sử dụng hộp mực mới, trước tiên hãy phân phối lại mực (xem "Phân phối lại mực" trên trang 68).</li> </ul>
<p>Các hạt mực nằm xung quanh các ký tự hoặc hình ảnh đậm</p> 	<p>Mực có thể không đúng với loại giấy này.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi tới <b>Tùy chọn In</b>, nhấp vào tab <b>Paper</b>, và thiết lập loại giấy thành <b>Recycled</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).</li> <li>• Đảm bảo chọn đúng loại giấy. Ví dụ: Nếu <b>Heavy 90-120 g</b> được chọn, nhưng thực tế lại sử dụng <b>Plain</b>, việc nạp điện quá mức có thể xảy ra, gây ra vấn đề về chất lượng bản sao.</li> </ul>

Tình trạng	Giải pháp Đề xuất
<p>Ký tự được tạo sai</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nếu các ký tự được tạo không chính xác và tạo ra hình ảnh rỗng, thì giấy có thể quá trơn. Hãy thử giấy khác.</li> </ul>
<p>Trang lệch</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo rằng giấy được nạp đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng.</li> <li>• Đảm bảo rằng các thanh dẫn không quá chặt hoặc quá lỏng so với chõng giấy.</li> </ul>
<p>Cong hoặc gợn sóng</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo rằng giấy được nạp đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng. Cả nhiệt độ và độ ẩm cao đều có thể gây cong giấy.</li> <li>• Lật chõng giấy trong khay. Đồng thời thử xoay giấy 180° trong khay.</li> </ul>
<p>Nhấn hoặc nhàu</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo rằng giấy được nạp đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng.</li> <li>• Lật chõng giấy trong khay. Đồng thời thử xoay giấy 180° trong khay.</li> </ul>
<p>Mặt sau của bản in bị bẩn</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra mực bị rò rỉ. Làm sạch bên trong máy (xem "Làm sạch máy" trên trang 70).</li> </ul>



Tình trạng	Giải pháp Đề xuất
<p>Trang màu đồng nhất hoặc màu đen</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hộp mực có thể không được lắp đặt đúng. Gỡ bỏ hộp mực và lắp lại.</li> <li>Hộp mực có thể bị lỗi. Gỡ bỏ hộp mực và lắp cái mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> <li>Máy có thể yêu cầu sửa chữa. Liên hệ với đại diện dịch vụ.</li> </ul>
<p>Mực lỏng</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>Làm sạch bên trong máy (xem "Làm sạch máy" trên trang 70).</li> <li>Kiểm tra loại giấy và chất lượng.</li> <li>Gỡ bỏ hộp mực và sau đó lắp cái mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> </ul> <p>Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, máy có thể yêu cầu sửa chữa. Liên hệ với đại diện dịch vụ.</p>
<p>Khoảng trống ký tự</p> 	<p>Khoảng trống ký tự là các vùng màu trắng trong các phần của ký tự mà đáng ra phải là màu đen đồng nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bạn có thể đang in trên bề mặt giấy sai. Lấy giấy ra và xoay lại.</li> <li>Giấy có thể không đáp ứng thông số kỹ thuật cho giấy.</li> </ul>
<p>Sọc ngang</p> 	<p>Nếu các sọc đen hoặc vết đen thẳng hàng theo chiều ngang xuất hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hộp mực có thể được cài đặt không đúng cách. Gỡ bỏ hộp mực và lắp lại.</li> <li>Hộp mực có thể bị lỗi. Gỡ bỏ hộp mực và lắp cái mới (xem "Thay hộp mực" trên trang 69).</li> </ul> <p>Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, máy có thể yêu cầu sửa chữa. Liên hệ với đại diện dịch vụ.</p>
<p>Cong</p> 	<p>Nếu giấy in bị cong hoặc giấy không được nạp vào máy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lật chồng giấy trong khay. Đồng thời thử xoay giấy 180° trong khay.</li> <li>Thay đổi tùy chọn giấy của máy in và thử lại. Đi tới <b>Tùy chọn In</b>, nhấp vào tab <b>Paper</b>, và thiết lập loại thành <b>Light 60-69 g</b> (xem "Mở tùy chọn in" trên trang 49).</li> </ul>

Tình trạng	Giải pháp Đề xuất
<ul style="list-style-type: none"> <li>Một hình ảnh không xác định xuất hiện lặp đi lặp lại trên một vài tờ</li> <li>Mực lỏng</li> <li>In nhạt hoặc nhiễm bẩn xảy ra</li> </ul>	Máy của bạn có thể đang được sử dụng ở độ cao 1.000 m (3.281 ft) trở lên. Độ cao lớn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in, chẳng hạn như mực lỏng hoặc hình ảnh nhạt. Thay đổi cài đặt độ cao cho máy của bạn (Xem "Sự điều chỉnh độ cao" trên trang 24).

## Vấn đề hệ điều hành

### Các vấn đề phổ biến về Windows

Tình trạng	Giải pháp đề xuất
Thông báo "Tập đang Sử dụng" xuất hiện trong suốt quá trình cài đặt.	Thoát tất cả các ứng dụng phần mềm. Xóa tất cả phần mềm khởi nhóm khởi động, sau đó khởi động lại Windows. Cài đặt lại trình điều khiển máy in.
Thông báo "Lỗi Bảo vệ Chung", "Ngoại lệ OE", "Spool 32", hoặc "Vận hành Bất hợp lệ" xuất hiện.	Đóng tất cả các ứng dụng khác, khởi động lại Windows và thử in lại.
Thông báo "Không thể In được", "Xảy ra lỗi hết thời gian chờ máy in" xuất hiện.	Những thông báo này có thể xuất hiện trong quá trình in. Cứ đợi cho đến khi máy in xong. Nếu thông báo xuất hiện ở chế độ sẵn sàng hoặc sau khi in xong, hãy kiểm tra kết nối và/hoặc xem có xảy ra lỗi không.
Thông tin máy không được hiển thị khi bạn nhấp vào thiết bị trong <b>Thiết bị và Máy in</b> .	Kiểm tra <b>Thuộc tính máy in</b> . Nhấp vào tab <b>Cổng</b> . ( <b>Bảng Điều khiển &gt; Thiết bị và Máy in &gt; Nhấp phải vào biểu tượng máy in của bạn và chọn Printer properties</b> ) Nếu cổng được thiết lập thành Tập hoặc LPT, hãy bỏ chọn chúng và chọn TCP/IP, USB hoặc WSD.



Tham khảo Hướng dẫn Sử dụng Microsoft Windows đi kèm với máy tính của bạn để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi của Windows.

---

# Giải quyết các sự cố mạng không dây

Sử dụng thông tin khắc phục sự cố để giúp giải quyết sự cố.

---



Để xác định xem tính năng in Wi-Fi Direct có được bật trên máy in của bạn hay không, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển máy in.

---

## Danh sách kiểm tra kết nối không dây

- Xác minh rằng máy in và bộ định tuyến không dây đã được bật và có nguồn. Đồng thời đảm bảo rằng radio không dây trong máy in được bật.
- Xác minh rằng số nhận dạng bộ dịch vụ (SSID) là chính xác. In trang cấu hình để xác định SSID (xem "In báo cáo cấu hình mạng" trên trang 33).
- Với các mạng được bảo mật, xác minh rằng thông tin bảo mật là chính xác. Nếu thông tin bảo mật không chính xác, hãy chạy lại thiết lập không dây.
- Nếu mạng không dây hoạt động chính xác, hãy thử truy cập các máy tính khác trên mạng không dây. Nếu mạng có quyền truy cập Internet, hãy thử kết nối Internet qua kết nối không dây.
- Xác minh rằng phương thức mã hóa (AES hoặc TKIP) cho máy in giống với điểm truy cập không dây (trên các mạng sử dụng bảo mật WPA).
- Xác minh rằng máy in nằm trong phạm vi của mạng không dây. Đối với hầu hết các mạng, máy in phải nằm trong phạm vi 30m (100 ft) từ điểm truy cập không dây (bộ định tuyến không dây).
- Xác nhận rằng các chướng ngại vật không chặn tín hiệu không dây. Loại bỏ bất kỳ vật thể kim loại lớn nào giữa điểm truy cập và máy in. Đảm bảo cột, tường hoặc cột đỡ có chứa kim loại hoặc bê tông không phân cách máy in và điểm truy cập không dây.
- Xác minh rằng máy in được đặt cách xa các thiết bị điện tử có thể gây nhiễu tín hiệu không dây. Nhiều thiết bị có thể gây nhiễu tín hiệu không dây bao gồm mô-tơ, điện thoại không dây, camera hệ thống an ninh, mạng không dây khác và một số thiết bị Bluetooth. Xác minh rằng trình điều khiển in được cài đặt trên máy tính.
- Xác minh rằng bạn đã chọn đúng cổng máy in.
- Xác minh rằng máy tính và máy in kết nối với cùng một mạng không dây.
- Đối với OS X, hãy xác minh rằng bộ định tuyến không dây hỗ trợ Bonjour.

## Máy in không in sau khi cấu hình không dây hoàn tất

1. Đảm bảo rằng máy in được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
2. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
3. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
4. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, khởi động lại máy tính.
5. Xác minh rằng bạn có thể mở HP Embedded Web Server máy in từ máy tính trên mạng.

## Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba

1. Cập nhật tường lửa với bản cập nhật mới nhất có sẵn từ nhà sản xuất.

2. Nếu các chương trình yêu cầu truy cập tường lửa khi bạn cài đặt máy in hoặc cố gắng in, hãy đảm bảo bạn cho phép các chương trình này chạy.
3. Tạm thời tắt tường lửa, sau đó cài đặt máy in không dây trên máy tính. Bật tường lửa khi bạn đã hoàn thành cài đặt không dây.

## Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến hoặc máy in không dây

1. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng với máy tính của bạn.
2. In trang cấu hình.
3. So sánh số nhận dạng bộ dịch vụ (SSID) trên trang cấu hình với SSID trong cấu hình máy in cho máy tính.
4. Nếu mã định danh bộ dịch vụ (SSID) không giống nhau, có nghĩa là các thiết bị đang không kết nối với cùng một mạng. Cấu hình lại thiết lập không dây cho máy in.

## Không thể kết nối nhiều máy tính hơn với máy in không dây

1. Đảm bảo rằng các máy tính khác nằm trong phạm vi không dây và không có chướng ngại vật nào chặn tín hiệu. Đối với hầu hết các mạng, phạm vi không dây nằm trong 30 m (100 ft) từ điểm truy cập không dây.
2. Đảm bảo rằng máy in được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
3. Đảm bảo không có nhiều hơn 5 người cùng dùng Wi-Fi Direct.
4. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
5. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
6. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, khởi động lại máy tính.

## Máy in không dây mất liên lạc khi kết nối với VPN

- Thông thường, bạn không thể kết nối với VPN và các mạng khác cùng một lúc.

## Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây

- Đảm bảo bộ định tuyến không dây được bật và có nguồn.
- Mạng có thể bị ẩn. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể kết nối với mạng ẩn.

## Mạng không dây không hoạt động

1. Để xác minh xem mạng có bị mất giao tiếp hay không, hãy thử kết nối các thiết bị khác với mạng.
2. Kiểm tra giao tiếp mạng bằng cách ping mạng.
  - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.
    - Đối với Windows, nhấp vào **Bắt đầu**, nhấp vào **Chạy**, gõ cmd, sau đó nhấn **Enter**.
    - Đối với OS X, đi tới **Ứng dụng**, sau đó **Tiện ích**, và mở **Thiết bị đầu cuối**.
  - b. Nhập ping theo sau là địa chỉ IP của bộ định tuyến.
  - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, mạng đang hoạt động.
3. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối cùng một mạng với máy tính của bạn.
  - a. In trang cấu hình (xem "In báo cáo cấu hình mạng" trên trang 33).

- b. So sánh số nhận dạng bộ dịch vụ (SSID) trên báo cáo cấu hình với SSID trong cấu hình máy in cho máy tính.
- c. Nếu các số không giống nhau, các thiết bị đang không kết nối với cùng một mạng. Cấu hình lại thiết lập không dây cho máy in.

## Thực hiện kiểm tra chẩn đoán mạng không dây

Từ bảng điều khiển máy in, bạn có thể chạy thử nghiệm chẩn đoán cung cấp thông tin về cài đặt mạng không dây (xem "In báo cáo cấu hình mạng" trên trang 33).

---

# Phụ lục

Chương này cung cấp thông số kỹ thuật sản phẩm và thông tin liên quan đến các quy định được áp dụng.

- Thông số kỹ thuật chung 95
- Thông số kỹ thuật phương tiện in 96
- Yêu cầu hệ thống 98

# Thông số kỹ thuật chung



Các giá trị thông số kỹ thuật được liệt kê dưới đây có thể thay đổi mà không cần thông báo. Xem [www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100) để biết các thay đổi thông tin có thể có.

Mục		Mô tả
Kích thước <sup>a</sup> (C.Rộng x C.Dài x C.Cao)		331 x 215 x 178 mm
Trọng lượng <sup>a</sup> (Máy có vật tư tiêu hao)		<ul style="list-style-type: none"><li>• HP Laser 103a, 107a, 107w, 107r: 4,16 kg (9,17 lbs)</li><li>• HP Laser 108a, 108w: 4,18 kg (9,22 lbs)</li></ul>
Nhiệt độ	Vận hành	10 đến 32 °C (50 đến 86,9 °F)
	Bảo quản (đóng gói)	-20 đến 40 °C (-4 đến 104 °F)
Độ ẩm	Vận hành	Độ ẩm Tương đối 20 đến 80%
	Bảo quản (đóng gói)	Độ ẩm Tương đối 10 đến 90%
Định mức công suất <sup>b</sup>	Mẫu 110 volt	AC 110 - 127 V
	Mẫu 220 volt	AC 220 - 240 V

a.Kích thước và trọng lượng được đo mà không cần máy cầm tay và các phụ kiện khác.

b.Xem nhãn định mức trên máy để biết điện áp (V), tần số (hertz) và loại dòng điện (A) chính xác cho máy của bạn.

# Thông số kỹ thuật phương tiện in

Loại	Kích cỡ	Các kích thước	Trọng lượng/Dung lượng phương tiện in <sup>a</sup>
			Khay
Trơn	Letter	216 x 279 mm	70 đến 89 g/m <sup>2</sup> (tệp 19 đến 24 lbs) • 150 tờ 80 g/m <sup>2</sup> (tệp 21 lbs)
	Legal	216 x 356 mm	
	Oficio 216x340 mm	216 x 343 mm	
	Oficio 8,5x13	216 x 330 mm	
	A4	210 x 297 mm	
	B5(JIS)	182 x 257 mm	
	Executive	184 x 267 mm	
	A5	148 x 210 mm	
Phong bì	A5 LEF	210 x 148 mm	
	Phong bì Monarch	98 x 191 mm	75 đến 90 g/m <sup>2</sup> (tệp 20 đến 24 lbs) • 10 tờ
	Phong bì #10	105 x 241 mm	
	Phong bì DL	110 x 220 mm	
Phong bì C5	162 x 229 mm		
Nặng 90-120 g	Tham khảo phần Giấy trơn	Tham khảo phần Giấy trơn	90 đến 120 g/m <sup>2</sup> (tệp 24 đến 32 lbs) • 50 tờ 120 g/m <sup>2</sup> (tệp 32 lbs)
Nhẹ 60-69 g	Tham khảo phần Giấy trơn	Tham khảo phần Giấy trơn	60 đến 69 g/m <sup>2</sup> (tệp 16 đến 18 lbs) • 160 tờ 60 g/m <sup>2</sup> (tệp 16 lbs)
Màu	Tham khảo phần Giấy trơn	Tham khảo phần Giấy trơn	75 đến 90 g/m <sup>2</sup> (tệp 20 đến 24 lbs) • 150 tờ 80 g/m <sup>2</sup> (tệp 21 lbs)
In sẵn	Tham khảo phần Giấy trơn	Tham khảo phần Giấy trơn	75 đến 90 g/m <sup>2</sup> (tệp 20 đến 24 lbs) • 150 tờ 80 g/m <sup>2</sup> (tệp 21 lbs)



Loại	Kích cỡ	Các kích thước	Trọng lượng/Dung lượng phương tiện <sup>a</sup>
			Khay
Tái chế	Tham khảo phần Giấy trộn	Tham khảo phần Giấy trộn	60 đến 90 g/m <sup>2</sup> (tệp 16 đến 24 lbs) • 150 từ 80 g/m <sup>2</sup> (tệp 21 lbs)
Nhấn <sup>b</sup>	Tham khảo phần Giấy trộn	Tham khảo phần Giấy trộn	120 đến 150 g/m <sup>2</sup> (tệp 32 đến 40 lbs) • 10 tờ
Rất nặng 121-163 g	Tham khảo phần Giấy trộn, 4x6	Tham khảo phần Giấy trộn	121 đến 163 g/m <sup>2</sup> (tệp 32 đến 43 lbs) • 10 tờ
Tệp	Tham khảo phần Giấy trộn	Tham khảo phần Giấy trộn	105 đến 120 g/m <sup>2</sup> (tệp 28 đến 32 lbs) • 10 tờ
Cỡ tối thiểu (tùy chỉnh)		76 x 127 mm	60 đến 163 g/m <sup>2</sup> (tệp 16 đến 43 lbs)
Cỡ tối đa (tùy chỉnh)		216 x 356 mm	

a. Dung lượng tối đa có thể khác nhau tùy thuộc vào trọng lượng, độ dày và điều kiện môi trường của phương tiện.

b. Độ phẳng của nhấn được sử dụng trong máy này là 100 đến 250 (đánh bóng). Điều này có nghĩa là độ phẳng số.

# Yêu cầu hệ thống



Phần mềm máy in thỉnh thoảng được cập nhật do phát hành hệ điều hành mới, v.v. Nếu cần, hãy tải xuống phiên bản mới nhất từ trang web HP([www.hp.com/support/laser100](http://www.hp.com/support/laser100)).

## Microsoft® Windows®

Windows 7, 32 bit và 64 bit	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows 8, 32 bit và 64 bit	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows 8.1, 32 bit và 64 bit	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP V4 được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows 10, 32 bit và 64 bit	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP V4 được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows Server 2008 R2, 64 bit	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP PCLm.S có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	Microsoft đã ngừng hỗ trợ chính cho Windows Server 2008 vào tháng 1 năm 2015. HP sẽ tiếp tục nỗ lực hỗ trợ tốt nhất cho hệ điều hành Server 2008 bị gián đoạn.
Windows Server 2008 R2, SP1, 64 bit	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows Server 2012	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	

Windows Server 2012 R2	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows Server 2016, 64 bit	Trình điều khiển máy in dành riêng cho máy in HP được cài đặt cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	

## Mac OS

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS và từ máy tính Mac chạy OS X 10.7 Lion trở lên. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên) hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở lên) trong các ứng dụng di động (Thư, Ảnh, Safari, iBooks, Chọn ứng dụng của bên thứ ba).



- Các mẫu máy chỉ có USB mà không có chức năng mạng Wi-Fi hoặc có dây không hỗ trợ Mac OS.
- Để sử dụng AirPrint, máy in phải được kết nối với cùng một mạng (mạng phụ) với thiết bị Apple.
- Trước khi sử dụng AirPrint có kết nối USB, xác minh số phiên bản. AirPrint phiên bản 1.3 trở về trước không hỗ trợ kết nối USB.

---

# Bảng chú giải thuật ngữ

---



Bảng chú giải thuật ngữ sau đây giúp bạn làm quen với sản phẩm bằng cách hiểu các thuật ngữ thường được sử dụng với in ấn cũng như được đề cập trong hướng dẫn sử dụng này.

---

## 802.11

802.11 là một bộ tiêu chuẩn cho kết nối mạng cục bộ không dây (WLAN), do Ủy ban Tiêu chuẩn IEEE LAN/MAN (IEEE 802) phát triển.

## 802.11b/g/n

802.11b/g/n có thể dùng cùng phần cứng và sử dụng băng tần 2,4 GHz. 802.11b hỗ trợ băng thông lên tới 11 Mbps, 802.11n hỗ trợ băng thông lên tới 150 Mbps. Các thiết bị 802.11b/g/n đôi khi có thể bị nhiễu từ lò vi sóng, điện thoại không dây và thiết bị Bluetooth.

## Điểm truy cập

Điểm Truy cập hoặc Điểm Truy cập Không dây (AP hoặc WAP) là thiết bị kết nối các thiết bị liên lạc không dây với nhau trên mạng cục bộ không dây (WLAN) và hoạt động như một máy thu phát tín hiệu vô tuyến WLAN trung tâm.

## ADF

Khay nạp Tài liệu Tự động (ADF) là một bộ phận quét mà sẽ tự động nạp một tờ giấy gốc để máy có thể quét một số lượng giấy cùng một lúc.

## AppleTalk

AppleTalk là bộ giao thức độc quyền được phát triển bởi Apple, Inc cho mạng máy tính. Nó được bao gồm trong Macintosh nguyên bản (1984) và hiện Apple không sử dụng nữa và chuyển sang mạng TCP/IP.

## Độ sâu BIT

Thuật ngữ đồ họa máy tính mô tả số lượng bit được sử dụng để thể hiện màu của một điểm ảnh đơn trong ảnh bitmap. Độ sâu màu cao hơn cho dải màu khác biệt rộng hơn. Khi số lượng bit tăng lên, số lượng màu có thể trở nên lớn một cách không hợp lý với bản đồ màu. Màu 1 bit thường được gọi là đơn sắc hoặc đen trắng.

## BMP

Định dạng đồ họa bitmap được sử dụng bên trong bởi hệ thống con đồ họa (GDI) Microsoft Windows và được sử dụng phổ biến như một định dạng tệp đồ họa đơn giản trên nền tảng đó.

## BOOTP

Giao thức Bootstrap. Giao thức mạng được sử dụng bởi máy khách mạng để tự động lấy địa chỉ IP của nó. Điều này thường được thực hiện trong quá trình bootstrap của máy tính hoặc hệ điều hành chạy trên chúng. Các máy

chủ BOOTP chỉ định địa chỉ IP từ một nhóm địa chỉ cho mỗi máy khách. BOOTP cho phép các máy tính 'máy trạm không đĩa' có được địa chỉ IP trước khi tải bất kỳ hệ điều hành nâng cao nào.

## CCD

---

Cảm biến Charge Coupled Device (CCD) là một phần cứng cho phép thực hiện tác vụ quét. Cơ chế Khóa CCD cũng được sử dụng để giữ mô-đun CCD để tránh mọi hư hỏng khi bạn di chuyển máy.

## Đối chiếu

---

Đối chiếu là quá trình in một tác vụ nhiều bản sao theo bộ. Khi đối chiếu được chọn, thiết bị sẽ in cả bộ trước khi in các bản sao bổ sung.

## Bảng Điều khiển

---

Bảng điều khiển là khu vực bằng phẳng, thường là dọc, nơi các công cụ điều khiển hoặc giám sát được hiển thị. Chúng thường được tìm thấy ở phía trước máy.

## Độ bao phủ

---

Đây là thuật ngữ in được sử dụng để đo lượng mực sử dụng khi in. Ví dụ, độ bao phủ 5% có nghĩa là một tờ giấy A4 có khoảng 5% hình ảnh hoặc văn bản trên đó. Vì vậy, nếu giấy hoặc bản gốc có hình ảnh phức tạp hoặc nhiều văn bản trên đó, độ bao phủ sẽ cao hơn và đồng thời, lượng mực sử dụng sẽ nhiều như độ bao phủ.

## CSV

---

Giá trị Phân tách bằng Dấu phẩy (CSV). Là một loại định dạng tệp, CSV được sử dụng để trao đổi dữ liệu giữa các ứng dụng khác nhau. Định dạng tệp, như được sử dụng trong Microsoft Excel, đã trở thành một tiêu chuẩn phổ biến trong toàn ngành, ngay cả trong các nền tảng không phải của Microsoft.

## DADF

---

Khay nạp Tài liệu Tự động Hai mặt (DADF) là bộ phận quét sẽ tự động nạp và lật một tờ giấy gốc để máy có thể quét trên cả hai mặt giấy.

## Mặc định

---

Giá trị hoặc cài đặt có hiệu lực khi đưa máy in ra khỏi trạng thái hộp, đặt lại hoặc khởi tạo.

## DHCP

---

Giao thức Cấu hình Máy chủ Động (DHCP) là giao thức mạng máy khách-máy chủ. Máy chủ DHCP cung cấp các tham số cấu hình cụ thể cho yêu cầu máy chủ khách DHCP, thông thường là thông tin mà máy chủ khách yêu cầu để tham gia mạng IP. DHCP cũng cung cấp cơ chế phân bổ địa chỉ IP cho các máy chủ khách.

## DIMM

---

Mô-đun Bộ nhớ Nội tuyến Kép (DIMM), một bảng mạch nhỏ chứa bộ nhớ. DIMM lưu trữ tất cả dữ liệu trong máy như dữ liệu in, dữ liệu fax đã nhận.

## DLNA

---

Liên minh Mạng Cuộc sống Số (DLNA) là tiêu chuẩn cho phép các thiết bị trên mạng gia đình chia sẻ thông tin với nhau trên mạng.

## DNS

---

Máy chủ Tên Miền (DNS) là hệ thống lưu trữ thông tin liên quan đến tên miền trong cơ sở dữ liệu được phân phối trên các mạng, chẳng hạn như Internet.

## Máy In Kim

---

Máy in kim nói đến loại máy in máy tính có đầu in chạy qua lại trên trang và in bằng tác động, đánh dải ruy băng thấm mực vào giấy, giống như máy đánh chữ.

## DPI

---

Số chấm Mỗi Inch (DPI) là phép đo độ phân giải được sử dụng cho quét và in. Nói chung, DPI cao hơn dẫn đến độ phân giải cao hơn, chi tiết trong ảnh rõ ràng hơn và kích thước tệp lớn hơn.

## DRPD

---

Phát hiện Mẫu Chuông Đặc biệt. Chuông Đặc biệt là dịch vụ của công ty điện thoại cho phép người dùng sử dụng đường dây điện thoại duy nhất để trả lời một vài số điện thoại khác nhau.

## Hai mặt

---

Cơ chế sẽ lật một tờ giấy để máy có thể in (hoặc quét) trên cả hai mặt giấy. Một máy in được trang bị Bộ phận In hai mặt có thể in trên cả hai mặt giấy trong một chu kỳ in.

## Chu kỳ Nhiệm vụ

---

Chu kỳ nhiệm vụ là số lượng trang không ảnh hưởng đến hiệu suất máy in trong một tháng. Nói chung, máy in có giới hạn tuổi thọ như số trang mỗi năm. Tuổi thọ có nghĩa là số lượng bản in trung bình, thường trong thời hạn bảo hành. Ví dụ: nếu chu kỳ nhiệm vụ là 48.000 trang mỗi tháng với 20 ngày làm việc, máy in sẽ giới hạn 2.400 trang mỗi ngày.

## ECM

---

Chế độ Sửa Lỗi (ECM) là chế độ truyền tùy chọn được tích hợp trong máy fax hoặc modem fax Loại 1. Nó tự động phát hiện và sửa các lỗi trong quá trình truyền fax đôi khi do nhiễu đường dây điện thoại gây ra.

## Bản sao chương trình

---

Bản sao chương trình là kỹ thuật của một máy thu được kết quả giống như máy khác.

Thiết bị mô hình hóa nhân đôi chức năng của một hệ thống với một hệ thống khác, để hệ thống thứ hai hoạt động giống như hệ thống thứ nhất. Bản sao chương trình tập trung vào việc tái tạo chính xác hành vi bên ngoài, trái ngược với mô phỏng, liên quan đến mô hình trừu tượng của hệ thống được mô phỏng, thường xem xét trạng thái bên trong của nó.

## Ethernet

---

Ethernet là công nghệ mạng máy tính dựa trên khung cho các mạng cục bộ (LAN). Nó xác định hệ thống dây điện và tín hiệu cho lớp vật lý, và các định dạng và giao thức khung để điều khiển truy cập phương tiện (MAC)/lớp liên kết dữ liệu của mô hình OSI. Ethernet hầu hết được chuẩn hóa là IEEE 802.3. Nó đã trở thành công nghệ LAN phổ biến nhất được sử dụng trong những năm 1990 cho đến nay.

## EtherTalk

---

Một bộ giao thức cho mạng máy tính được phát triển bởi Apple Computer. Nó được bao gồm trong Macintosh nguyên bản (1984) và hiện Apple không sử dụng nữa và chuyển sang mạng TCP/IP.

## FDI

---

Giao diện Thiết bị Nước ngoài (FDI) là thẻ được cài đặt bên trong máy để cho phép thiết bị của bên thứ ba như thiết bị hoạt động bằng tiền xu hoặc đầu đọc thẻ. Những thiết bị này cho phép thực hiện dịch vụ trả tiền in trên máy của bạn.

## FTP

---

Giao thức Truyền Tập (FTP) là giao thức được sử dụng phổ biến để trao đổi các tệp qua bất kỳ mạng nào hỗ trợ giao thức TCP/IP (như Internet hoặc mạng nội bộ).

## Bộ phận sấy

---

Một phần của máy in laser gắn mực vào phương tiện in. Nó bao gồm con lăn nhiệt và con lăn áp lực. Sau khi mực được chuyển lên giấy, bộ phận sấy đưa nhiệt và áp dụng vào để đảm bảo mực luôn ở trên giấy, đó là lý do tại sao giấy ấm khi ra khỏi máy in laser.

## Cổng

---

Kết nối giữa các mạng máy tính hoặc giữa mạng máy tính và đường dây điện thoại. Nó rất phổ biến, vì nó là máy tính hoặc mạng cho phép truy cập vào máy tính hoặc mạng khác.

## Thang độ xám

---

Độ xám đại diện cho các phần sáng và tối của hình ảnh khi ảnh màu được chuyển thành thang độ xám; màu được thể hiện bằng các độ xám khác nhau.

## Tông màu trung gian

---

Một loại hình ảnh mô phỏng thang độ xám bằng cách thay đổi số lượng chấm. Các khu vực màu đậm bao gồm một số lượng lớn các chấm, trong khi các khu vực màu nhạt hơn bao gồm ít số lượng các chấm hơn.

## HDD

---

Ổ đĩa cứng (HDD), thường được gọi là ổ cứng hoặc đĩa cứng, là thiết bị lưu trữ ổn định, lưu trữ dữ liệu được mã hóa kỹ thuật số trên các đĩa quay nhanh có bề mặt từ tính.

## IEEE

---

Viện Kỹ thuật Điện và Điện tử (IEEE) là một tổ chức quốc tế phi lợi nhuận, chuyên nghiệp vì sự tiến bộ của công nghệ liên quan đến điện.

## IEEE 1284

---

Tiêu chuẩn cổng song song 1284 được phát triển bởi Viện Kỹ thuật Điện và Điện tử (IEEE). Thuật ngữ "1284-B" dùng để chỉ một loại đầu nối cụ thể ở đầu cáp song song gắn với thiết bị ngoại vi (ví dụ: máy in).

## Mạng nội bộ

---

Mạng riêng sử dụng Giao thức Internet, kết nối mạng và có thể là hệ thống viễn thông công cộng để chia sẻ an toàn một phần thông tin hoặc hoạt động của tổ chức với nhân viên của mình. Đôi khi thuật ngữ chỉ đề cập đến dịch vụ dễ thấy nhất là trang web nội bộ.

## Địa chỉ IP

---

Địa chỉ Giao thức Internet (IP) là số duy nhất mà các thiết bị sử dụng để nhận dạng và giao tiếp với nhau trên mạng sử dụng tiêu chuẩn Giao thức Internet.

## IPM

---

Số Hình ảnh Mỗi Phút (IPM) là cách đo tốc độ của máy in. Tốc độ IPM cho biết số lượng tờ một mặt mà máy in có thể hoàn thành trong vòng một phút.

## IPP

---

Giao thức In Internet (IPP) xác định giao thức chuẩn để in cũng như quản lý các tác vụ in, cỡ phông tiện, độ phân giải, v.v. IPP có thể được sử dụng cục bộ hoặc qua Internet cho hàng trăm máy in và cũng hỗ trợ kiểm soát truy cập, xác thực và mã hóa, điều này làm cho nó trở thành một giải pháp in an toàn và có khả năng hơn nhiều so với các giải pháp cũ hơn.

## IPX/SPX

---

IPX/SPX là viết tắt của Internet Packet Exchange/Sequenced Packet Exchange (Trao đổi Gói Internet/Trao đổi Gói Tuần tự). Nó là giao thức mạng được sử dụng bởi các hệ điều hành Novell NetWare. Cả IPX và SPX đều cung cấp dịch vụ kết nối tương tự TCP/IP, với giao thức IPX có điểm tương đồng với IP và SPX có điểm tương đồng với TCP. IPX/SPX được thiết kế chủ yếu cho các mạng cục bộ (LAN) và là giao thức rất hiệu quả cho mục đích này (thông thường hiệu suất của nó vượt quá TCP/IP trên mạng LAN).

## ISO

---

Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) là cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện đến từ các cơ quan tiêu chuẩn quốc gia. Nó đưa ra các tiêu chuẩn công nghiệp và thương mại trên toàn thế giới.

## ITU-T

---

Liên minh Viễn thông Quốc tế là tổ chức quốc tế được thành lập để chuẩn hóa và điều tiết vô tuyến và viễn thông quốc tế. Nhiệm vụ chính của họ bao gồm chuẩn hóa, phân bổ phổ vô tuyến và tổ chức các thỏa thuận kết nối giữa các quốc gia khác nhau để cho phép các cuộc gọi điện thoại quốc tế. A -T ngoài ITU-T biểu thị cho viễn thông.

## Biểu đồ ITU-T số 1

---

Biểu đồ kiểm tra chuẩn hóa dùng cho việc truyền fax tài liệu được xuất bản bởi ITU-T.



## **JBIG**

---

Nhóm Liên hiệp các Chuyên gia về Hình ảnh Hai mức (JBIG) là tiêu chuẩn nén hình ảnh không làm giảm độ chính xác hoặc chất lượng, được thiết kế để nén hình ảnh nhị phân, đặc biệt đối với fax, nhưng cũng có thể được sử dụng trên các hình ảnh khác.

## **JPEG**

---

Nhóm Liên hiệp các Chuyên gia Đồ họa (JPEG) là phương pháp nén tiêu chuẩn có suy giảm chất lượng được sử dụng phổ biến nhất cho các hình ảnh chụp. Đây là định dạng được sử dụng để lưu trữ và truyền ảnh trên World Wide Web.

## **LDAP**

---

Giao thức Truy cập Thư mục Nhẹ (LDAP) là giao thức mạng để truy vấn và sửa đổi các dịch vụ thư mục chạy trên TCP/IP.

## **LED**

---

Điốt Phát quang (LED) là thiết bị bán dẫn cho biết tình trạng của máy.

## **Địa chỉ MAC**

---

Địa chỉ Điều khiển Truy nhập Môi trường (MAC) là mã định danh duy nhất được liên kết với bộ điều hợp mạng. Địa chỉ MAC là mã định danh 48 bit duy nhất thường được viết thành 12 ký tự thập lục phân được nhóm thành từng cặp (ví dụ: 00-00-0c-34-11-4e). Địa chỉ này thường được mã hóa cứng vào Card Giao tiếp Mạng (NIC) bởi nhà sản xuất và được sử dụng làm công cụ hỗ trợ cho các bộ định tuyến cố gắng định vị máy trên các mạng lớn.

## **MFP**

---

Thiết bị Ngoại vi Đa năng (MFP) là máy văn phòng bao gồm các chức năng sau trong một thân máy vật lý, để có máy in, máy photocopy, fax, máy quét, v.v.

## **MH**

---

Huffman Sửa đổi (MH) là phương pháp nén để giảm lượng dữ liệu cần truyền giữa các máy fax để truyền hình ảnh được đề xuất bởi ITU-T T.4. MH là lược đồ mã hóa độ dài lần chạy dựa trên số ký hiệu điện tín, được tối ưu hóa để nén hiệu quả khoảng trắng. Vì hầu hết các bản fax bao gồm chủ yếu là khoảng trắng, điều này giảm thiểu thời gian truyền của hầu hết các bản fax.

## **MMR**

---

Modified Modified READ (MMR) là phương pháp nén được ITU-T T.6 khuyến dùng.

## **Modem**

---

Một thiết bị điều biến tín hiệu sóng mang để mã hóa thông tin kỹ thuật số và cũng giải điều biến tín hiệu sóng mang đó để giải mã thông tin truyền đi.

## MR

---

Modified Read (MR) là phương pháp nén được ITU-T T.4 khuyến dùng. MR mã hóa dòng quét đầu tiên bằng MH. Dòng tiếp theo được so sánh với dòng đầu tiên, sự khác biệt được xác định và sau đó sự khác biệt được mã hóa và truyền đi.

## NetWare

---

Một hệ điều hành mạng được phát triển bởi Novell, Inc. Ban đầu, nó sử dụng tính năng đa nhiệm hợp tác để chạy các dịch vụ khác nhau trên PC và các giao thức mạng dựa trên chồng Xerox XNS nguyên mẫu. Ngày nay NetWare hỗ trợ TCP/IP cũng như IPX/SPX.

## OPC

---

Quang dẫn Hữu cơ (OPC) là cơ chế tạo ra hình ảnh ảo để in bằng cách sử dụng chùm tia laze phát ra từ máy in laze, và nó thường có màu xanh lá hoặc màu gỉ và hình trụ.

Bộ phận chụp ảnh có chứa trống từ từ làm mòn bề mặt trống thông qua việc sử dụng trong máy in và cần được thay thế thích hợp vì nó bị mòn do tiếp xúc với bàn chải phát triển hộp mực, cơ chế làm sạch và giấy.

## Bản gốc

---

Ví dụ đầu tiên về một cái gì đó, chẳng hạn như tài liệu, ảnh hoặc văn bản, v.v., được sao chép, tái tạo hoặc dịch để sản xuất những thứ khác, nhưng bản thân nó không được sao chép hoặc bắt nguồn từ một thứ khác.

## OSI

---

Kết nối Hệ thống Mở (OSI) là mô hình được phát triển bởi Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) dành cho việc liên lạc. OSI cung cấp một cách tiếp cận tiêu chuẩn, theo mô-đun cho thiết kế mạng, phân chia tập hợp các chức năng phức tạp cần thiết thành các lớp chức năng độc lập, có thể quản lý được. Các lớp từ trên xuống dưới là Ứng dụng, Trình diễn, Phiên, Giao vận, Mạng, Liên kết Dữ liệu và Vật lý.

## PABX

---

Tổng đài nội bộ tự động (PABX) là hệ thống chuyển mạch điện thoại tự động trong một doanh nghiệp tư nhân.

## PCL

---

Ngôn ngữ Lệnh Máy in (PCL) là Ngôn ngữ Mô tả Trang (PDL) được HP phát triển dưới dạng giao thức máy in và đã trở thành một tiêu chuẩn ngành. Ban đầu được phát triển cho máy in phun đời đầu, PCL đã được phát hành ở các cấp độ khác nhau cho máy in nhiệt, máy in kim và máy in laze.

## PDF

---

Định dạng Tài liệu Di động (PDF) là định dạng tệp độc quyền được phát triển bởi Adobe Systems để thể hiện các tài liệu hai chiều theo định dạng độc lập với thiết bị và độ phân giải.

## PostScript

---

PostScript (PS) là ngôn ngữ mô tả trang và ngôn ngữ lập trình được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực xuất bản điện tử và máy tính để bàn. - được chạy trong một trình thông dịch để tạo ra một hình ảnh.

## Trình điều khiển Máy in

---

Một chương trình được sử dụng để gửi lệnh và truyền dữ liệu từ máy tính đến máy in.

## Phương tiện In

---

Các phương tiện như giấy, phong bì, nhãn và giấy trong suốt có thể được sử dụng trong máy in, máy quét, fax hoặc máy photocopy.

## PPM

---

Số trang Mỗi Phút (PPM) là phương pháp đo lường để xác định tốc độ hoạt động của máy in, nghĩa là số trang mà máy in có thể tạo ra trong một phút.

## Tệp PRN

---

Một giao diện cho trình điều khiển thiết bị, điều này cho phép phần mềm tương tác với trình điều khiển thiết bị bằng cách sử dụng các cuộc gọi hệ thống đầu vào/đầu ra tiêu chuẩn, giúp đơn giản hóa nhiều tác vụ.

## Giao thức

---

Một quy ước hoặc tiêu chuẩn kiểm soát hoặc cho phép kết nối, giao tiếp và truyền dữ liệu giữa hai điểm cuối điện toán.

## PS

---

Xem PostScript.

## PSTN

---

Mạng Điện thoại Chuyển mạch Công cộng (PSTN) là mạng của các mạng điện thoại chuyển mạch công cộng trên thế giới, mà tại các cơ sở công nghiệp, thường được định tuyến qua tổng đài.

## RADIUS

---

Dịch vụ Người dùng Quay số Xác thực Từ xa (RADIUS) là một giao thức để xác thực và hạch toán người dùng từ xa. RADIUS cho phép quản lý tập trung dữ liệu xác thực như tên người dùng và mật khẩu bằng cách sử dụng khái niệm AAA (xác thực, ủy quyền và hạch toán) để quản lý truy cập mạng.

## Độ phân giải

---

Độ sắc nét của hình ảnh, được đo bằng Số chấm Mỗi Inch (DPI). Dpi càng cao, độ phân giải càng lớn.

## SMB

---

Khối Thông điệp Máy chủ (SMB) là giao thức mạng chủ yếu được áp dụng để chia sẻ tệp, máy in, cổng nối tiếp và giao tiếp khác giữa các nút trên mạng. Nó cũng cung cấp cơ chế giao tiếp giữa các quá trình xác thực.

## SMTP

---

Giao thức Truyền tải Thư tín Đơn giản (SMTP) là tiêu chuẩn để truyền email qua Internet. SMTP là giao thức dựa trên văn bản tương đối đơn giản, trong đó một hoặc nhiều người nhận tin nhắn được chỉ định và sau đó văn bản

tin nhắn được truyền tải. Nó là giao thức máy khách-máy chủ, trong đó máy khách truyền tin nhắn email đến máy chủ.

## SSID

---

Mã định danh Bộ Dịch vụ (SSID) là tên của mạng cục bộ không dây (WLAN). Tất cả các thiết bị không dây trong WLAN đều sử dụng cùng một SSID để giao tiếp với nhau. Các SSID phân biệt chữ hoa chữ thường và có độ dài tối đa 32 ký tự.

## Mặt nạ Mạng con

---

Mặt nạ mạng con được sử dụng cùng với địa chỉ mạng để xác định phần nào của địa chỉ là địa chỉ mạng và phần nào là địa chỉ máy chủ.

## TCP/IP

---

Giao thức Điều khiển Truyền (TCP) và Giao thức Internet (IP); tập hợp các giao thức giao tiếp thực hiện xếp chồng giao thức mà Internet và hầu hết các mạng thương mại chạy trên đó.

## TCR

---

Báo cáo Xác nhận Truyền (TCR) cung cấp chi tiết của từng tác vụ truyền như tình trạng tác vụ, kết quả truyền và số trang được gửi. Báo cáo này có thể được thiết lập để in sau mỗi tác vụ hoặc chỉ sau khi truyền thất bại.

## TIFF

---

Định dạng Tập Hình ảnh Gắn thẻ (TIFF) là định dạng hình ảnh bitmap có độ phân giải thay đổi. TIFF mô tả dữ liệu hình ảnh thường đến từ máy quét. Hình ảnh TIFF sử dụng các thẻ, từ khóa xác định các đặc điểm của hình ảnh được bao gồm trong tệp. Định dạng linh hoạt và độc lập với nền tảng này có thể được sử dụng cho các hình ảnh được tạo ra bởi các ứng dụng xử lý hình ảnh khác nhau.

## Hộp Mực

---

Một loại chai hoặc hộp đựng được sử dụng trong máy như máy in có chứa mực. Mực là loại bột được sử dụng trong máy in laze và máy photocopy, để tạo thành văn bản và hình ảnh trên giấy in. Mực có thể được sấy bởi sự kết hợp giữa nhiệt/áp lực từ bộ phận sấy, khiến nó gắn với các sợi trong giấy.

## TWAIN

---

Một tiêu chuẩn ngành cho máy quét và phần mềm. Bằng cách sử dụng máy quét tương thích TWAIN với chương trình tương thích TWAIN, quá trình quét có thể được bắt đầu từ bên trong chương trình. Nó là API chụp ảnh cho các hệ điều hành Microsoft Windows và Apple Macintosh.

## Đường dẫn UNC

---

Quy ước Đặt tên Đồng nhất (UNC) là một cách tiêu chuẩn để truy cập vào các chia sẻ mạng trong Window NT và các sản phẩm khác của Microsoft. Định dạng của đường dẫn UNC là: \\<servername>\<sharename>\<Additional directory>

## URL

---

Định vị Tài nguyên Thống nhất (URL) là địa chỉ toàn cầu của tài liệu và tài nguyên trên Internet. Phần đầu tiên của địa chỉ cho biết nên sử dụng giao thức nào, phần thứ hai chỉ định địa chỉ IP hoặc tên miền nơi tài nguyên được đặt.

## USB

---

Buýt Nối tiếp Đa năng (USB) là tiêu chuẩn được phát triển bởi USB Implementers Forum, Inc. để kết nối các máy tính và thiết bị ngoại vi. Không giống như cổng song song, USB được thiết kế để kết nối đồng thời một cổng USB máy tính với nhiều thiết bị ngoại vi.

## Hình mờ

---

Hình mờ là hình ảnh hoặc hoa văn dễ nhận biết trên giấy có vẻ nhạt hơn khi nhìn với ánh sáng truyền qua. Hình mờ được giới thiệu lần đầu tiên ở Bologna, Ý vào năm 1282; chúng được các nhà sản xuất giấy sử dụng để nhận dạng sản phẩm của họ, và cả trên tem bưu chính, tiền tệ và các tài liệu khác của chính phủ để ngăn chặn hàng giả.

## WEP

---

Bảo mật Tương đương Có dây (WEP) là một giao thức bảo mật được chỉ định trong IEEE 802.11 để cung cấp mức bảo mật tương tự như mạng LAN có dây. WEP cung cấp bảo mật bằng cách mã hóa dữ liệu qua vô tuyến để nó được bảo vệ khi được truyền từ điểm cuối này sang điểm cuối khác.

## WIA

---

Kiến trúc Chụp ảnh Windows (WIA) là kiến trúc chụp ảnh ban đầu được giới thiệu trong Windows Me và Windows XP. Quét có thể được bắt đầu từ bên trong các hệ điều hành này bằng cách sử dụng máy quét tương thích WIA.

## WPA

---

Truy cập Bảo vệ Wi-Fi (WPA) là loại các hệ thống bảo mật mạng máy tính không dây (Wi-Fi), được tạo ra để cải thiện các tính năng bảo mật của WEP.

## WPA-PSK

---

WPA-PSK (Khóa Chia sẻ trước WPA) là chế độ đặc biệt của WPA dành cho người dùng là doanh nghiệp nhỏ hoặc gia đình. Khóa chung hoặc mật khẩu được cấu hình trong điểm truy cập không dây (WAP) và mọi thiết bị máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn không dây. WPA-PSK tạo ra khóa duy nhất cho mỗi phiên giữa máy khách không dây và WAP được liên kết để bảo mật nâng cao hơn.

## WPS

---

Thiết lập Bảo vệ Wi-Fi (WPS) là tiêu chuẩn để thiết lập mạng gia đình không dây. Nếu điểm truy cập không dây của bạn hỗ trợ WPS, bạn có thể cấu hình kết nối mạng không dây dễ dàng mà không cần máy tính.

## XPS

---

Thông số Kỹ thuật Giấy XML (XPS) là thông số kỹ thuật cho Ngôn ngữ Mô tả Trang (PDL) và định dạng tài liệu mới, mang lại lợi ích cho tài liệu di động và tài liệu điện tử, được phát triển bởi Microsoft. Đây là thông số kỹ thuật dựa trên XML, dựa trên đường dẫn in mới và định dạng tài liệu độc lập với thiết bị dựa trên véc-tơ.

# Chỉ mục

## A

### an ton

k hiệu	11
thng tin	11

## B

bảng ch giải thuật ngữ	100
bảng điều khiển	20
biểu tượng chung	10

## C

### ci đặt

Ứng dụng HP Smart	44
ci đặt trnh điều khiển	22
ci đặt ưa thch, để in	50

## Đ

### đặt my

điều chỉnh độ cao	24
-------------------	----

## H

HP Embedded Web Server	41
thng tin chung	41
hiểu đèn LED chú ý	77
hnh mở	
chỉnh sửa	54
tạo	54
xa	54

## hộp mực

bảo quản	66
hướng dẫn xử l	66
khng phải của HP v được lm đầy lại	66
phn phối lại mực	68
tuổi thọ ước tnh	67
thay hộp mực	69

## I

### in

in ti liệu	
Windows	47
tnh năng my in đặc biệt	52
thông tin vật tư	79
Ứng dụng HP Smart	44

### in lớp phủ

in	56
tạo	55
xa	56

## K

### kẹt giấy

loại bỏ giấy	75
mẹo để tránh kẹt giấy	74

### khay

điều chỉnh chiều rộng v chiều di	26
sử dụng phương tiện đặc biệt	28
thay đổi kch thước khay	26

### khắc phục sự cố

không dây	91
-----------	----

### khng dy

Cp USB	38
--------	----

## L

---

<b>lm sạch</b>	
bn ngoi	70
bn trong	70
con lăn nhận giấy	72
<b>lm sạch my</b>	70

## M

---

<b>mạng</b>	
Cấu hnh IPv6	33
ci đặt trnh điều khiển	
Windows	35
thiết lập mạng c dy	33
thiết lập mạng khng dy	36
<b>mặt sau</b>	19
<b>mặt trước</b>	18

## N

---

<b>nạp</b>	
giấy vo khay1	27
phương tiện đặc biệt	28
<b>nt dừng</b>	20

## P

---

<b>phương tiện in</b>	
gi đỡ đầu ra	96
giấy in sẵn	31
hướng dẫn	25
kho thẻ	31
nhn	30
phong b	29
phương tiện đặc biệt	28

## Q

---

<b>quy ước</b>	10
----------------	----

## S

---

<b>Smart app</b>	44
<b>sử dụng trợ gip</b>	51

## T

---

<b>Tnh trạng My in</b>	60
<b>tnh năng</b>	6
tnh năng phương tiện in	96
<b>tnh năng in</b>	52
<b>tnh trạng my in</b>	
thng tin chung	60
<b>thng số kỹ thuật</b>	
phương tiện in	96
<b>thng tin</b>	
Ứng dụng HP Smart	44
<b>thông tin vật tư</b>	79

## Ứ

---

<b>Ứng dụng Smart</b>	44
-----------------------	----

## V

---

<b>vấn đề</b>	
vấn đề chất lượng in	85
vấn đề in	82
vấn đề khi nạp giấy vào	80
vấn đề về nguồn	81
<b>vật tư</b>	
đặt hng	64
tuổi thọ ước tnh của hộp mực	67

thay hộp mực	69
vật tư c sẵn	64

## W

---

### Windows

các vấn đề phổ biến về Windows	90
ci đặt trnh điều khiển	22
ci đặt trnh điều khiển cho mạng được kết nối	35
yu cầu hệ thống	98